

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐIỂM TIN

**KINH TẾ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG NĂM 2024**

<https://thongkehochiminh.gso.gov.vn>

-
-
-
-
-
-



TỔNG	<input checked="" type="checkbox"/> Những nét chính kinh tế - xã hội Thành phố1
QUAN	<input checked="" type="checkbox"/> Tổng quan các chỉ số vĩ mô3

**KINH TẾ
VĨ MÔ**

<input checked="" type="checkbox"/> Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn4
<input checked="" type="checkbox"/> Huy động và dư nợ tín dụng.....7
<input checked="" type="checkbox"/> Hoạt động chứng khoán8
<input checked="" type="checkbox"/> Doanh nghiệp trong nước9
<input checked="" type="checkbox"/> Dự án FDI đăng ký mới11
<input checked="" type="checkbox"/> Giải ngân vốn đầu tư công12
<input checked="" type="checkbox"/> Chỉ số giá tiêu dùng13

**TÌNH
HÌNH
MỘT SỐ
NGÀNH,
LĨNH
VỰC**

<input checked="" type="checkbox"/> Nông nghiệp và thủy sản17
<input checked="" type="checkbox"/> Chỉ số sản xuất công nghiệp18
<input checked="" type="checkbox"/> Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ23
<input checked="" type="checkbox"/> Xuất, nhập khẩu hàng hóa28
<input checked="" type="checkbox"/> Vận tải hành khách và hàng hóa.....31
<input checked="" type="checkbox"/> Vấn đề văn hóa - xã hội33

PHỤ LỤC

<input checked="" type="checkbox"/> Nhóm giải pháp thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế.....35
<input checked="" type="checkbox"/> GRDP trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh quý I năm 202437
<input checked="" type="checkbox"/> GDP cả nước và GRDP TP. Hồ Chí Minh quý I năm 2024.....38
<input checked="" type="checkbox"/> GRDP các thành phố trực thuộc Trung ương quý I năm 2024.....39
<input checked="" type="checkbox"/> GRDP các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ quý I năm 2024.....40
<input checked="" type="checkbox"/> Chỉ số phát triển GRDP quý I năm 2024 của 63 tỉnh, thành.....41

1. Sản xuất công nghiệp phục hồi chậm

Chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2024 tăng 5,3% so với cùng kỳ và cùng kỳ giai đoạn 2019-2024 với mức tăng bình quân 1,9%, cho thấy công nghiệp phục hồi khá chậm và còn nhiều khó khăn. Trong đó, 11/30 ngành công nghiệp cấp II giảm so với cùng kỳ; hoạt động chế biến, chế tạo là trụ cột của ngành công nghiệp (khi chiếm hơn 90% giá trị gia tăng toàn ngành công nghiệp) nhưng chỉ tăng 4,9% so với cùng kỳ (thấp hơn IIP toàn ngành); lao động giảm 5,7% so với cùng kỳ. Ảnh hưởng tích cực từ sự phục hồi xuất khẩu của thị trường nước ngoài, các doanh nghiệp có đơn hàng quay trở lại.

2. Sức mua của thị trường trong nước vẫn duy trì nhưng thấp hơn mức tiềm năng

Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 5 tháng đầu năm 2024 tăng 10,2% so với cùng kỳ, đây mức tăng chậm lại so với các tháng đầu năm 2024 do dịch vụ ăn uống có xu hướng giảm, quy mô chỉ tương đương cùng kỳ năm 2021, tính bình quân từ năm 2019 đến nay chỉ tăng 4,5%/năm trong khi chỉ số giá tăng 3,2% thì doanh thu sau khi trừ giá tăng không đáng kể, cho thấy sức mua đang thấp so với tiềm năng. Trong đó: Doanh thu bán lẻ tăng 9,3% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu hành tăng 65,1% so với cùng kỳ, doanh thu lưu trú tăng 49,9% nhưng dịch vụ ăn uống chỉ tăng 3,8% cho thấy xu hướng tiêu dùng tiết kiệm, thắt chặt hơn.

3. Chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 5 tháng đầu năm 2024 tăng 3,24% so với cùng kỳ (cùng kỳ 2023 tăng 4,01%). Trong năm 2023, CPI từ đầu năm đến cuối năm có xu hướng giảm nhưng năm 2024 có xu hướng tăng và nhiều khả năng năm 2024 lạm phát cao hơn năm 2023 (nhưng vẫn dưới mục tiêu 4,5%). Điều này cho thấy kinh tế phục hồi tốt hơn, cung tiền nhiều hơn, vòng quay tiền nhanh hơn, khi lạm phát dưới ngưỡng thì lạm phát tăng sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế hơn.

4. Dự nợ tín dụng có chuyển biến tích cực

Dự nợ tín dụng tháng sau cao hơn tháng trước (tháng 1: -0,93%, tháng 2: +0,01%, tháng 3: +1,9%, tháng 4: +0,35% và tháng 5: +1,9% so với cuối năm 2023) và tổng vốn huy động 5 tháng đầu năm tăng 8,3% so với cùng kỳ, dự nợ tăng 9,8%. Điều này là tín hiệu tích cực của nền kinh tế khi nhu cầu vay vốn tăng trưởng trở lại, trong khi đó lãi suất cho vay một số ngân hàng đã bắt đầu tăng.

Thị trường chứng khoán có nhiều biến động nhưng nhìn chung có xu hướng tích cực khi 4 tháng đầu năm 2024 tổng khối lượng giao dịch tăng 53,1% và giá trị gấp 2 lần so với cùng kỳ.

5. Xuất nhập
khẩu tăng
trưởng tích cực

Kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2024 đạt 18,6 tỷ USD, tăng 14,2% so với cùng kỳ. Nhập khẩu đạt 22,8 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, thu thuế từ hoạt động xuất khẩu lại giảm 8%.

6. Giải ngân
vốn đầu tư
công khá chậm

Tính đến hết ngày 24/5/2024, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đã giải ngân là 6.705 tỷ đồng, đạt 8,5% so với Kế hoạch vốn năm 2024. Từ tháng 4/2024 đến 24/5/2024 Thành phố chỉ giải ngân 1,5% Kế hoạch vốn, cho thấy tiến độ giải ngân khá chậm so với mục tiêu đề ra.

7. Môi trường
kinh doanh
trong nước
chưa được cải
thiện rõ nét

Trong 5 tháng đầu năm 2024, Thành phố có 27.781 doanh nghiệp tham gia vào thị trường nhưng cũng có đến 20.516 doanh nghiệp rút khỏi thị trường (*cứ 10 doanh nghiệp tham gia vào thị trường thì tương ứng có 7 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tỷ lệ này cùng kỳ là 10:6*). So với cả nước thì Thành phố không khả quan hơn (*cả nước tỷ lệ 10:6*).

Trong 5 tháng đầu năm 2024 số dự án FDI đăng ký mới tăng 24,1% so với cùng kỳ nhưng tổng vốn đăng ký giảm 23%. Bình quân 0,44 triệu USD/dự án (*cùng kỳ năm 2023 vốn đạt 0,62 triệu USD/dự án*).

8. Hoạt động
bất động sản
khởi sắc trở lại

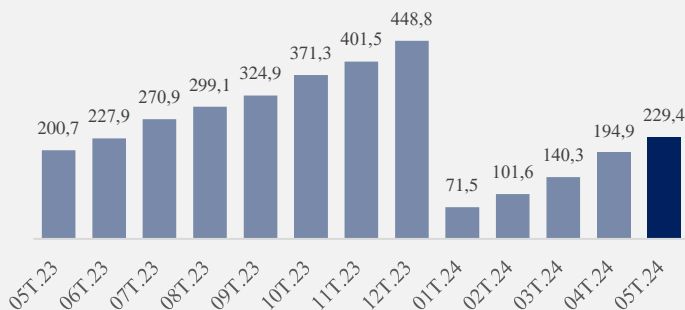
Những tín hiệu cho thấy dòng tiền vào thị trường bất động sản có sự phục hồi đáng kể với hàng loạt yếu tố tích cực. Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản 5 tháng đầu năm 2024 tăng 7,4% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, thu thuế từ nhà, đất tăng 44,8% so với cùng kỳ.

9. Thu ngân
sách nhà nước
vẫn duy trì, chi
thường xuyên
chưa cải thiện

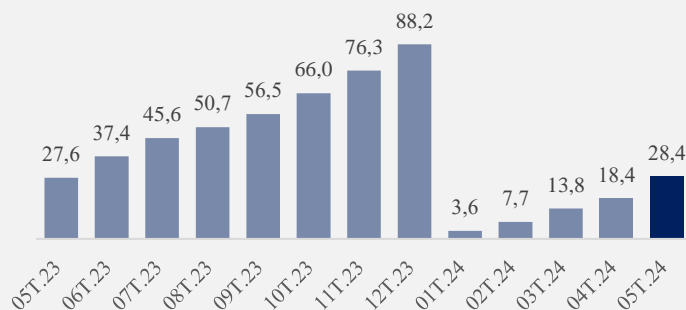
Tổng thu ngân sách Nhà nước tăng 14,3% so với cùng kỳ, trong đó thu từ các thành phần kinh tế đều tăng (*thu từ doanh nghiệp nhà nước tăng 18%, ngoài nhà nước tăng 18,5% và có vốn đầu tư nước ngoài tăng 18,6%*) góp phần thu nội địa tăng 25,3%, tuy nhiên thu từ hoạt động xuất nhập khẩu vẫn còn giảm 8%.

Chi ngân sách chỉ tăng 2,7% so với cùng kỳ (*đây là mức tăng thấp nhất kể từ tháng 2/2023*), riêng chi thường xuyên giảm 3,5% và chỉ đạt 27,5% dự toán, điều này sẽ ảnh hưởng đến tiêu dùng cuối cùng khu vực nhà nước trong GRDP quý II năm 2024.

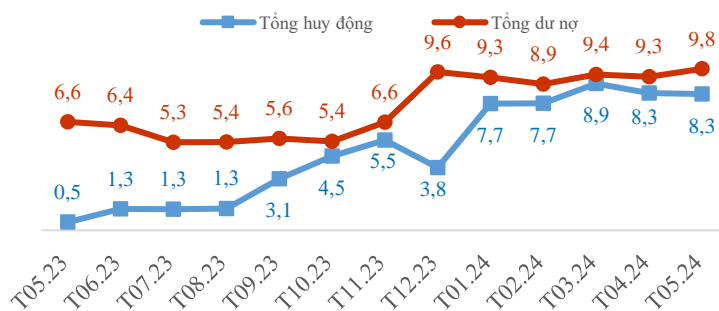
Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



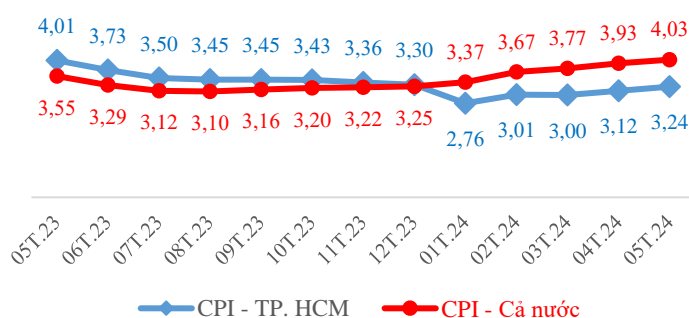
Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



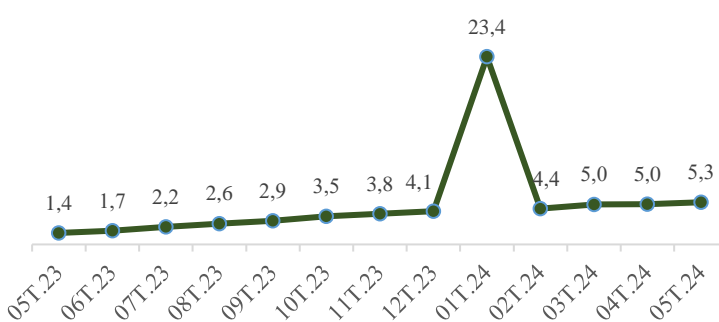
Tốc độ tăng vốn huy động, dư nợ tín dụng
so với cùng kỳ (%)



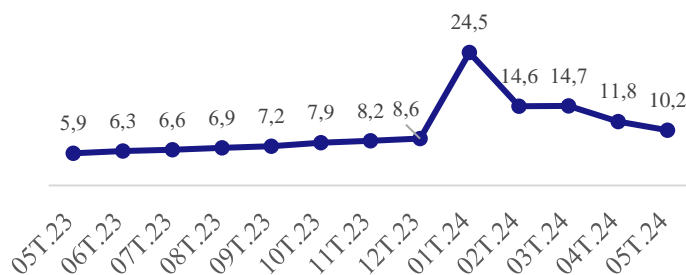
CPI bình quân của TP. HCM và
Cả nước (lũy kế, %)



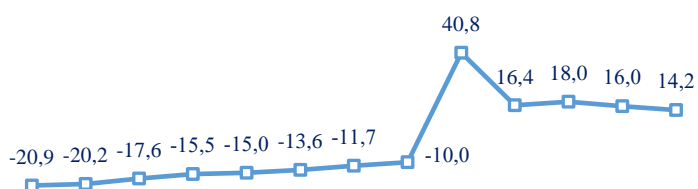
IIP so với cùng kỳ (lũy kế, %)



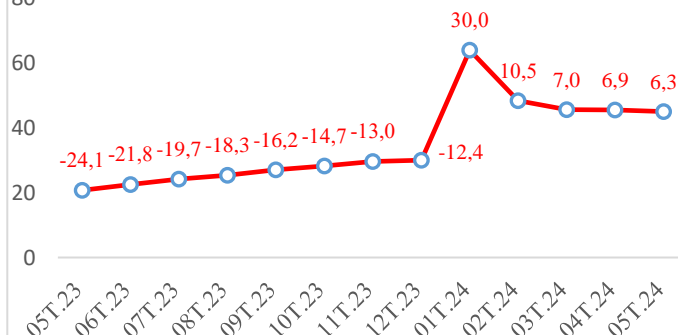
Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ hàng hoá
và doanh thu dịch vụ
so với cùng kỳ (lũy kế, %)



Giá trị xuất khẩu hàng hóa
so với cùng kỳ (lũy kế, %)



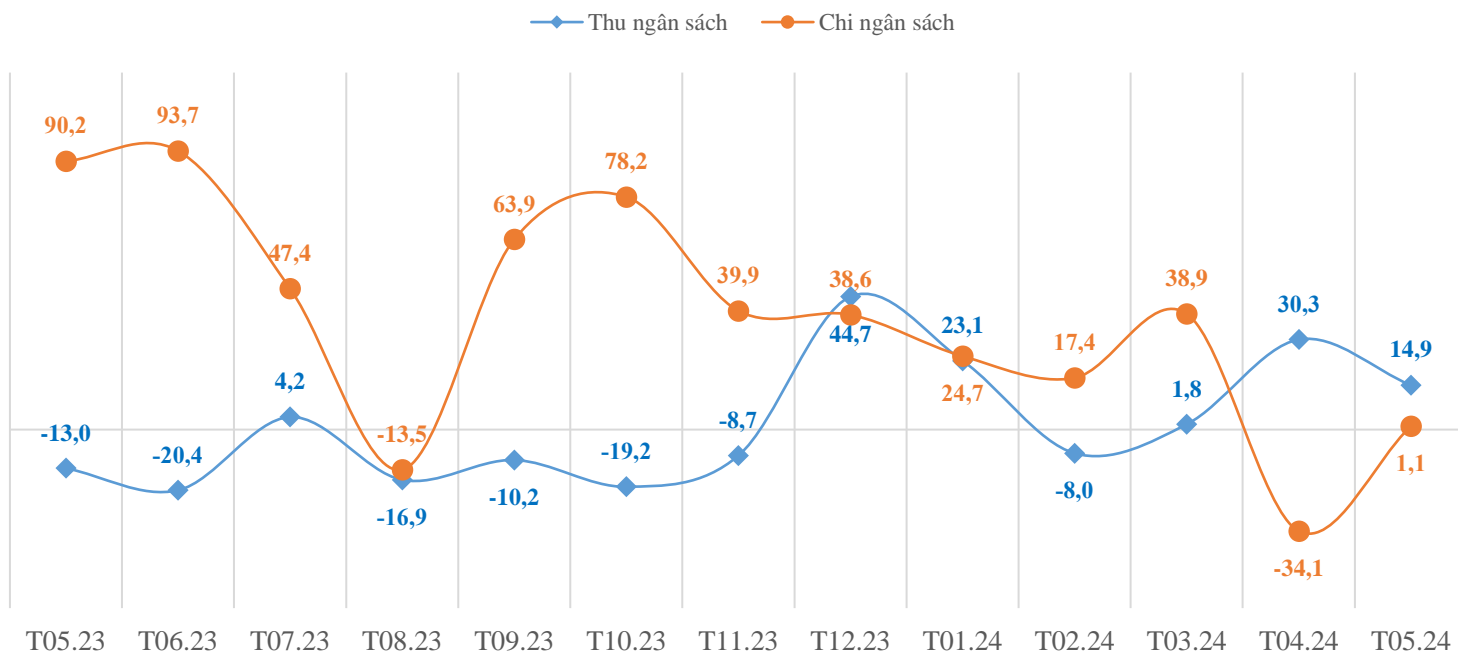
Giá trị nhập khẩu hàng hóa
so với cùng kỳ (lũy kế, %)



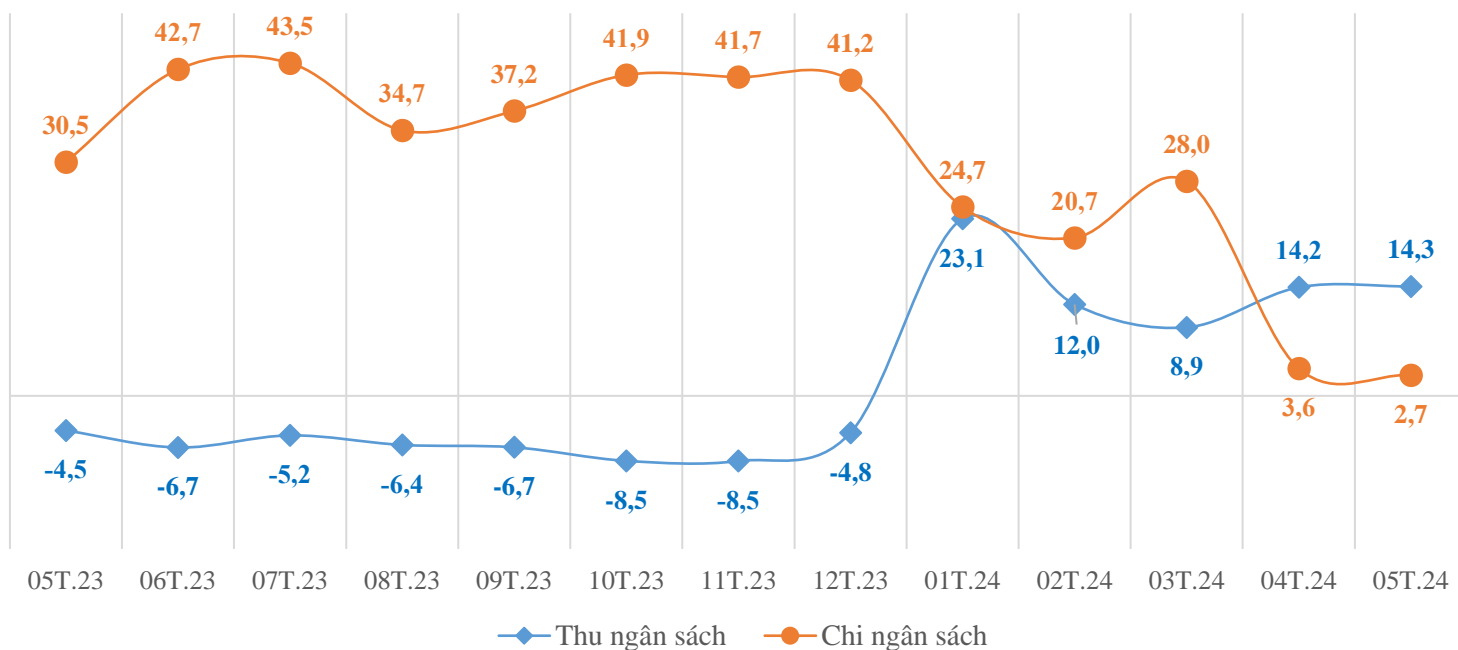
Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố trong 5 tháng đầu năm 2024 ước tăng 14,3% so với cùng kỳ, trong đó thu từ các khu vực kinh tế đều tăng góp phần thu nội địa tăng 25,3%, riêng thu từ dầu thô giảm 14,7% và thu từ xuất nhập khẩu giảm 8%.

Chi ngân sách địa phương ước tăng 2,7%, trong đó chi thường xuyên giảm 3,5% so với cùng kỳ.

Tốc độ tăng thu, chi ngân sách so với cùng kỳ (theo tháng, %)



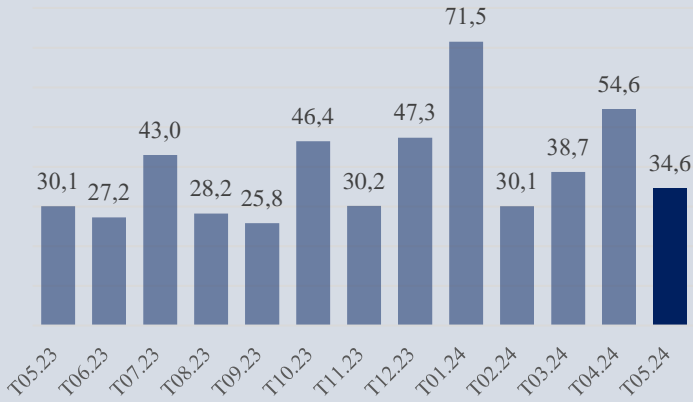
Tốc độ tăng thu, chi ngân sách so với cùng kỳ (lũy kế, %)



14,3%

**Thu ngân sách
lũy kế so với cùng kỳ**

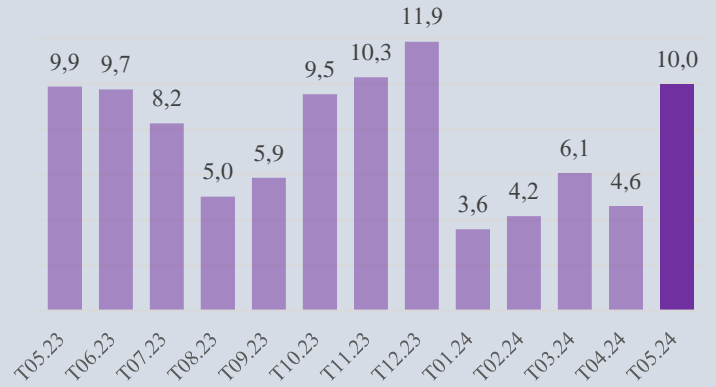
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



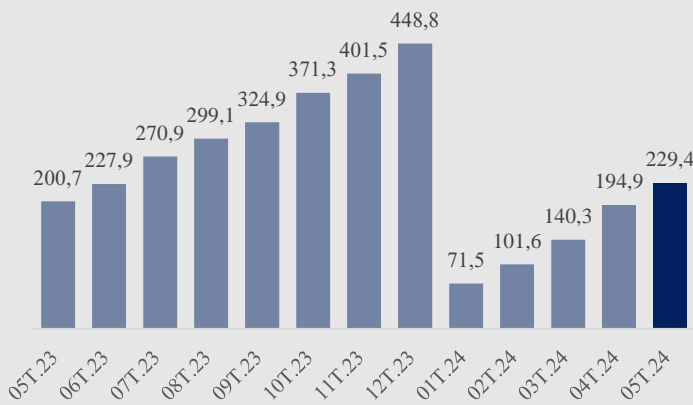
2,7%

**Chi ngân sách (trừ tạm ứng)
lũy kế so với cùng kỳ**

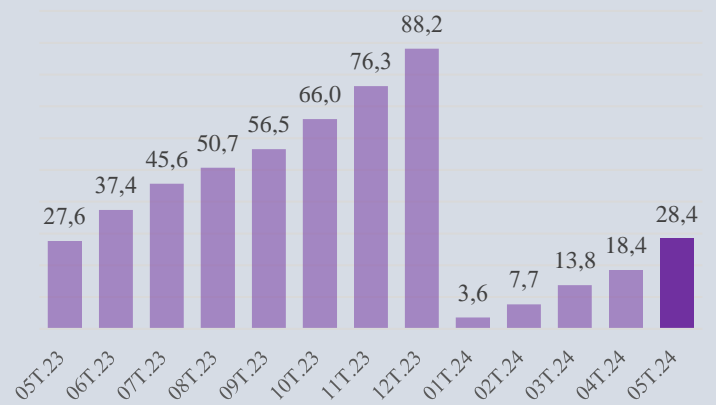
**Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)**



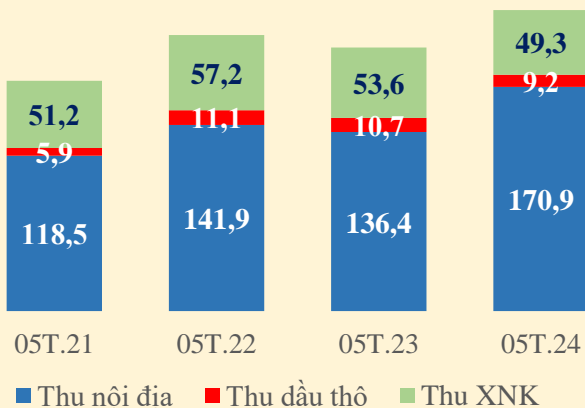
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



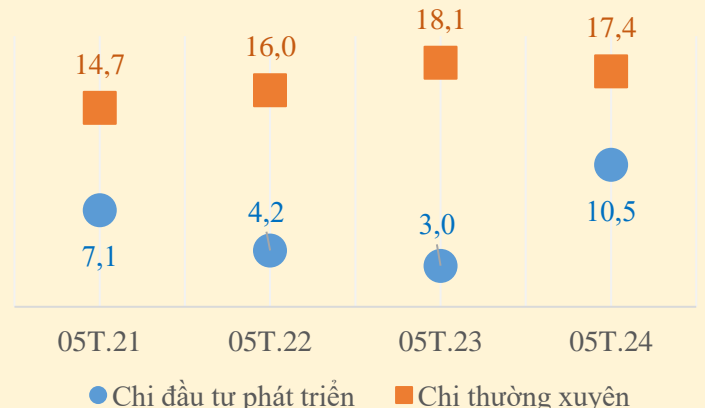
**Tổng chi ngân sách trừ tạm ứng
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



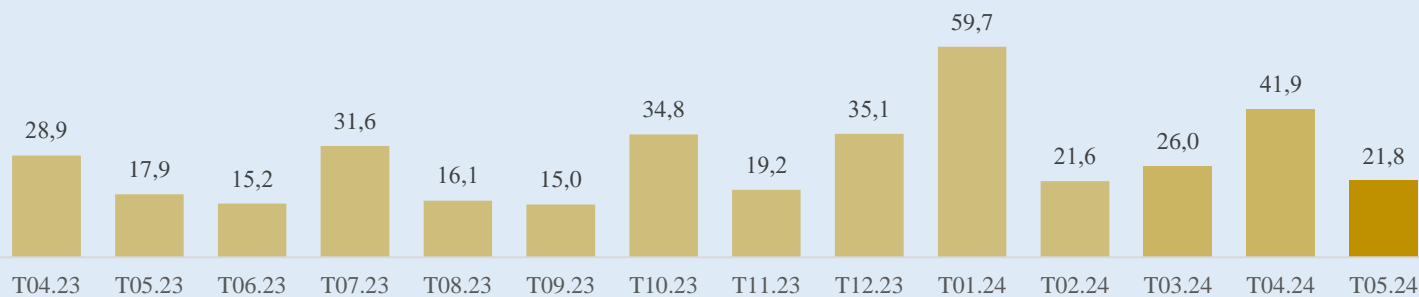
**Thu ngân sách các khu vực
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



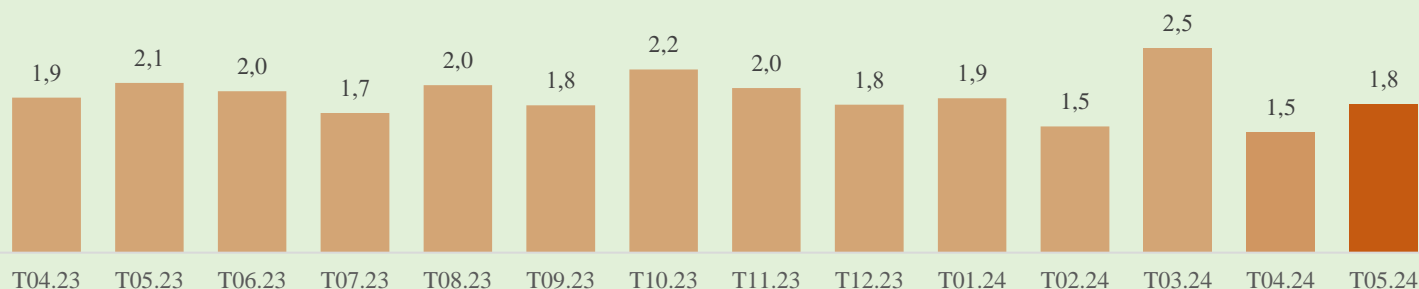
**Chi ngân sách theo lĩnh vực
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



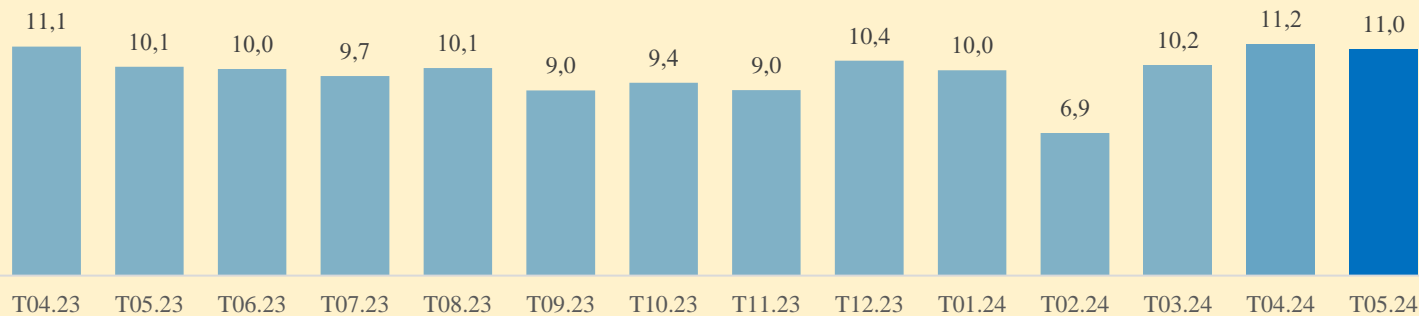
Tổng thu ngân sách nhà nước từ thu nội địa (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



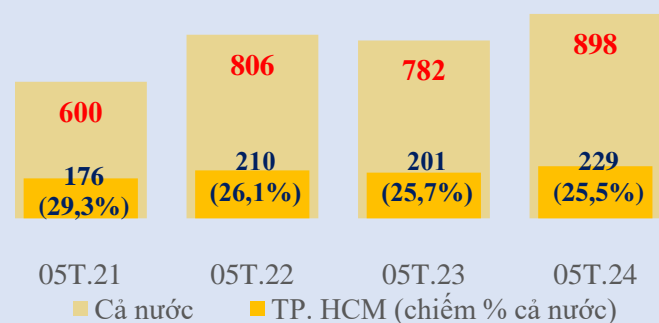
Tổng thu ngân sách nhà nước từ dầu thô (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



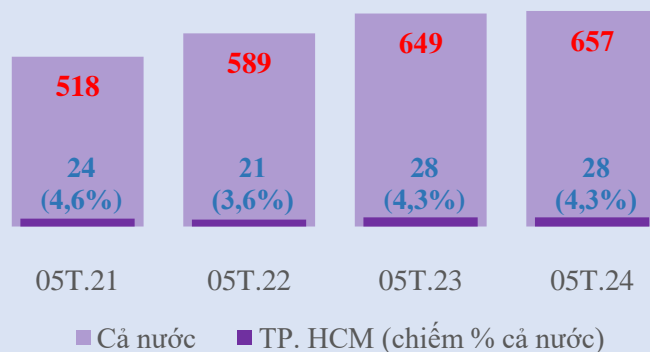
Tổng thu ngân sách nhà nước từ xuất nhập khẩu (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Thu ngân sách nhà nước TP.HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



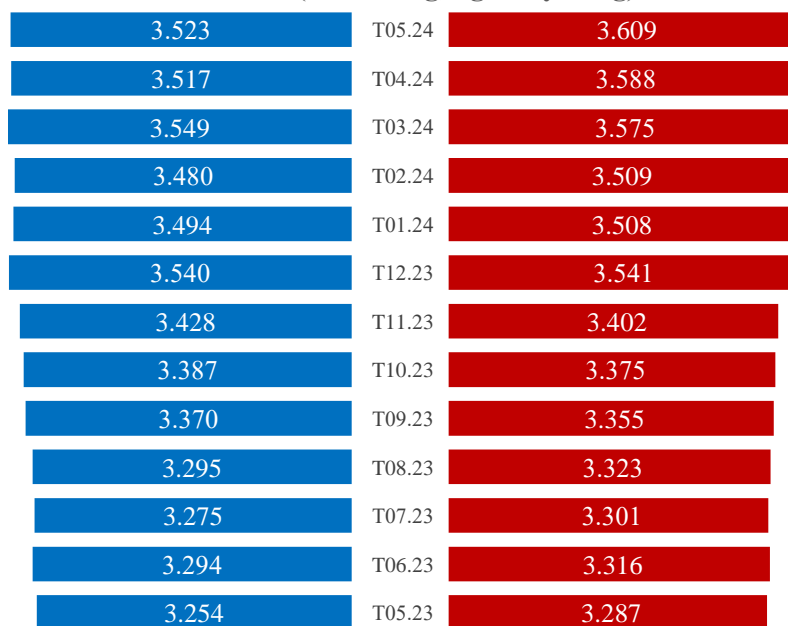
Chi ngân sách nhà nước TP.HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Tính đến cuối tháng 4 năm 2024, lãi suất huy động bằng VNĐ tại các Ngân hàng Thương mại có diễn biến giảm nhẹ, nhưng đến 15/5/2024 một số Ngân hàng điều chỉnh tăng 0,05%-0,1%/năm đối với kỳ hạn ngắn hạn. Lãi suất cho vay bằng VNĐ cuối tháng 4 được điều chỉnh tăng 0,2%-0,4%/năm đối kỳ ngắn hạn và giảm 0,2%/năm đối với kỳ trung, dài hạn.

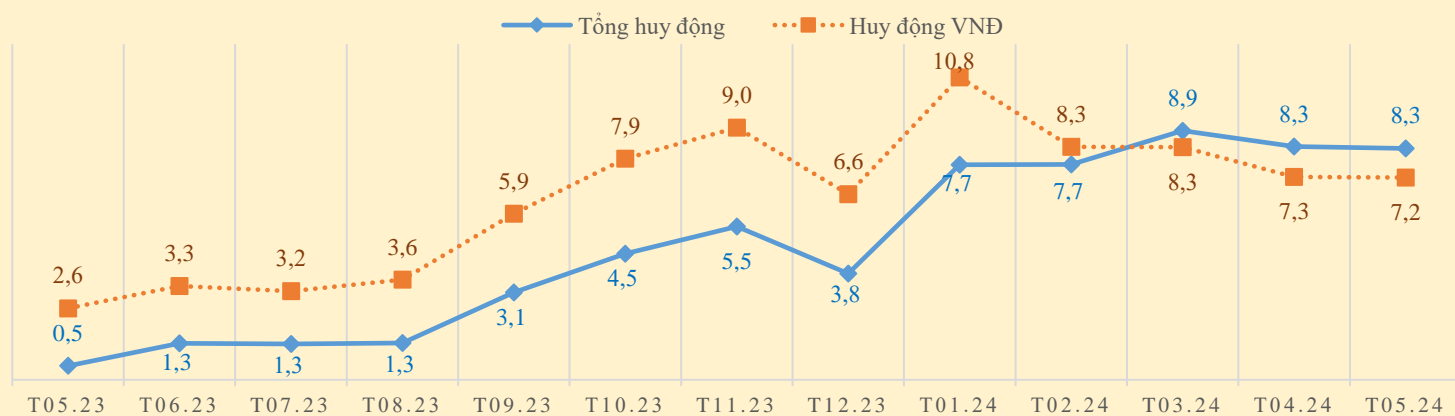
Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tăng 8,3% và dư nợ tăng 9,8% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng trên địa bàn TP. HCM (theo tháng, nghìn tỷ đồng)

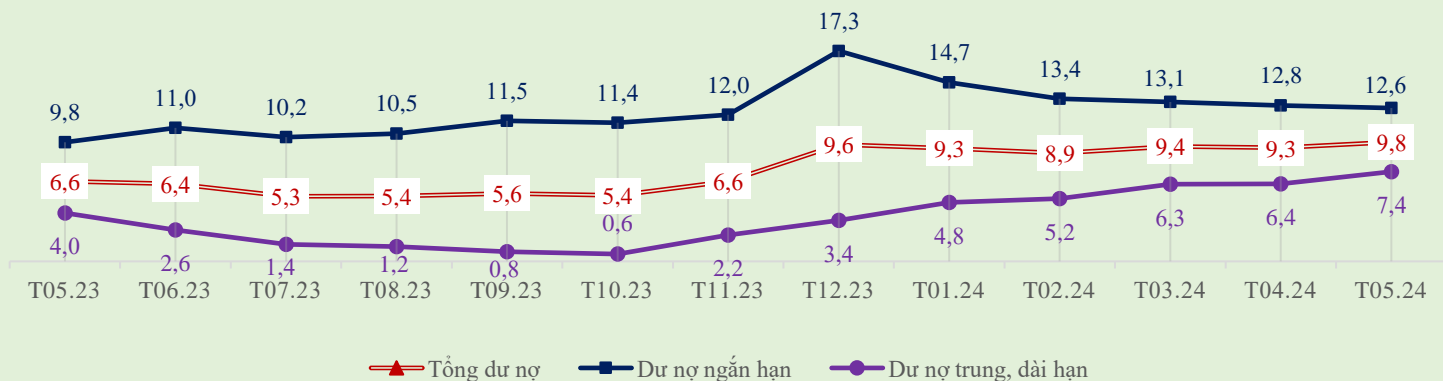


■ Tổng vốn huy động ■ Tổng dư nợ tín dụng

Tốc độ tăng tổng vốn huy động so với cùng kỳ (theo tháng, %)

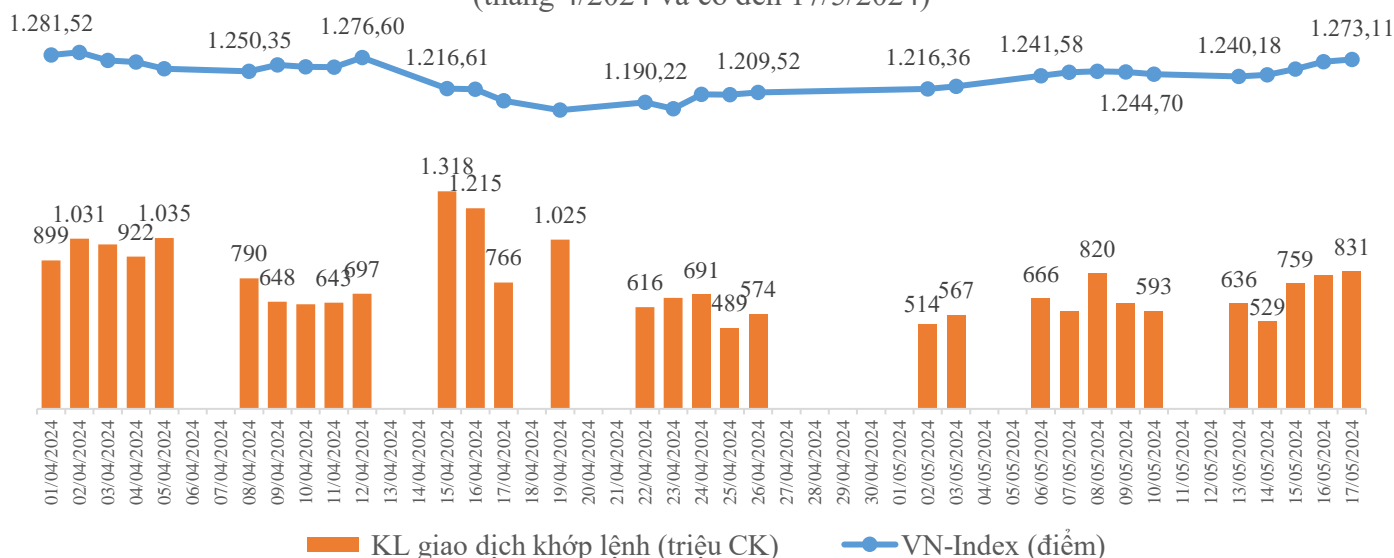


Tốc độ tăng dư nợ tín dụng so với cùng kỳ (theo tháng, %)



Quy mô giao dịch chứng khoán trên sàn Hose trong tháng 4 năm 2024 giảm so với tháng trước, lũy kế 4 tháng đầu năm 2024 tổng khối lượng giao dịch tăng 61% về khối lượng và giá trị gấp 2 lần so với cùng kỳ. Chỉ số VN-Index trong tháng 4 năm 2024, với 19 phiên giao dịch được thực hiện thì có đến 13 phiên VN-Index giảm điểm và 06 phiên tăng điểm. Trong phiên giao dịch đầu tháng VN-Index đạt 1.281,52 điểm, tăng 13,4% (tương ứng tăng 151,59 điểm) so với ngày 29/12/2023. Các phiên giao dịch tiếp theo VN-Index có xu hướng giảm và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index giảm về mức 1.209,52 điểm, giảm 5,6% (tương ứng giảm 72 điểm) so với phiên đầu tháng; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.923.957 tỷ đồng, gấp 3 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2023.

Khối lượng giao dịch khớp lệnh và Chỉ số VN-Index trên sàn Hose
(tháng 4/2024 và có đến 17/5/2024)

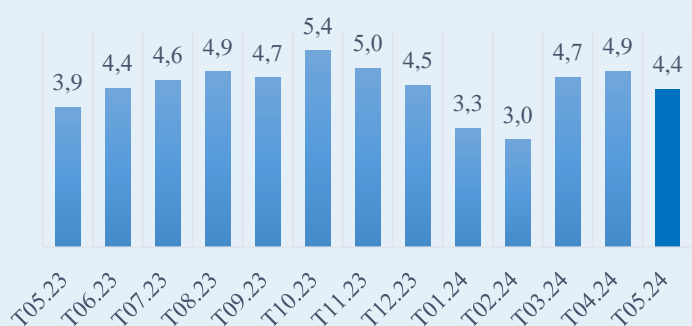


Chỉ số VN-Index năm 2023 và có đến ngày 17/5/2024

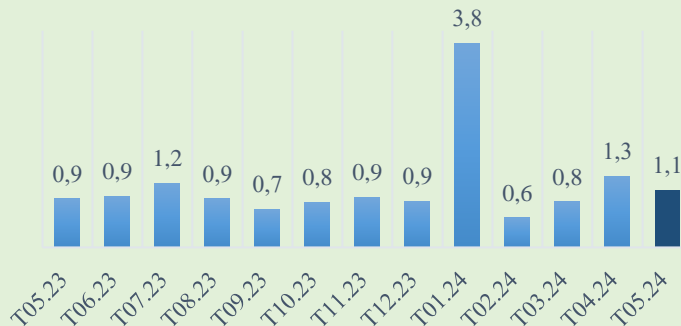


Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/5/2024, Thành phố đã cấp phép 20.245 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 172.954 tỷ đồng, tăng 8,7% về giấy phép và giảm 3,3% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, công ty TNHH đăng ký thành lập mới tăng 10,8% về cấp phép và tăng 4,5% về vốn so với cùng kỳ; công ty cổ phần giảm 4,2% về cấp phép và giảm 28,1% về vốn; doanh nghiệp tư nhân giảm 42,2% về cấp phép và giảm 6,9% về vốn.

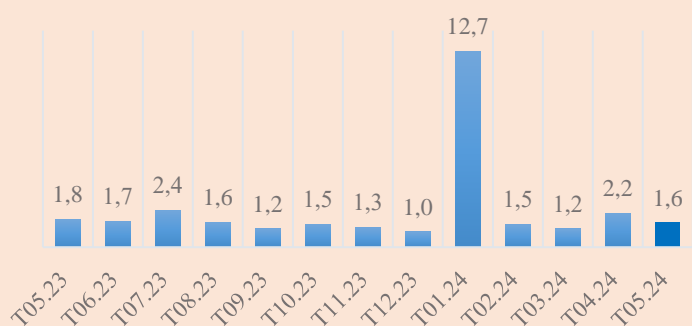
Số DN thành lập mới
(theo tháng, nghìn DN)



Số DN quay lại hoạt động
(theo tháng, nghìn DN)



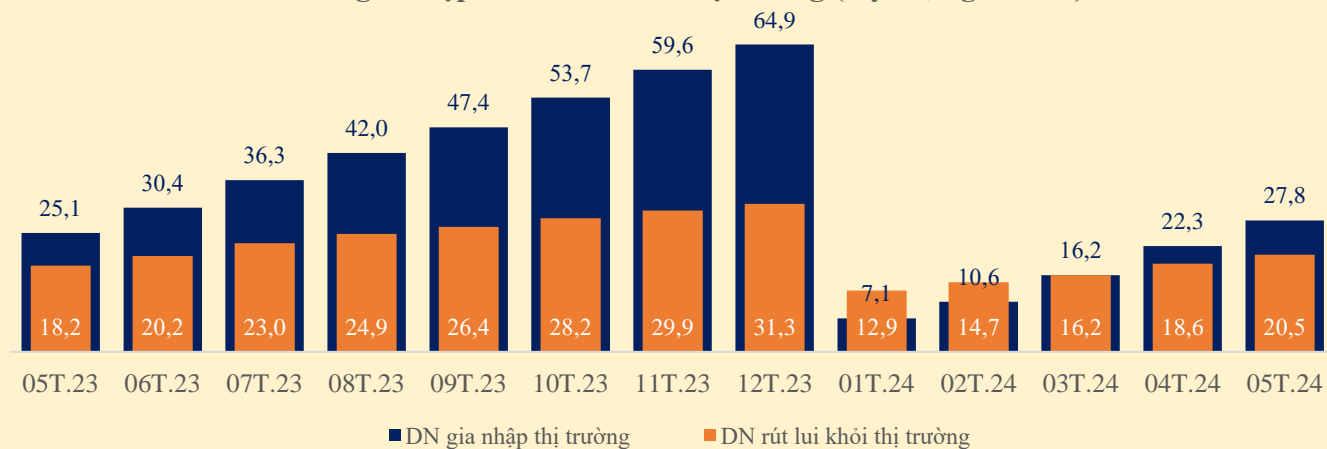
Số DN tạm ngưng có thời hạn
(theo tháng, nghìn DN)



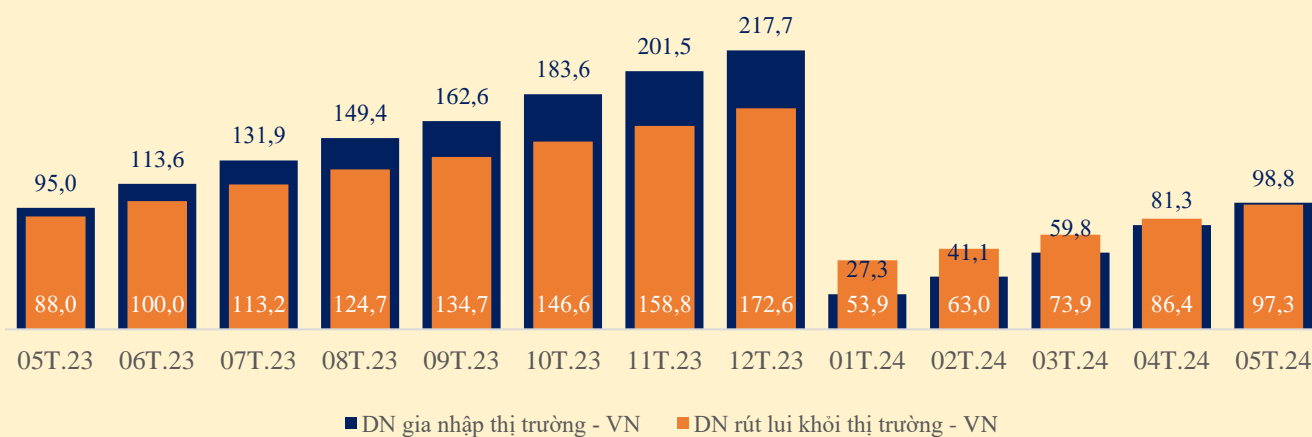
Số DN chờ giải thể/giải thể
(theo tháng, nghìn DN)



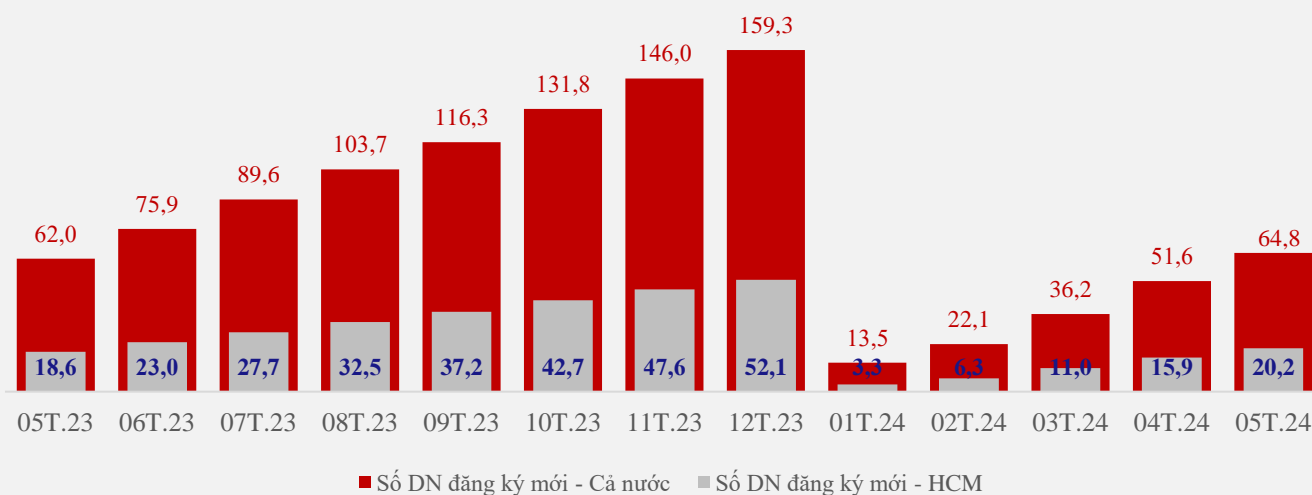
Số DN gia nhập và rút lui khỏi thị trường (lũy kế, nghìn DN)



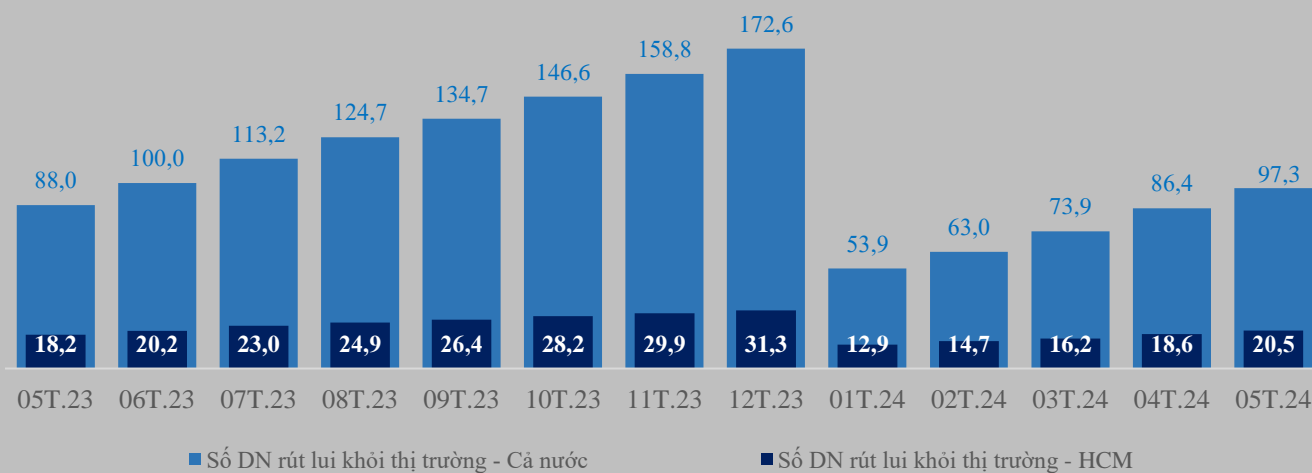
Số DN gia nhập và rút lui khỏi thị trường Cả nước (lũy kế, nghìn DN)



Số DN thành lập mới của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn DN)

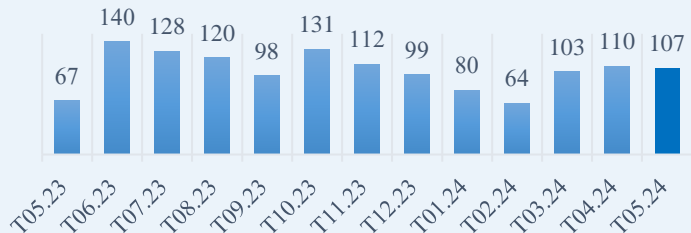


Số DN rút lui khỏi thị trường của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, nghìn DN)

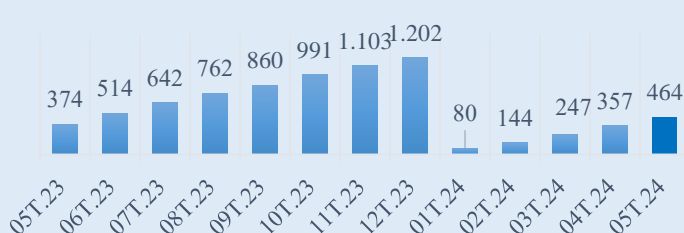


Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 20/5/2024, Thành phố đã cấp mới 464 dự án FDI, tăng 24,1% và vốn đăng ký mới đạt 153,9 triệu USD, giảm 23% so với cùng kỳ. Ngoài ra, có 72 dự án điều chỉnh vốn đăng ký với vốn điều chỉnh đạt 87,7 triệu USD, giảm 78,3% so với cùng kỳ; có 823 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần góp vốn với giá trị 707,3 triệu USD, tăng 30,7% so với cùng kỳ.

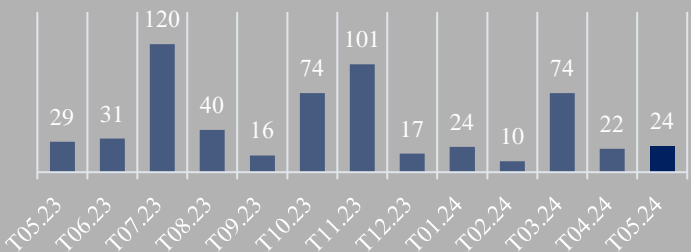
Số dự án FDI cấp mới
(theo tháng, dự án)



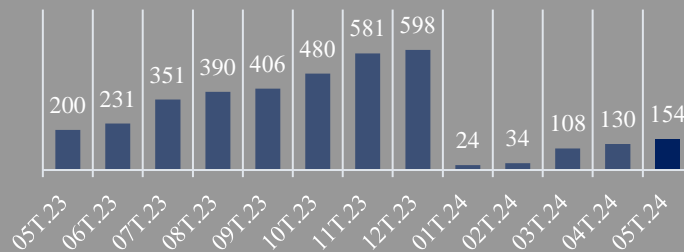
Số dự án FDI cấp mới
(lũy kế, dự án)



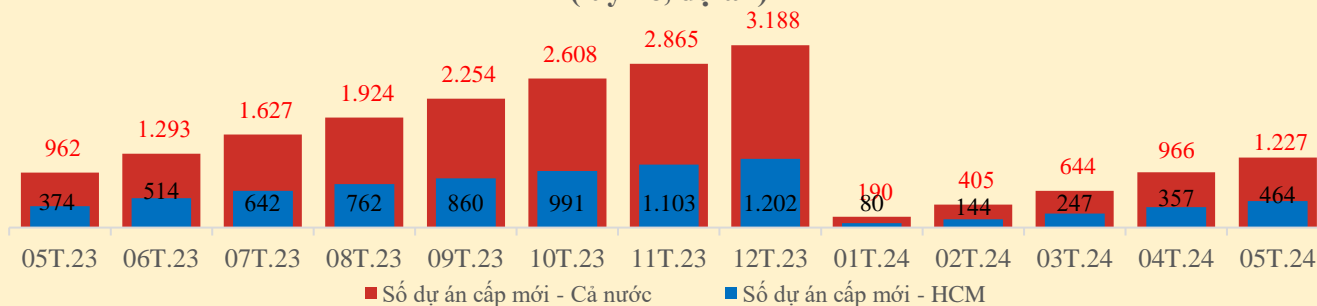
Vốn FDI đăng ký mới
(theo tháng, triệu USD)



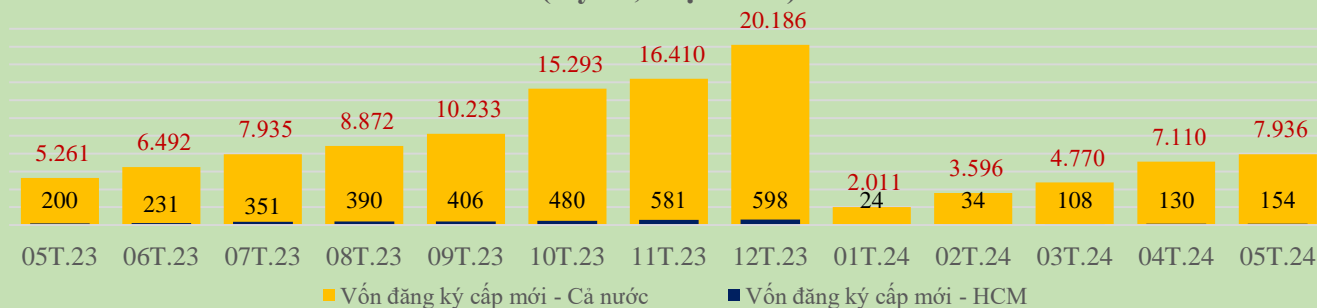
Vốn FDI đăng ký mới
(lũy kế, triệu USD)



Số dự án FDI đăng ký mới của TP. HCM so với Cả nước
(lũy kế, dự án)



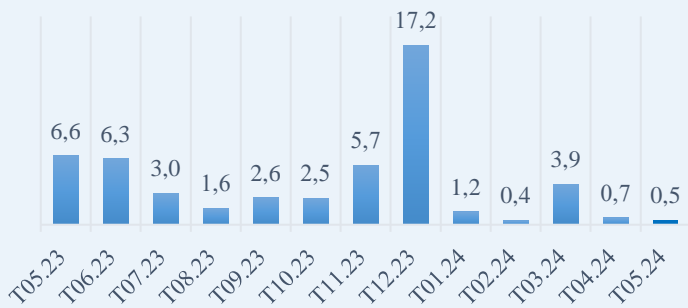
Vốn FDI đăng ký mới của TP. HCM so với Cả nước
(lũy kế, triệu USD)



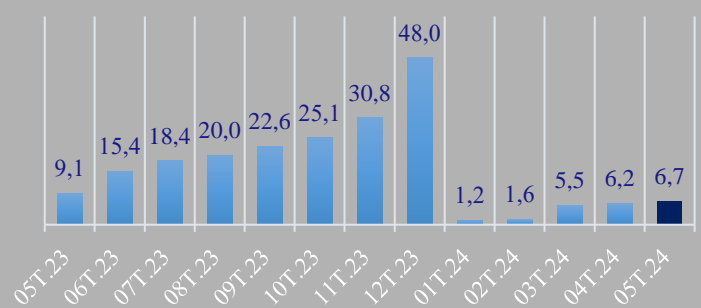
Tính đến hết ngày 24/5/2024, tổng số vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đã giải ngân là 6.705,2 tỷ đồng, đạt 8,5% so với Kế hoạch vốn năm 2024; ước tính đến hết tháng 5 năm 2024 giải ngân đạt 10.895,2 tỷ đồng, đạt 13,7% Kế hoạch và tăng 18% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2023 giải ngân đạt 9.230,3 tỷ đồng, đạt 13,1% Kế hoạch).

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm: Dự án đường sắt Bến Thành – Suối Tiên đã hoàn thành 98% khối lượng, trong đó, ga ngầm Bến Thành đã cơ bản hoàn thiện, chờ bàn giao trước khi vận hành; Dự án đường sắt Bến Thành - Tham Lương đã bàn giao mặt bằng đạt 90%; Dự án Thành phần 1 (Vành đai 3 Thành phố) đã triển khai 10/14 gói thầu xây lắp và 04 gói thầu đã được khởi công; Dự án Thành phần 2 (Vành đai 3 Thành phố) bồi thường mặt bằng đạt 99,8%.

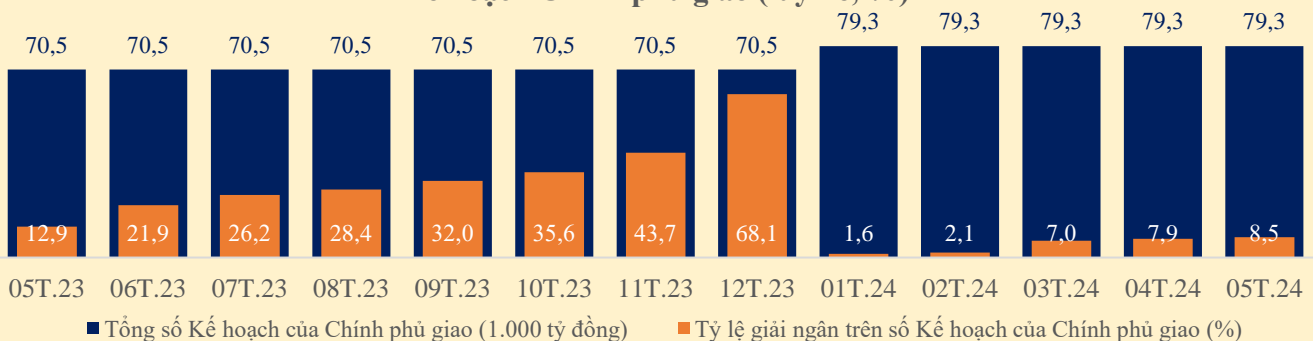
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước (lũy kế, nghìn tỷ đồng)

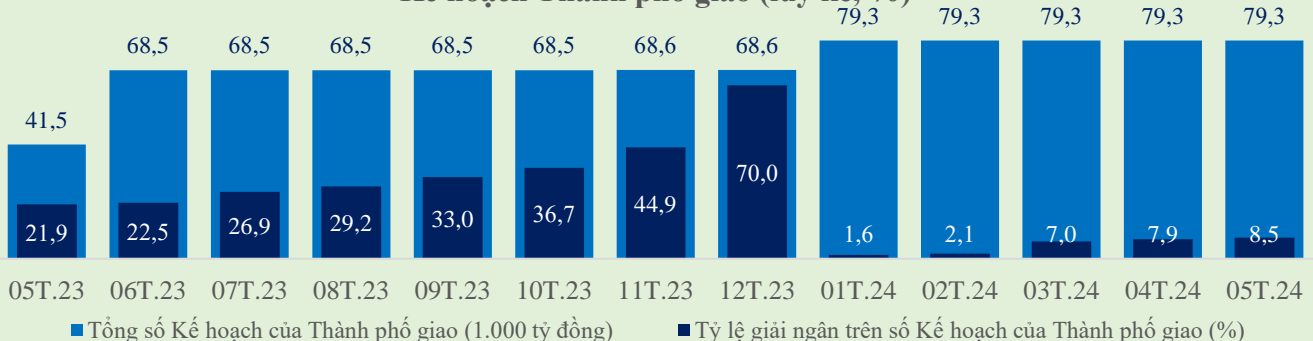


Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước so với Kế hoạch Chính phủ giao (lũy kế, %)



■ Tổng số Kế hoạch của Chính phủ giao (1.000 tỷ đồng) ■ Tỷ lệ giải ngân trên số Kế hoạch của Chính phủ giao (%)

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách Nhà nước so với Kế hoạch Thành phố giao (lũy kế, %)

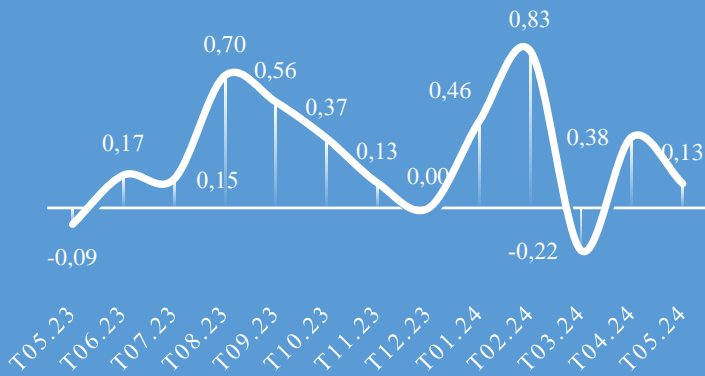


■ Tổng số Kế hoạch của Thành phố giao (1.000 tỷ đồng) ■ Tỷ lệ giải ngân trên số Kế hoạch của Thành phố giao (%)

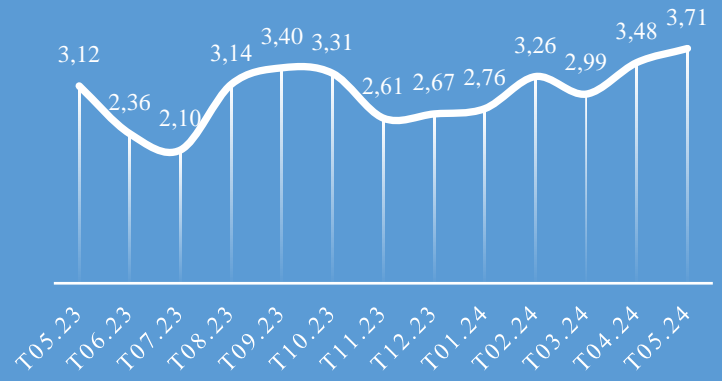
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5 năm 2024 tăng 0,13% so với tháng trước, trong đó, có 4/11 nhóm có chỉ số giá giảm với mức giảm nhiều nhất ở nhóm giao thông là 1,36%; các nhóm còn lại đều có chỉ số giá tăng, tăng cao nhất là nhóm hàng hóa và dịch vụ khác với mức tăng 0,69%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 5 tháng năm 2024 tăng 3,24% so với cùng kỳ. Trong đó, nhóm bưu chính viễn thông giảm 4,03%; các nhóm còn lại đều tăng và tăng cao nhất là nhóm thuốc và dịch vụ y tế với mức tăng 7,75%.

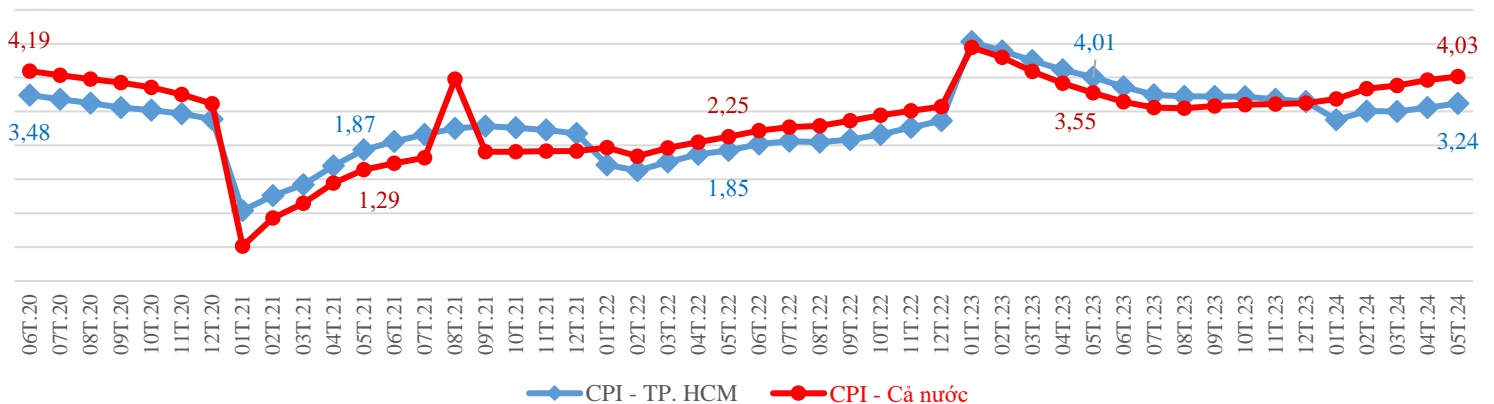
CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



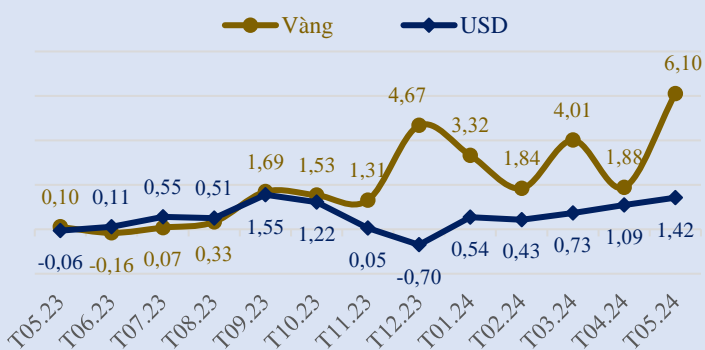
CPI so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



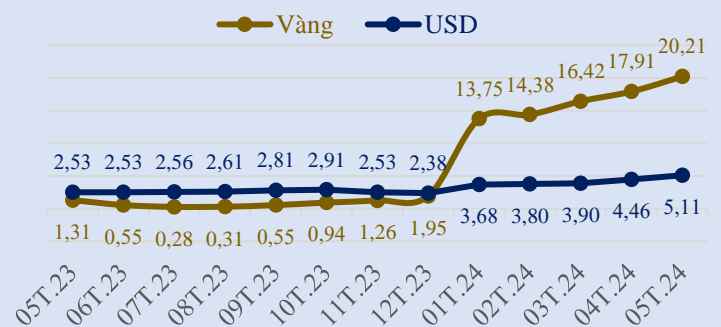
CPI bình quân của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, %)



Giá vàng & USD so với tháng trước (theo tháng, %)

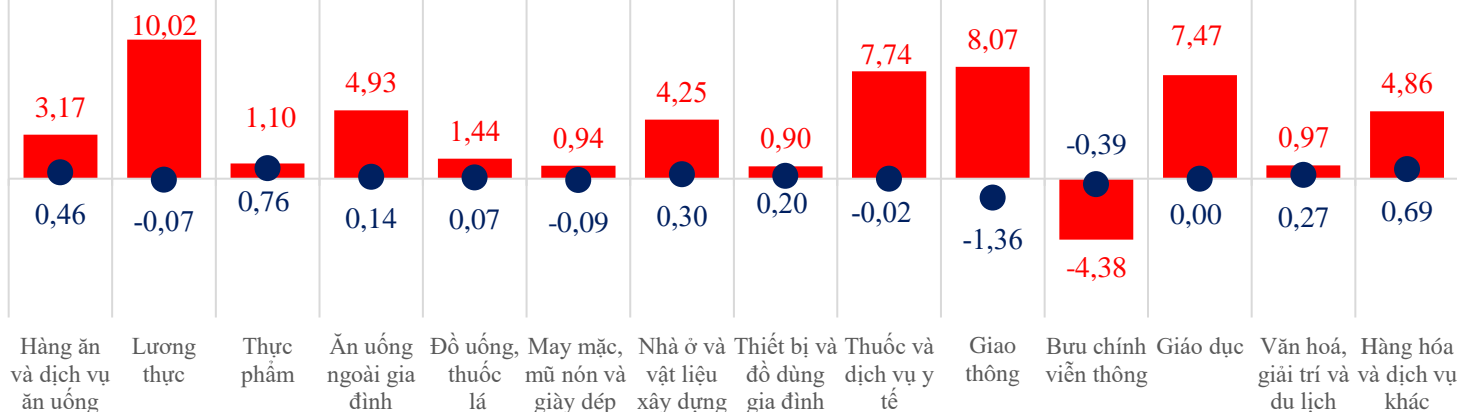


Giá vàng & USD lũy kế so với cùng kỳ (lũy kế, %)

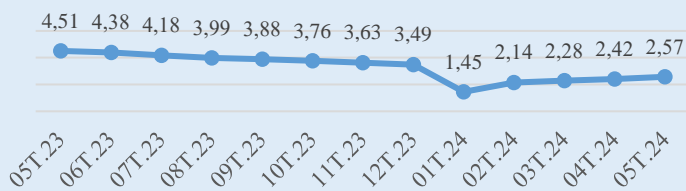


Chỉ số giá tiêu dùng CPI - theo các nhóm hàng

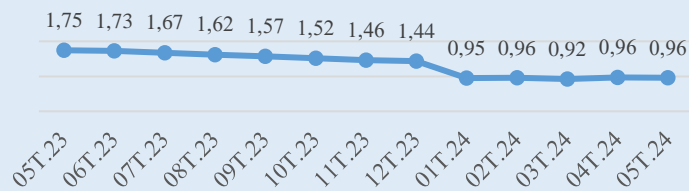
■ CPI so với tháng cùng kỳ (%) ● CPI so với tháng trước (%)



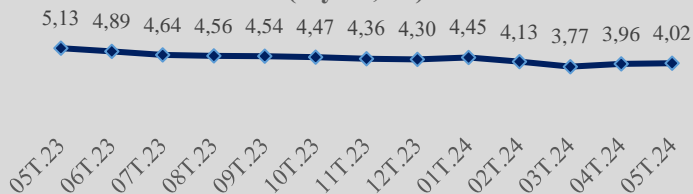
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống so với cùng kỳ (lũy kế, %)



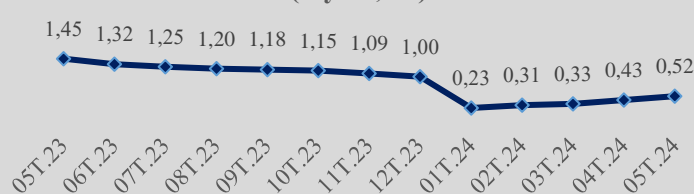
May mặc, mũ nón và giày dép so với cùng kỳ (lũy kế, %)



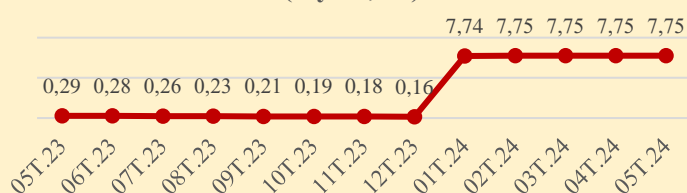
Nhà ở và vật liệu xây dựng so với cùng kỳ (lũy kế, %)



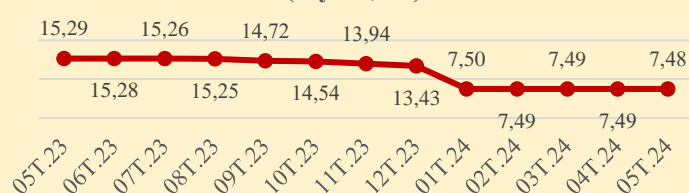
Thiết bị và đồ dùng gia đình so với cùng kỳ (lũy kế, %)



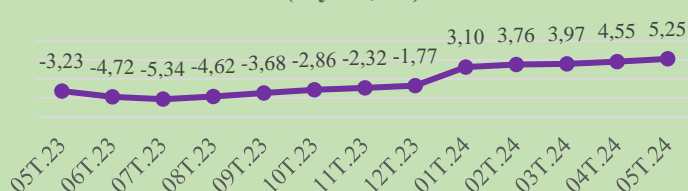
Thuốc và dịch vụ y tế so với cùng kỳ (lũy kế, %)



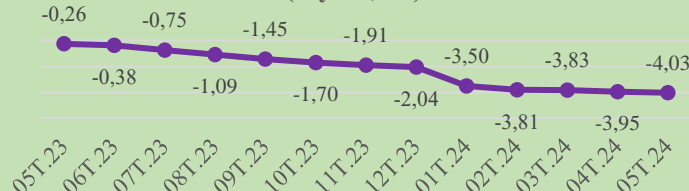
Giáo dục so với cùng kỳ (lũy kế, %)



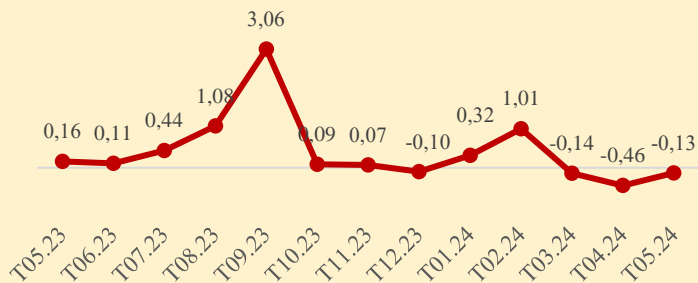
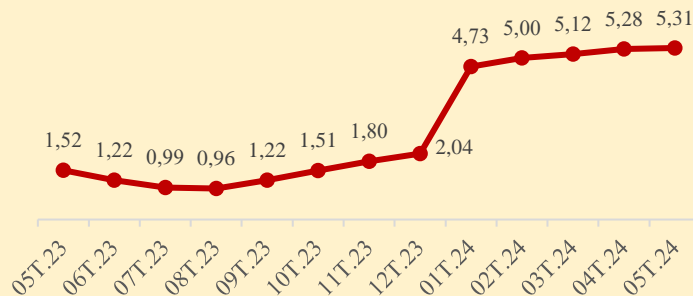
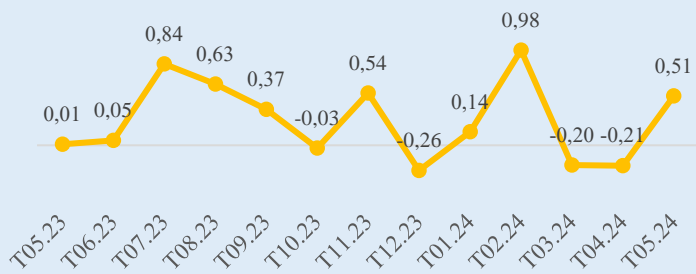
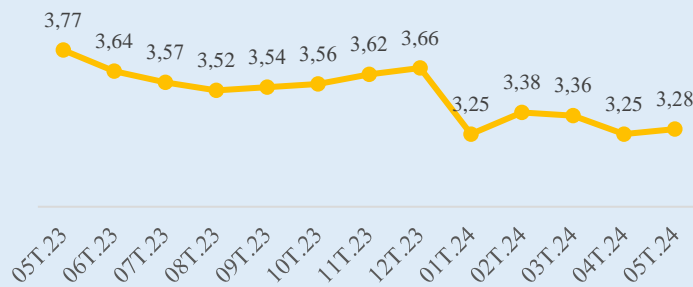
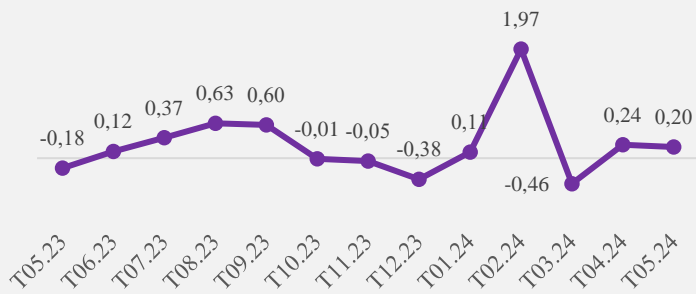
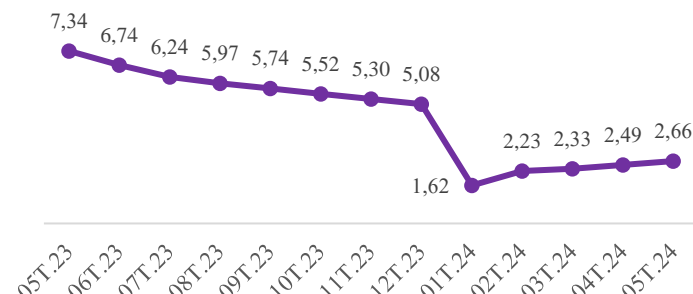
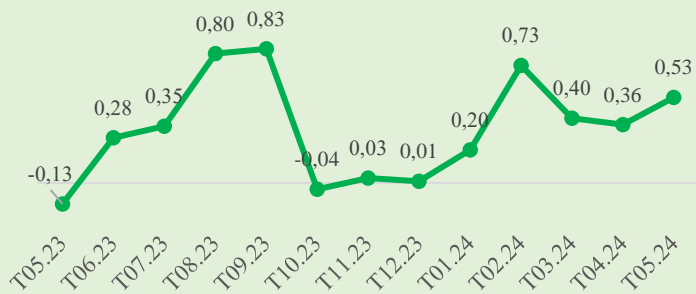
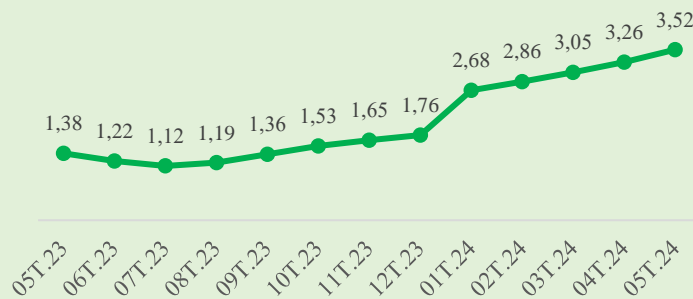
Giao thông so với cùng kỳ (lũy kế, %)



Bưu chính viễn thông so với cùng kỳ (lũy kế, %)

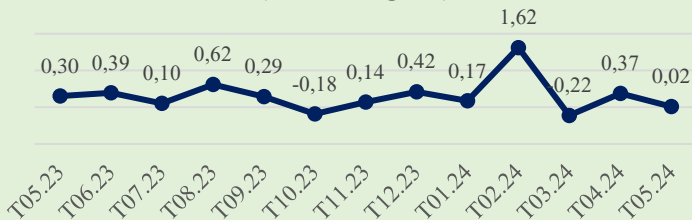


Chỉ số giá tiêu dùng CPI của các Thành phố trực thuộc Trung ương

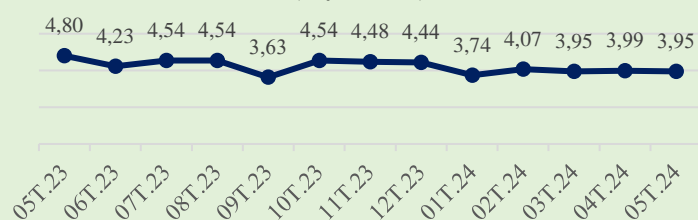
Hà Nội: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)**Hà Nội: CPI lũy kế so với cùng kỳ (lũy kế, %)****Hải Phòng: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)****Hải Phòng: CPI lũy kế so với cùng kỳ (lũy kế, %)****Đà Nẵng: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)****Đà Nẵng: CPI lũy kế so với cùng kỳ (lũy kế, %)****Cần Thơ: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)****Cần Thơ: CPI lũy kế so với cùng kỳ (lũy kế, %)**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ

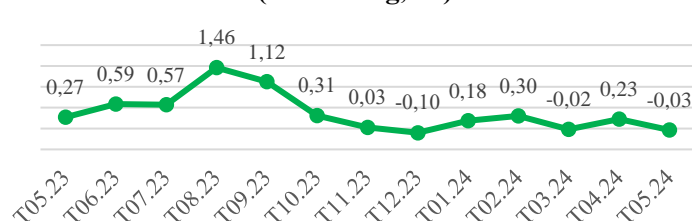
Bình Phước: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



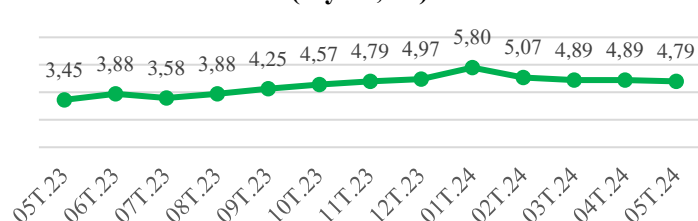
Bình Phước: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)



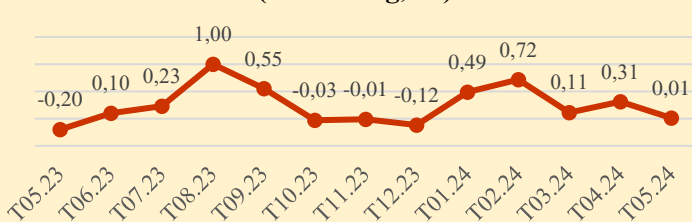
Tây Ninh: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



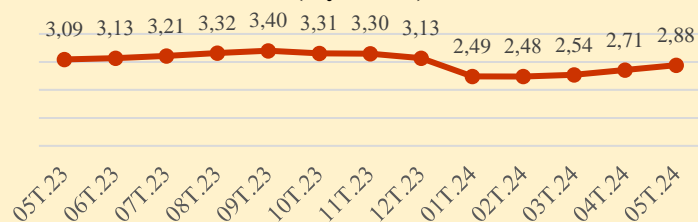
Tây Ninh: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)



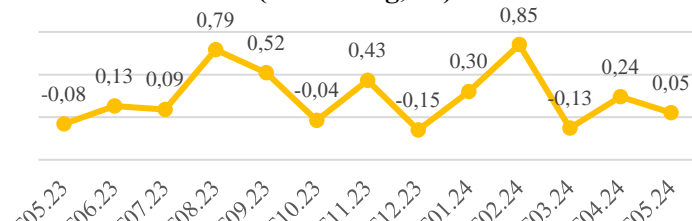
Bình Dương: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



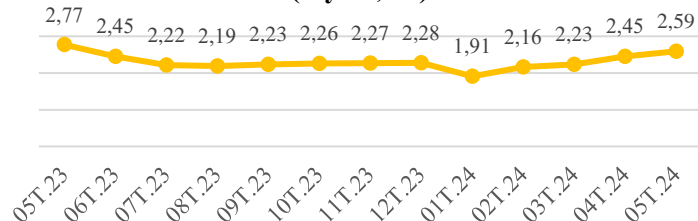
Bình Dương: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)



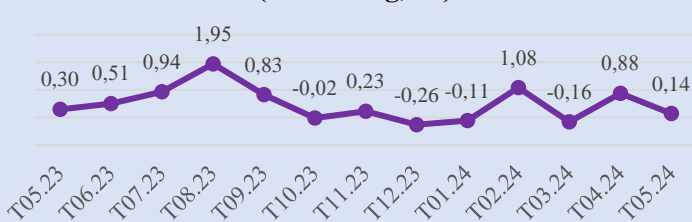
Đồng Nai: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



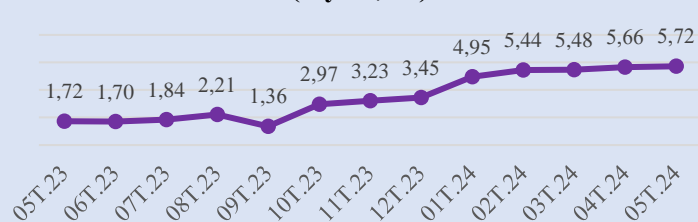
Đồng Nai: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)



Bà Rịa-Vũng Tàu: CPI so với tháng trước (theo tháng, %)



Bà Rịa-Vũng Tàu: CPI so với cùng kỳ (lũy kế, %)

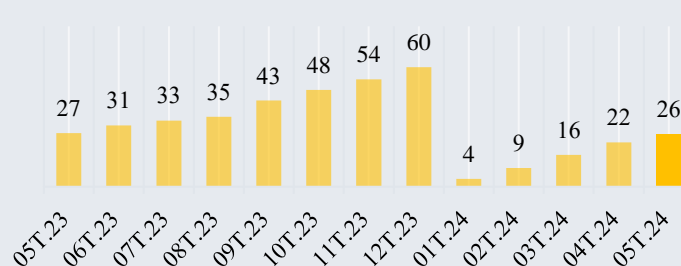


Tính đến ngày 15/5/2024, diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 1,3% so với cùng kỳ, tổng đàn chăn nuôi và sản phẩm chăn nuôi trong kỳ có xu hướng giảm nhẹ. Sản lượng thủy sản tháng 5 năm 2024 tăng 0,2% so với cùng kỳ, trong đó diện tích nuôi tôm sú giảm 0,7% so với cùng kỳ và diện tích tôm thẻ chân trắng tăng 28,8%.

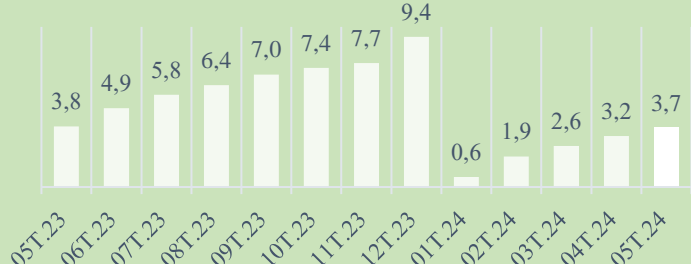
Sản lượng thịt trâu hơi
(lũy kế, nghìn tấn)



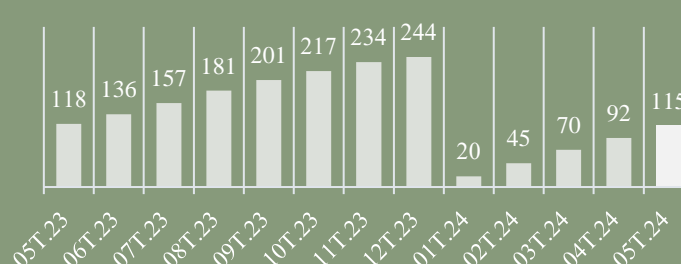
Sản lượng thịt lợn hơi
(lũy kế, nghìn tấn)



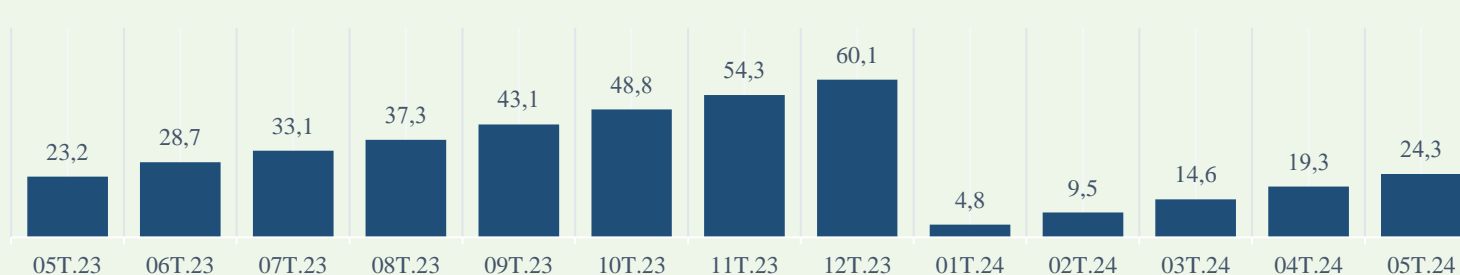
Sản lượng thịt bò hơi
(lũy kế, nghìn tấn)



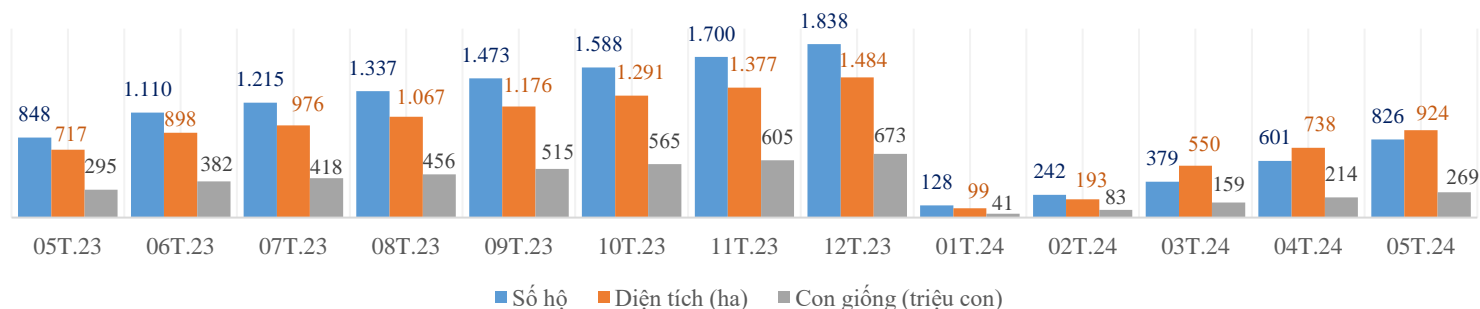
Sản lượng sữa bò tươi
(lũy kế, nghìn tấn)



Tổng sản lượng thủy sản
(lũy kế, nghìn tấn)



Số lượng hộ, diện tích và con giống tôm thẻ chân trắng thả nuôi
(lũy kế)

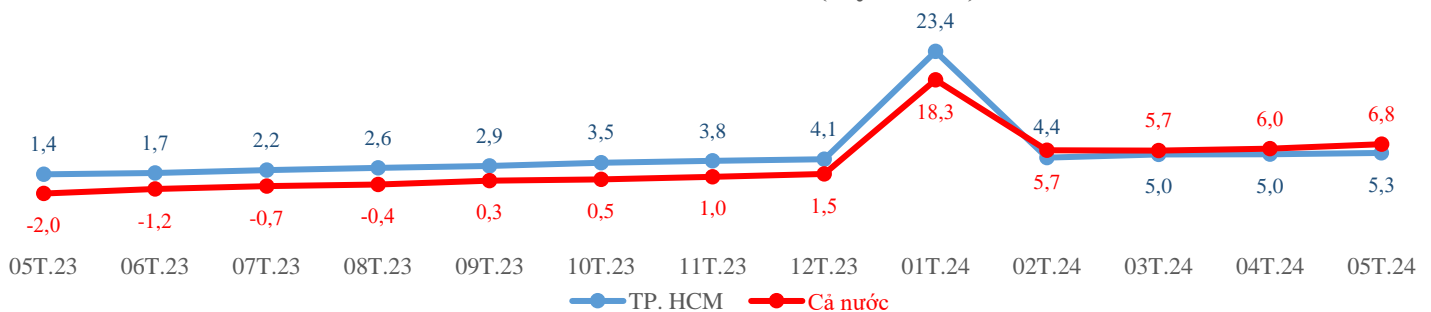


Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 5 năm 2024 ước tính tăng 1,1% so với tháng trước. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,2%; cung cấp nước và xử lý nước thải tăng 0,5%.

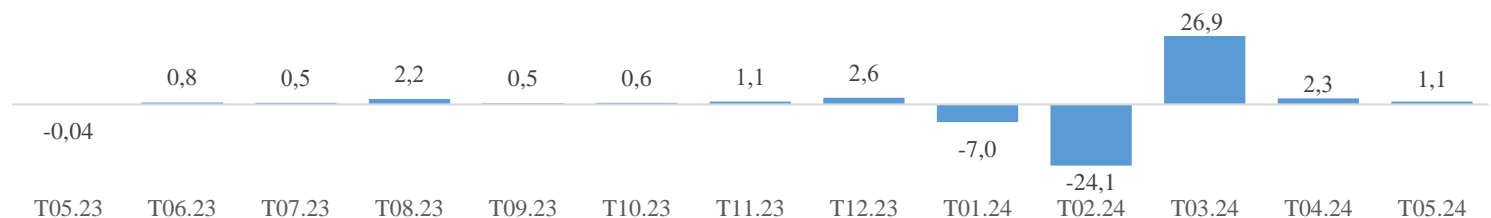
Tính chung 5 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 5,3% so với cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,9% (riêng 04 ngành công nghiệp trọng điểm tăng 4,5% và 03 ngành công nghiệp truyền thống giảm 3,3%); sản xuất và phân phối điện tăng 11,2%.

Hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm hơn 90% giá trị toàn ngành công nghiệp) nhưng chỉ tăng 4,9% so với cùng kỳ (thấp hơn IIP toàn ngành), chỉ số tiêu thụ toàn ngành chế biến chế tạo tăng 8,6%, chỉ số tồn kho giảm 17,2% và lao động toàn ngành công nghiệp còn giảm 5,7%.

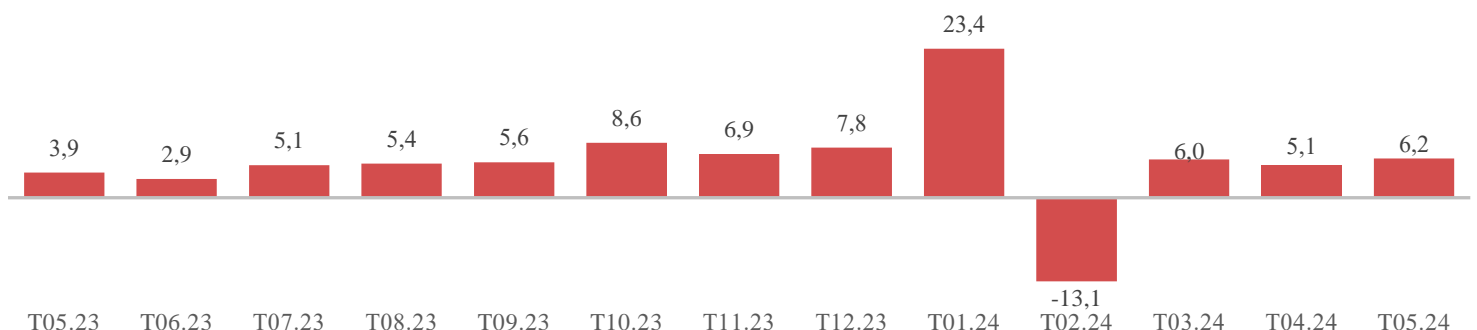
IIP của TP. HCM và Cả nước (lũy kế, %)



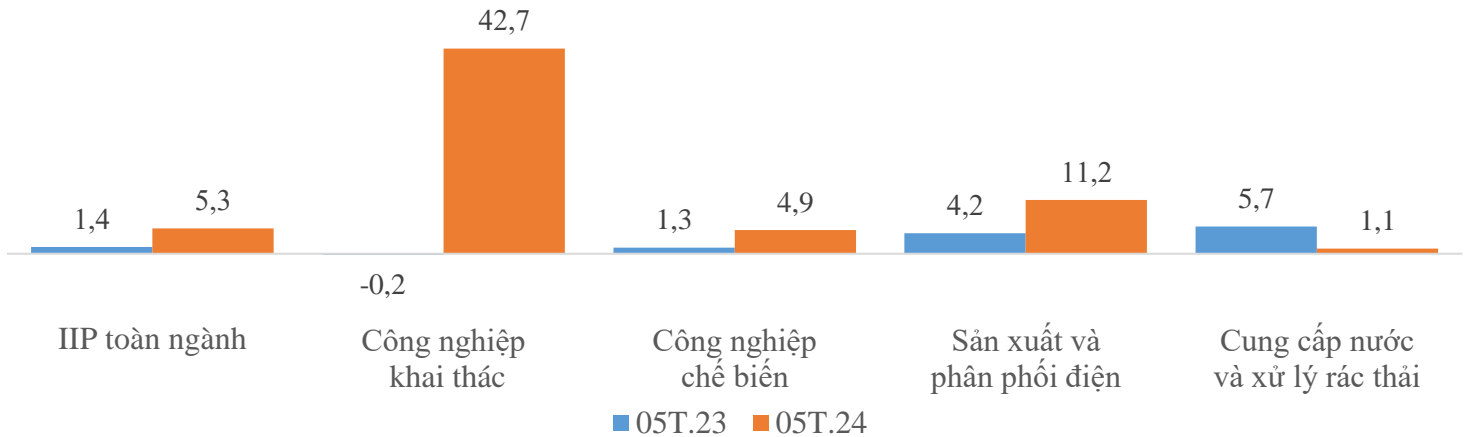
IIP so với tháng trước (theo tháng, %)



IIP so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)

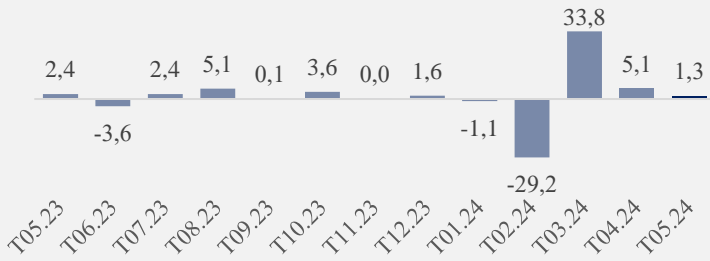


IIP các ngành (% so với cùng kỳ)

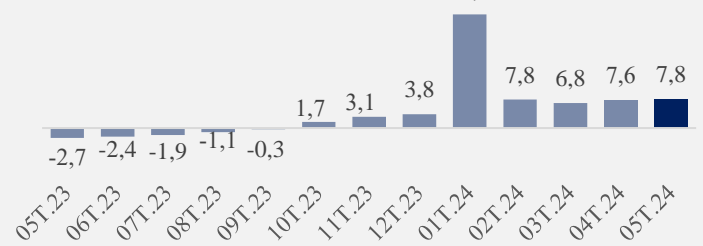


Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

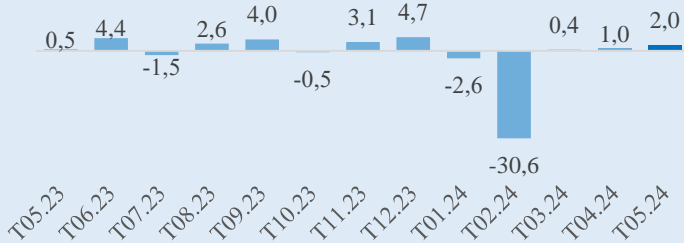
Chỉ số tiêu thụ so với tháng trước (theo tháng, %)



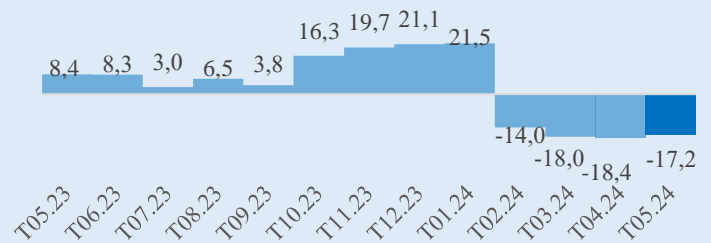
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (lũy kế, %)



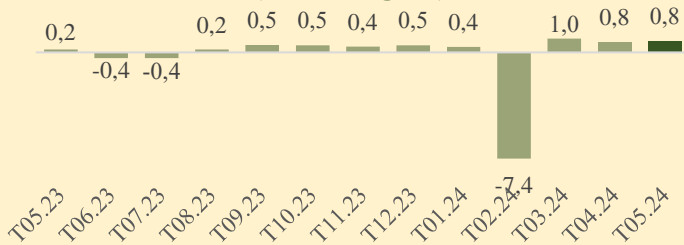
Chỉ số tồn kho so với tháng trước (theo tháng, %)



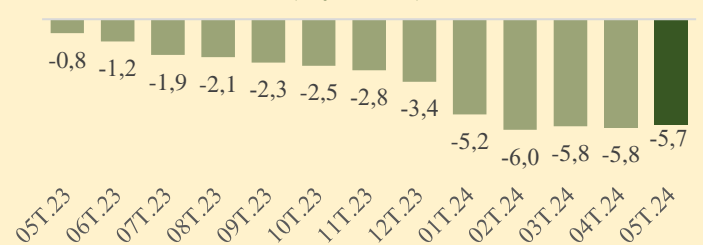
Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (theo tháng, %)



Chỉ số lao động so với tháng trước (theo tháng, %)

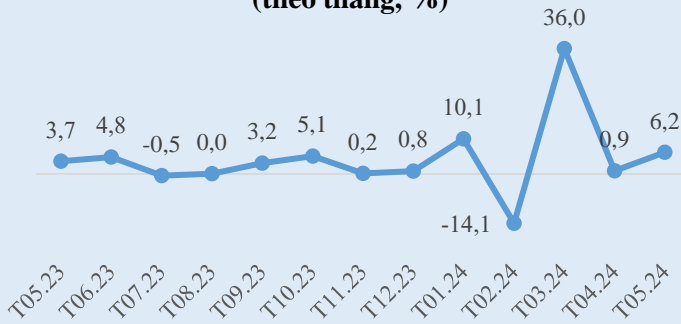


Chỉ số lao động so với cùng kỳ (lũy kế, %)

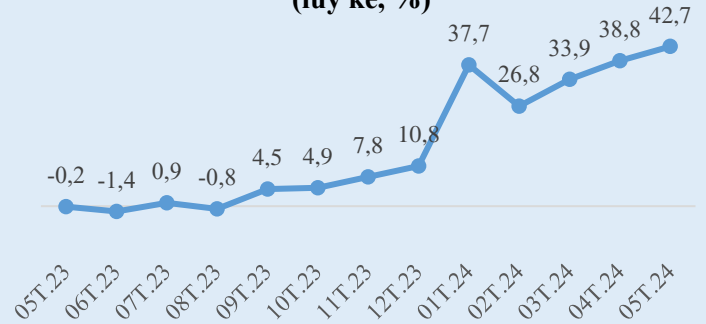


Chỉ số IIP một số ngành công nghiệp chủ yếu

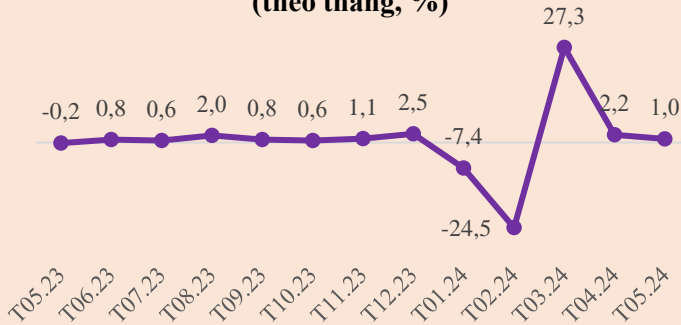
Ngành khai thác so với tháng trước
(theo tháng, %)



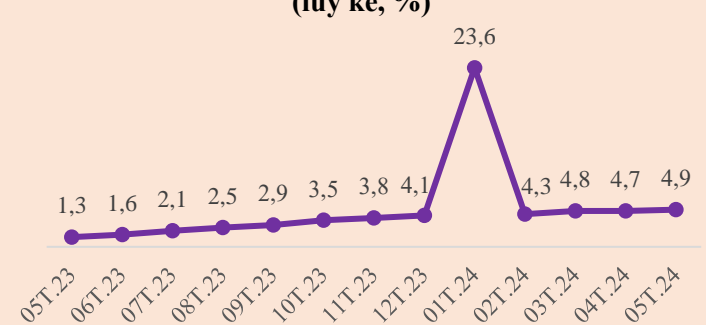
Ngành khai thác so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



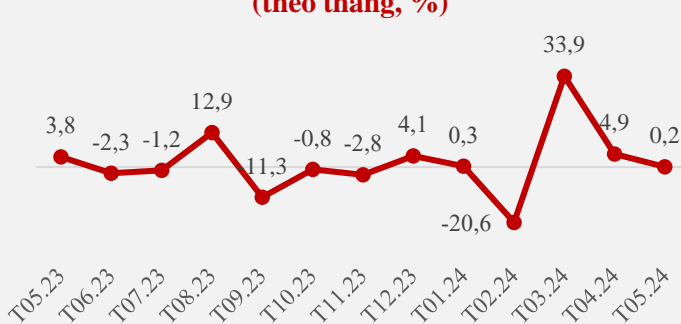
Chế biến, chế tạo so với tháng trước
(theo tháng, %)



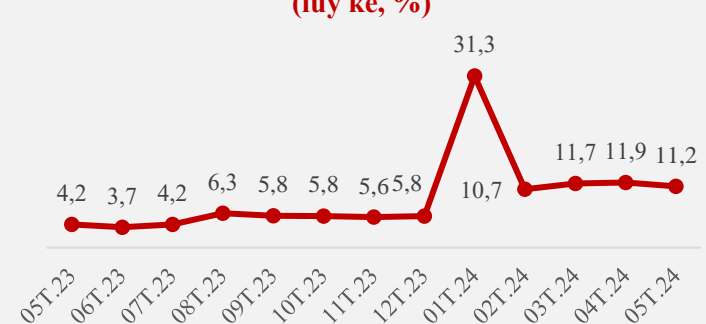
Chế biến, chế tạo so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



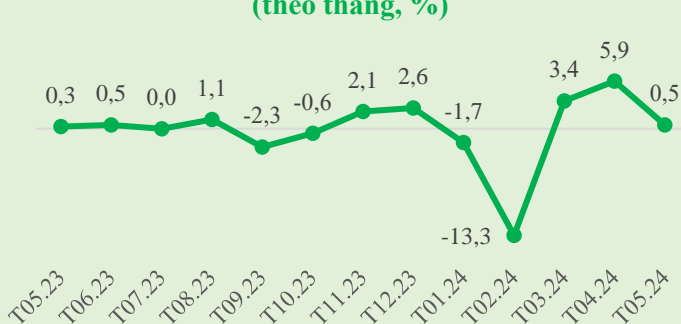
Điện so với tháng trước
(theo tháng, %)



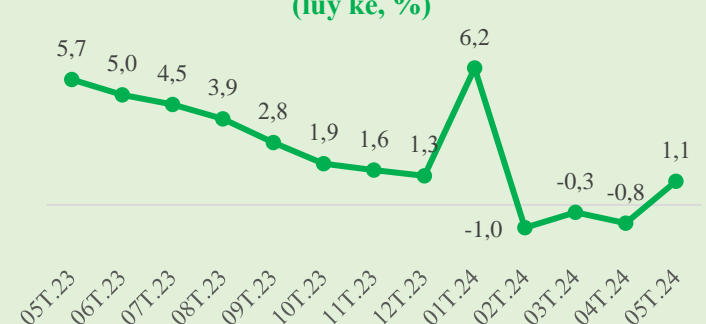
Điện so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



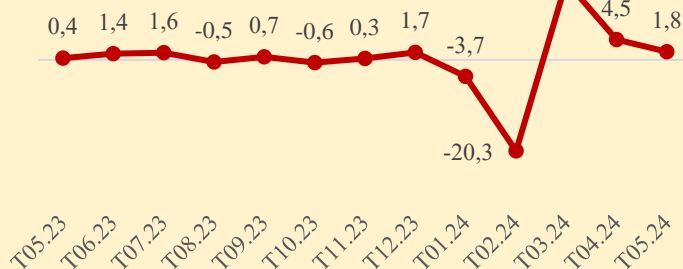
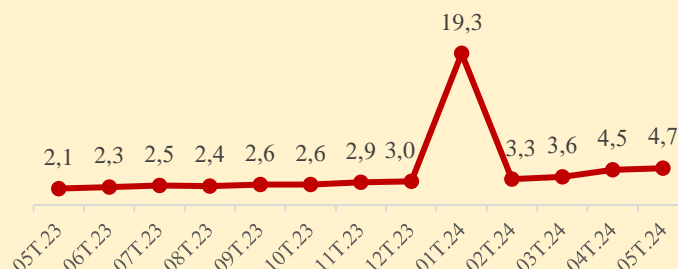
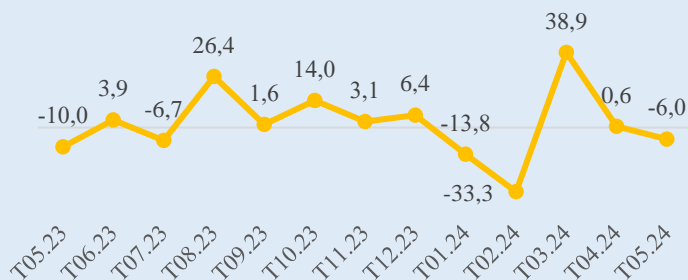
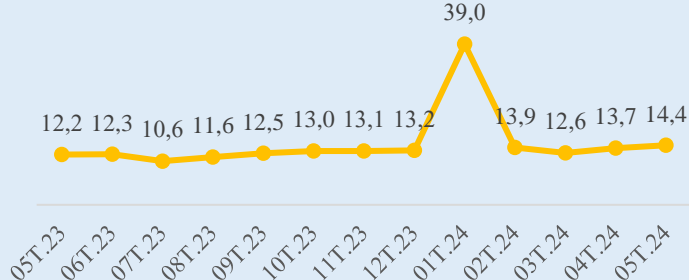
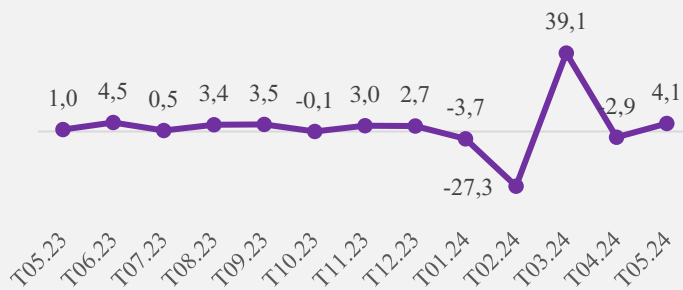
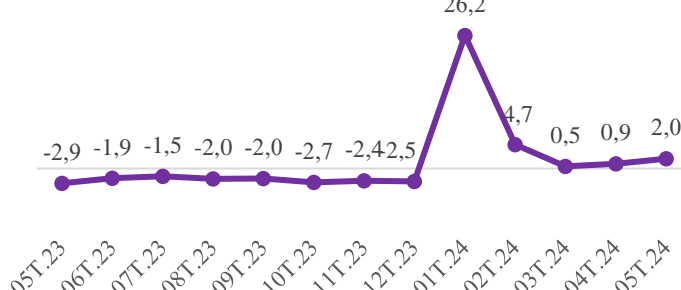
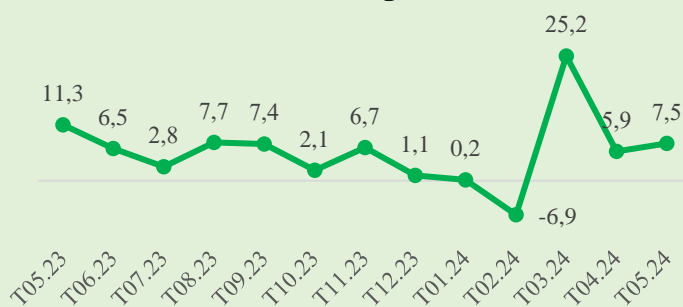
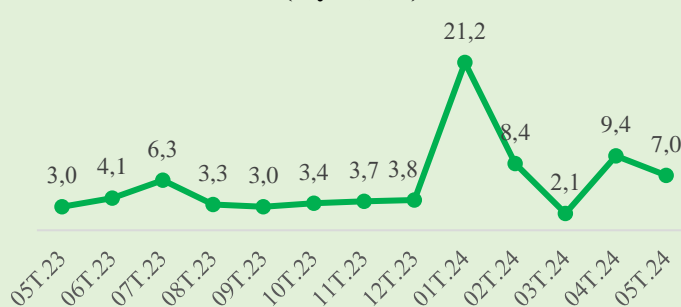
Nước và rác thải so với tháng trước
(theo tháng, %)



Nước và rác thải so với cùng kỳ
(lũy kế, %)

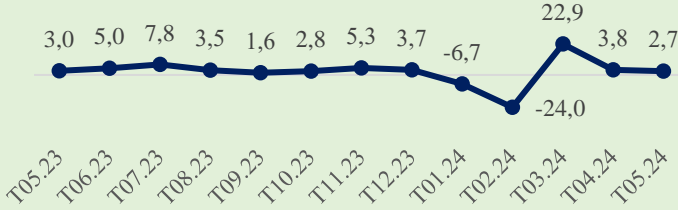


Chỉ số IIP của các Thành phố trực thuộc Trung ương

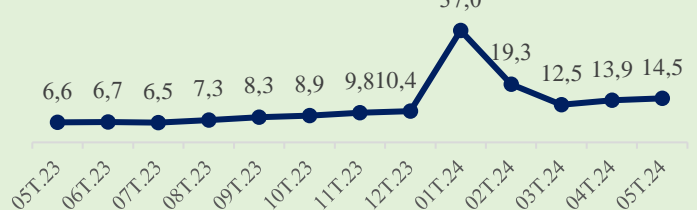
Hà Nội: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)**Hà Nội: IIP so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Hải Phòng: IIP so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Hải Phòng: IIP so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Đà Nẵng: IIP so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Đà Nẵng: IIP so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)**Cần Thơ: IIP so với tháng trước**
(theo tháng, %)**Cần Thơ: IIP so với cùng kỳ**
(lũy kế, %)

Chỉ số IIP của các tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ

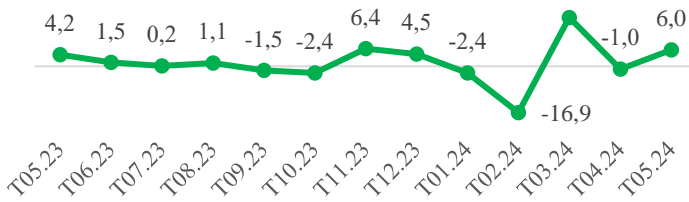
Bình Phước: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



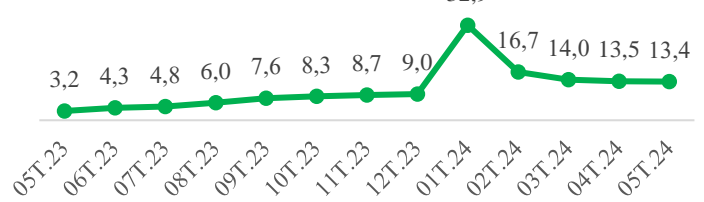
Bình Phước: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



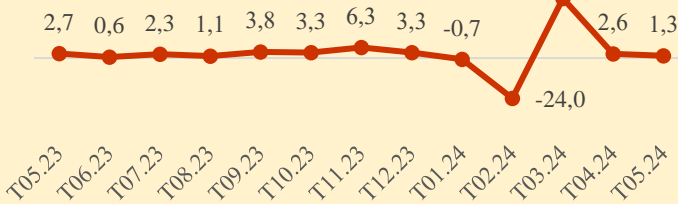
Tây Ninh: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



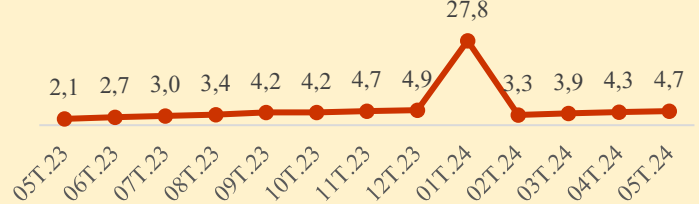
Tây Ninh: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



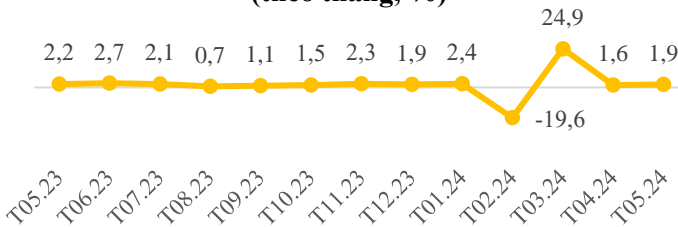
Bình Dương: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



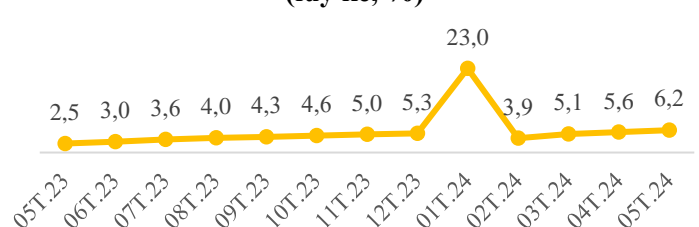
Bình Dương: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



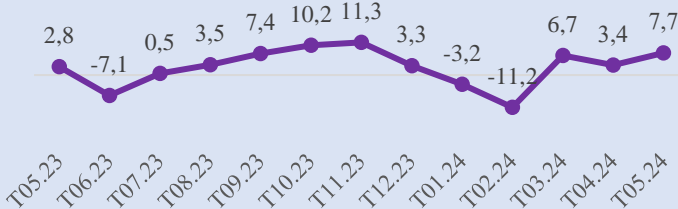
Đồng Nai: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



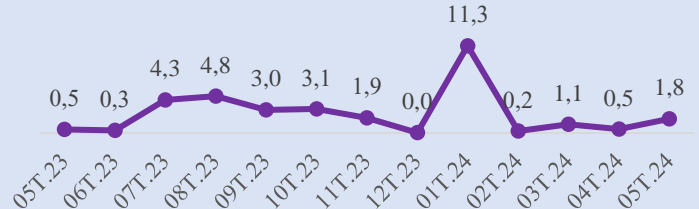
Đồng Nai: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



Bà Rịa-Vũng Tàu: IIP so với tháng trước
(theo tháng, %)



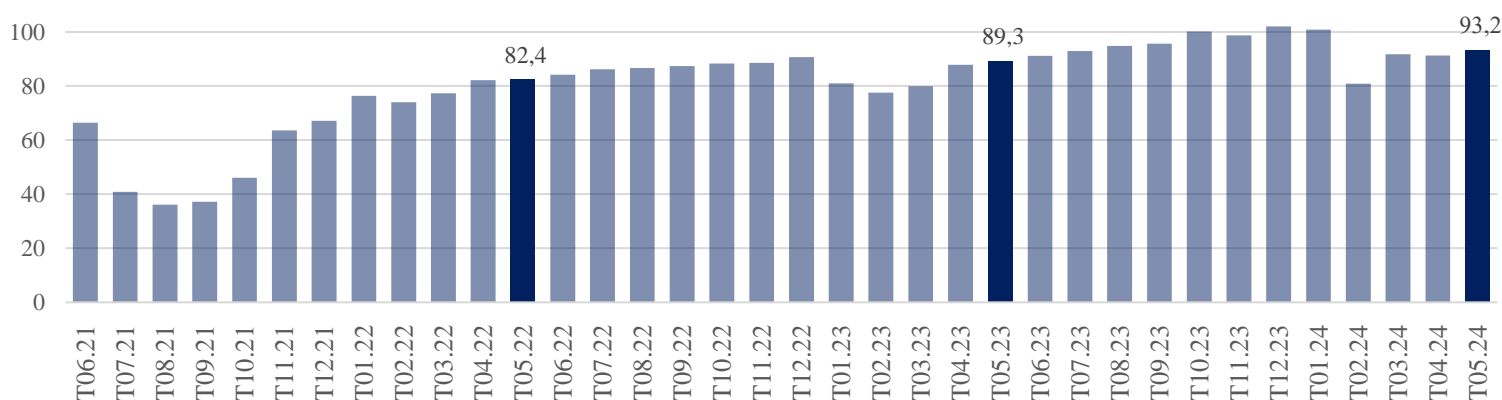
Bà Rịa-Vũng Tàu: IIP so với cùng kỳ
(lũy kế, %)



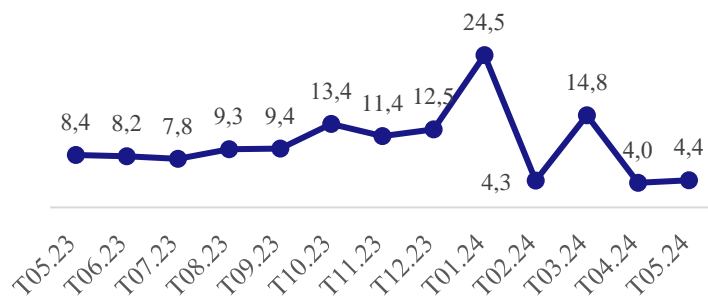
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 năm 2024 ước tăng 2,1% so với tháng trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ tăng 1,3%; doanh thu lưu trú, ăn uống tăng 2,8%; dịch vụ lữ hành giảm 7,8%; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tăng 4%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 5 tháng đầu năm 2024 ước tăng 10,2% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ tăng 9,3%; doanh thu lưu trú, ăn uống tăng 8,7%; dịch vụ lữ hành tăng 65,1%; doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tăng 8,6%.

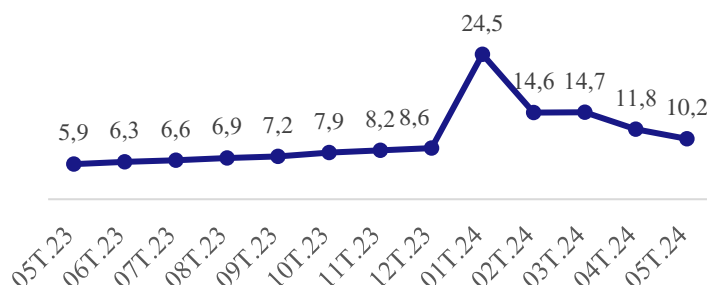
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



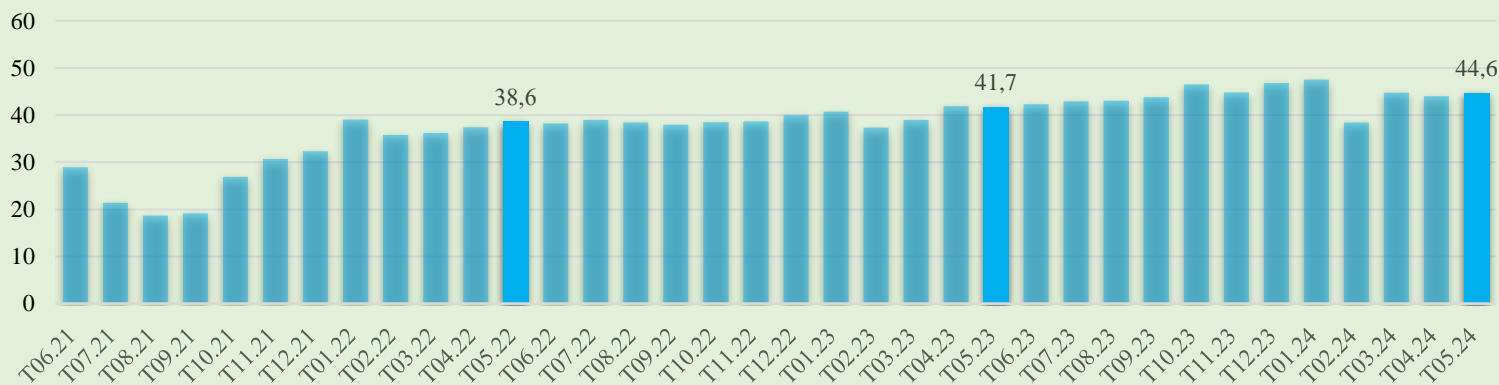
Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tháng so với cùng kỳ (tháng, %)



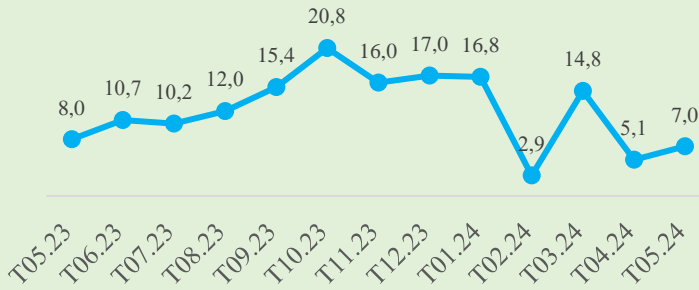
Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ so với cùng kỳ (lũy kế, %)



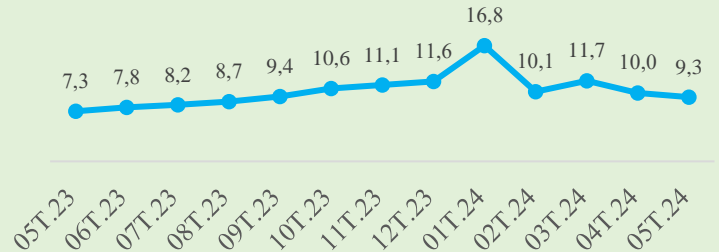
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



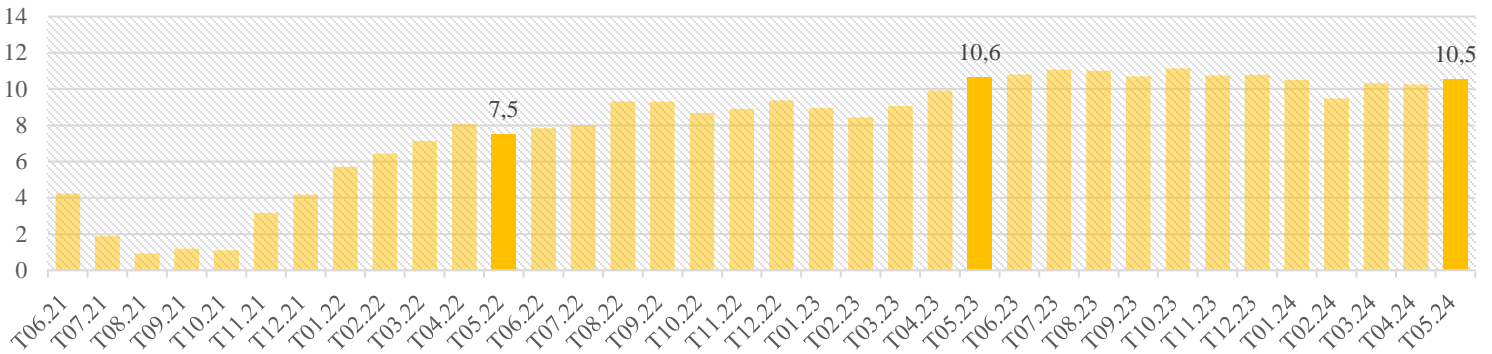
Tốc độ tăng Bán lẻ hàng hoá so với cùng kỳ (tháng, %)



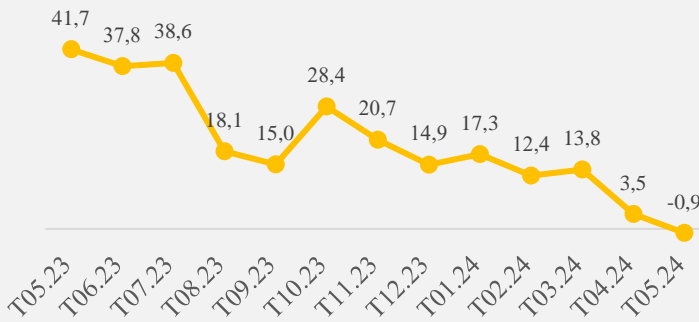
Tốc độ tăng Bán lẻ hàng hoá so với cùng kỳ (lũy kế, %)



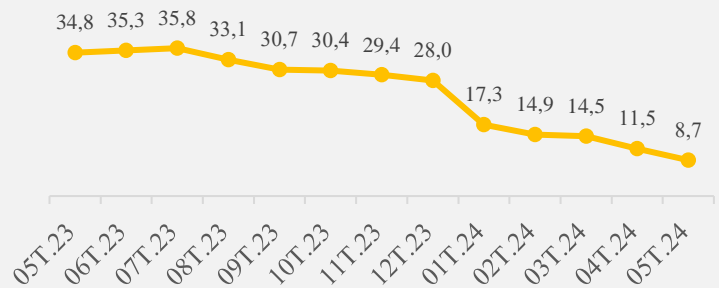
Dịch vụ lưu trú, ăn uống (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



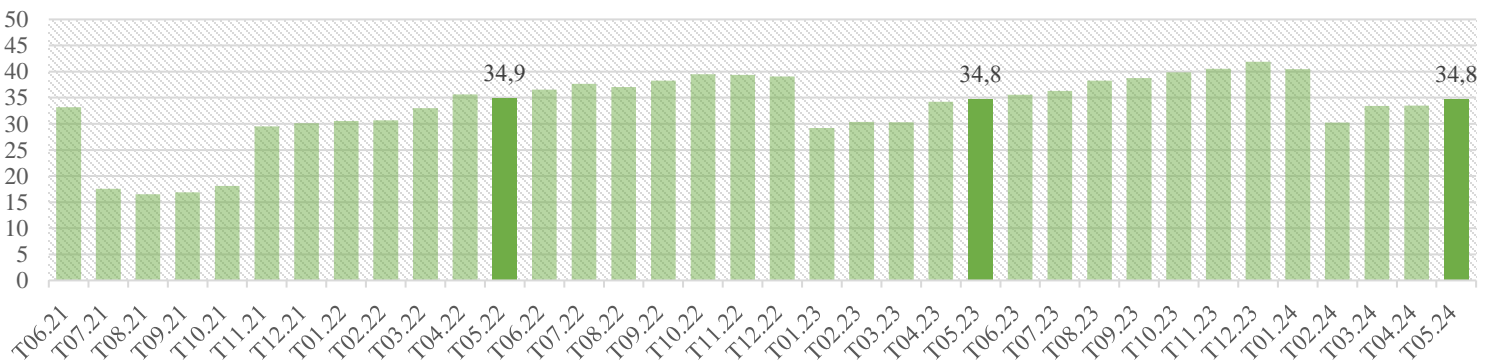
Tốc độ tăng Dịch vụ lưu trú, ăn uống so với cùng kỳ (tháng, %)



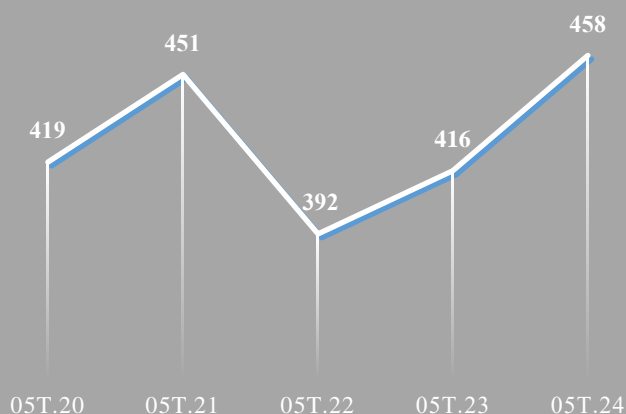
Tốc độ tăng Dịch vụ lưu trú, ăn uống so với cùng kỳ (lũy kế, %)



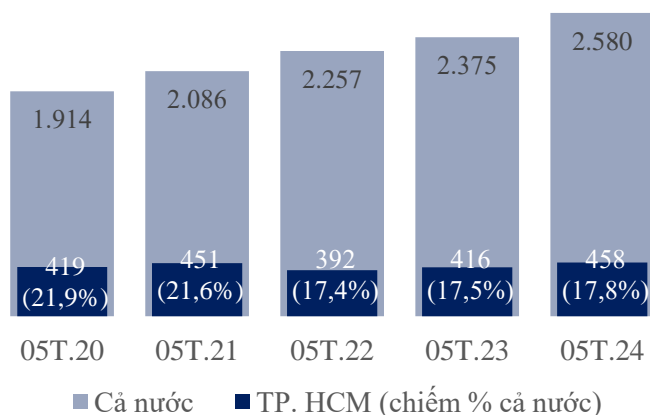
Dịch vụ khác (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



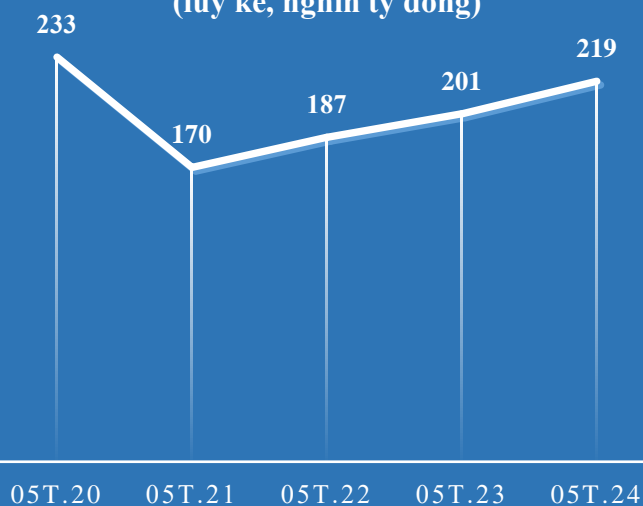
Tổng mức bán lẻ hàng hoá
và doanh thu dịch vụ
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



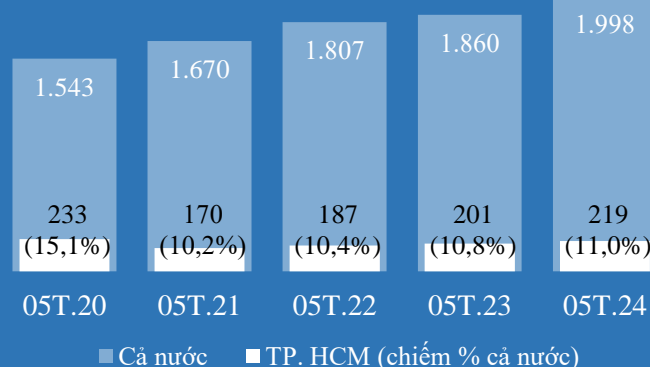
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ
TP. HCM và Cả nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



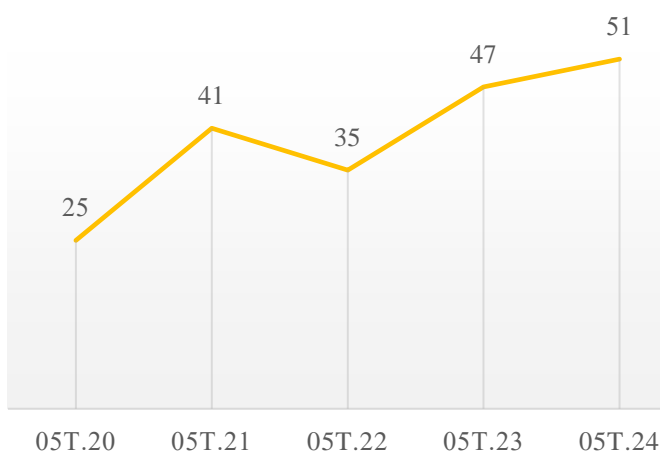
Tổng mức bán lẻ hàng hoá
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



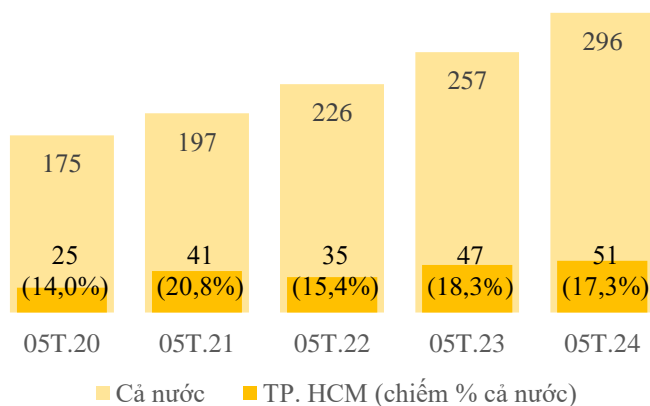
Tổng mức bán lẻ hàng hoá
TP. HCM và Cả nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)

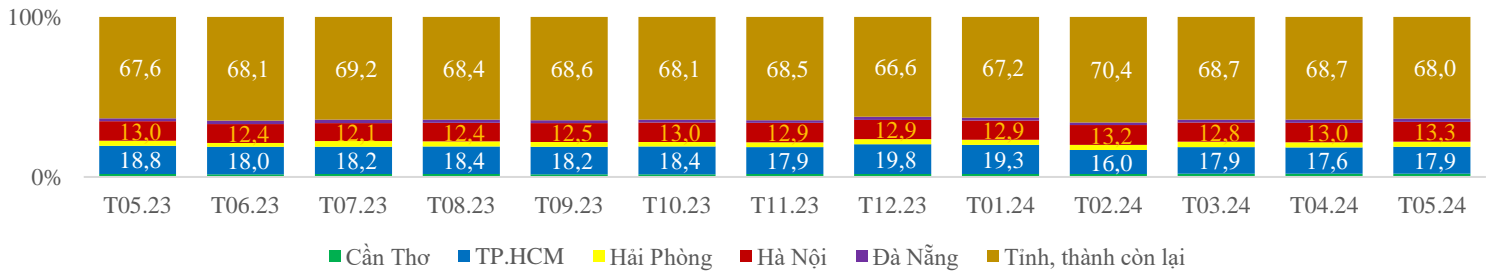


Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống
TP. HCM và Cả nước
(lũy kế, nghìn tỷ đồng)

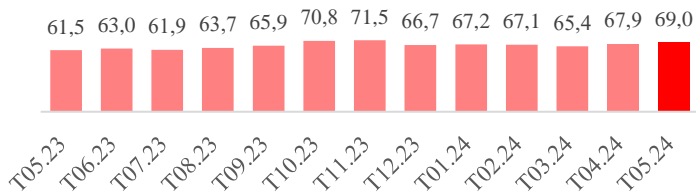


Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các Thành phố trực thuộc TW

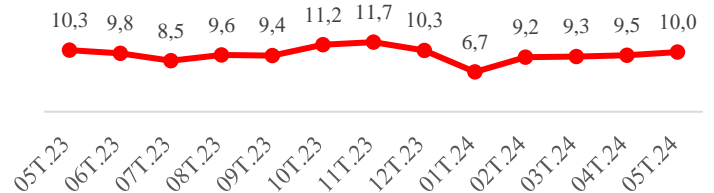
Tỷ trọng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của các Thành phố trực thuộc TW so với Cả nước (theo tháng, %)



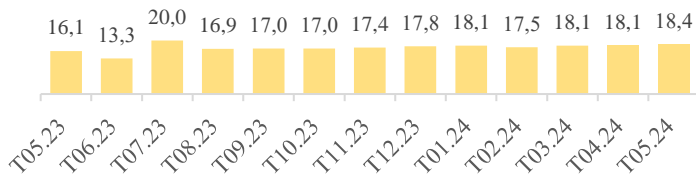
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Hà Nội (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



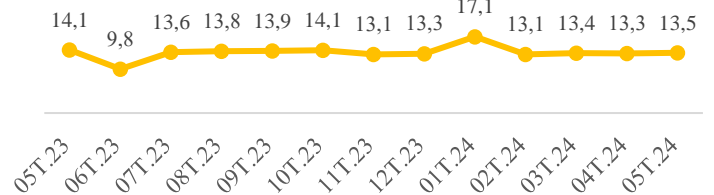
Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Hà Nội (lũy kế, %)



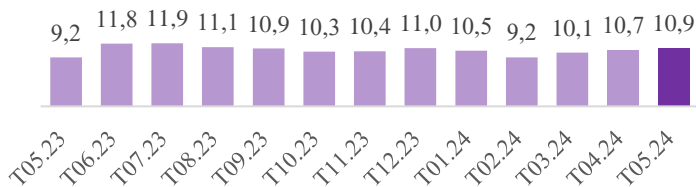
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Hải Phòng (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



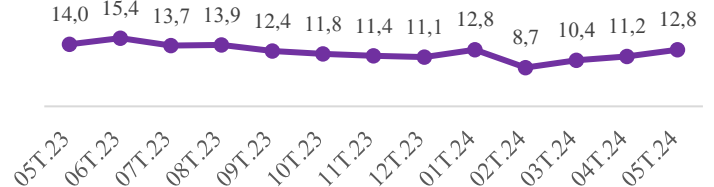
Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Hải Phòng (lũy kế, %)



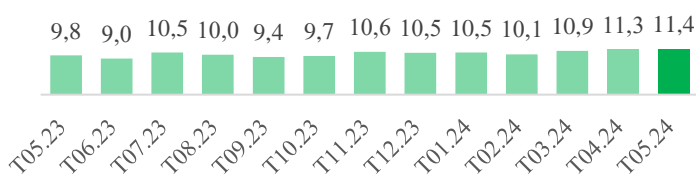
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Đà Nẵng (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



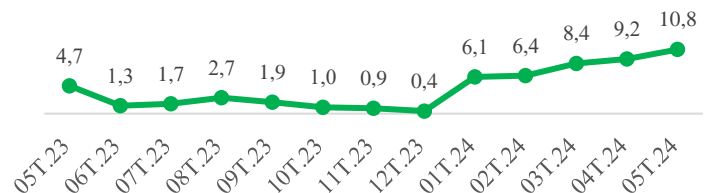
Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Đà Nẵng (lũy kế, %)



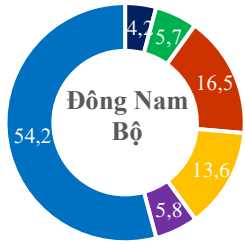
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Cần Thơ (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Tốc độ tăng Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ của Cần Thơ (lũy kế, %)



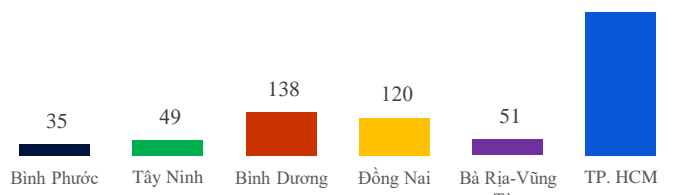
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các tỉnh vùng Đông Nam Bộ



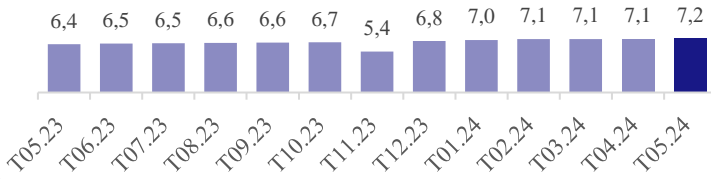
Tỷ trọng Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ các tỉnh (tháng 5, %)

- Bình Phước
- Tây Ninh
- Bình Dương
- Đồng Nai
- Bà Rịa-Vũng Tàu
- TP.HCM

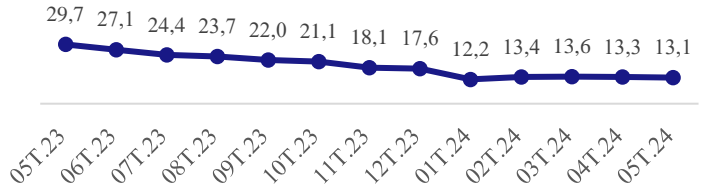
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ các tỉnh (tháng 5, nghìn tỷ đồng)



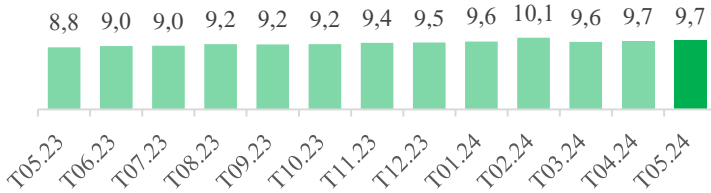
Tổng mức BLHH và DV tỉnh Bình Phước (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



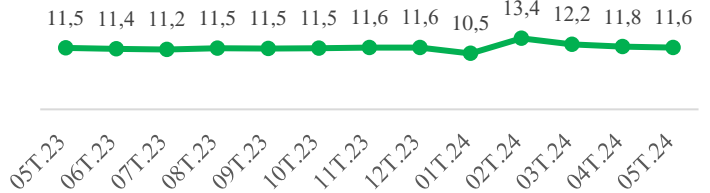
Tốc độ tăng Tổng mức BLHH và DV tỉnh Bình Phước (lũy kế, %)



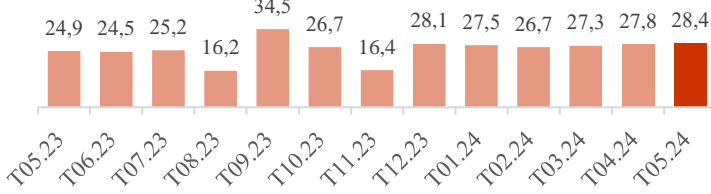
Tổng mức BLHH và DV tỉnh Tây Ninh (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



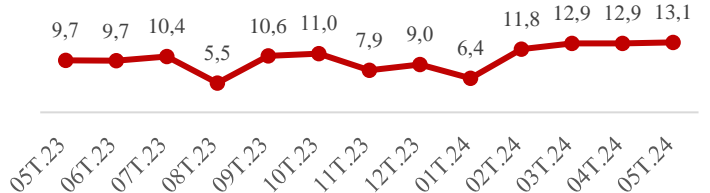
Tốc độ tăng Tổng mức BLHH và DV tỉnh Tây Ninh (lũy kế, %)



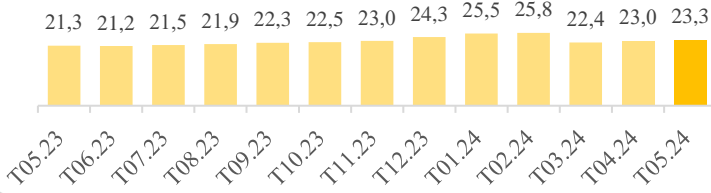
Tổng mức BLHH và DV tỉnh Bình Dương (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



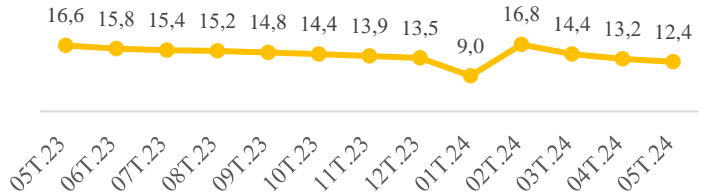
Tốc độ tăng Tổng mức BLHH và DV tỉnh Bình Dương (lũy kế, %)



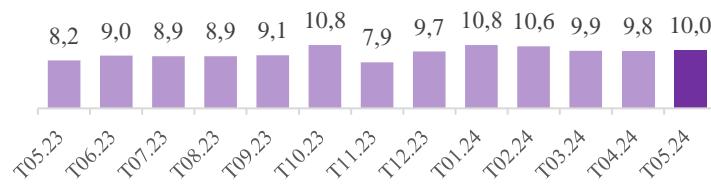
Tổng mức BLHH và DV tỉnh Đồng Nai (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



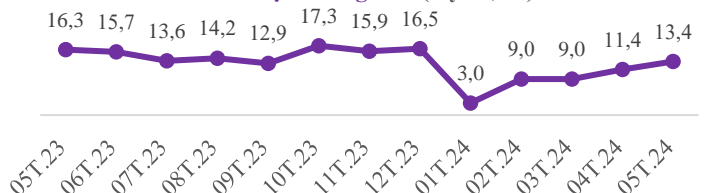
Tốc độ tăng Tổng mức BLHH và DV tỉnh Đồng Nai (lũy kế, %)



Tổng mức BLHH và DV tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



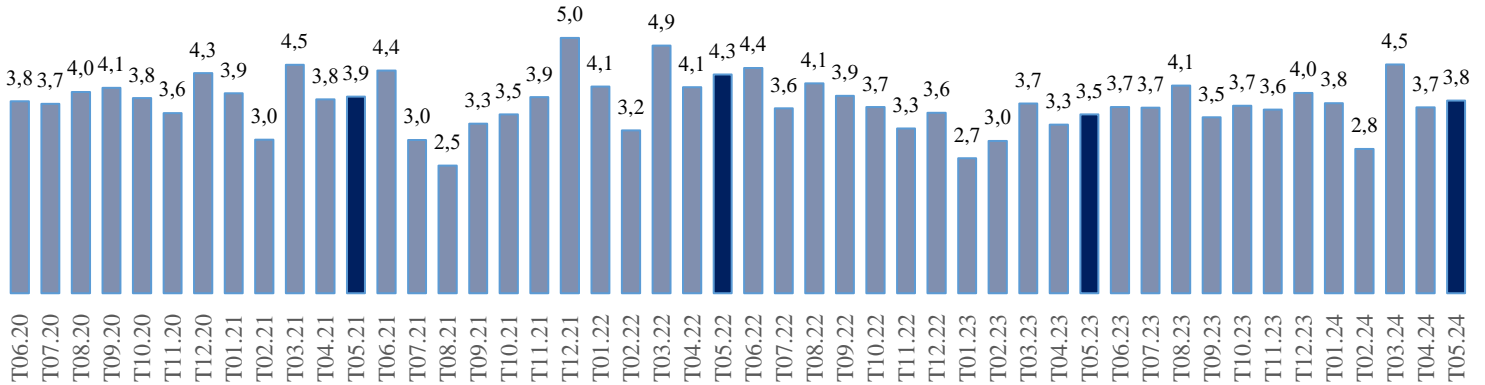
Tốc độ tăng Tổng mức BLHH và DV tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (lũy kế, %)



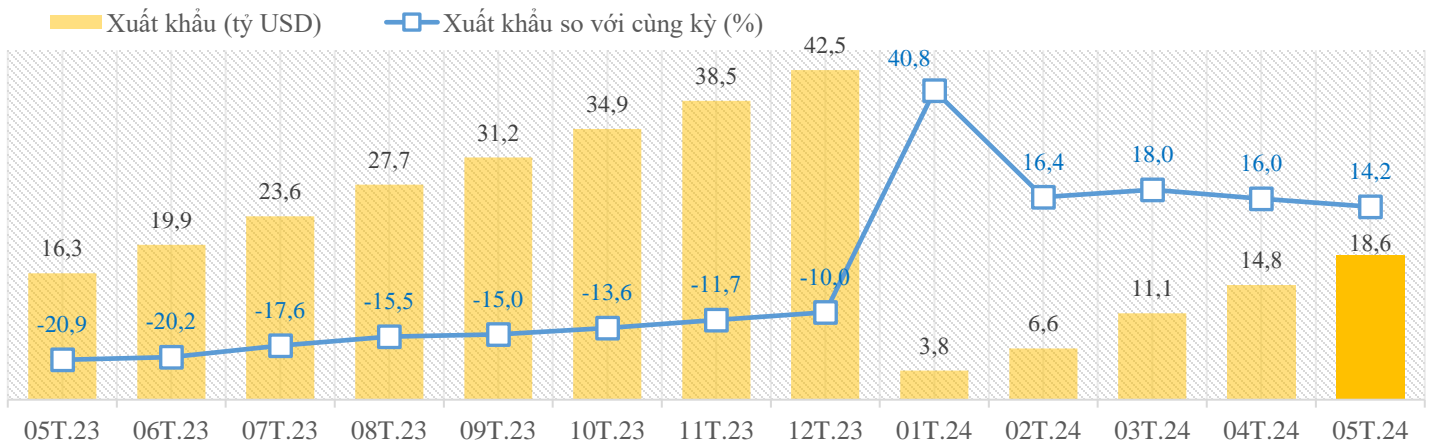
Nguồn: Báo cáo KT-XH của các Cục Thống kê

Tình hình xuất, nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn Thành phố đã có những chuyển biến khởi sắc khi kim ngạch xuất khẩu đạt 18,6 tỷ USD, tăng 14,2% so với cùng kỳ. Giá trị nhập khẩu đạt 22,8 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ. Theo đó cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 4,2 tỷ USD, trái ngược với cán cân thương mại hàng hóa của cả nước là xuất siêu 8 tỷ USD.

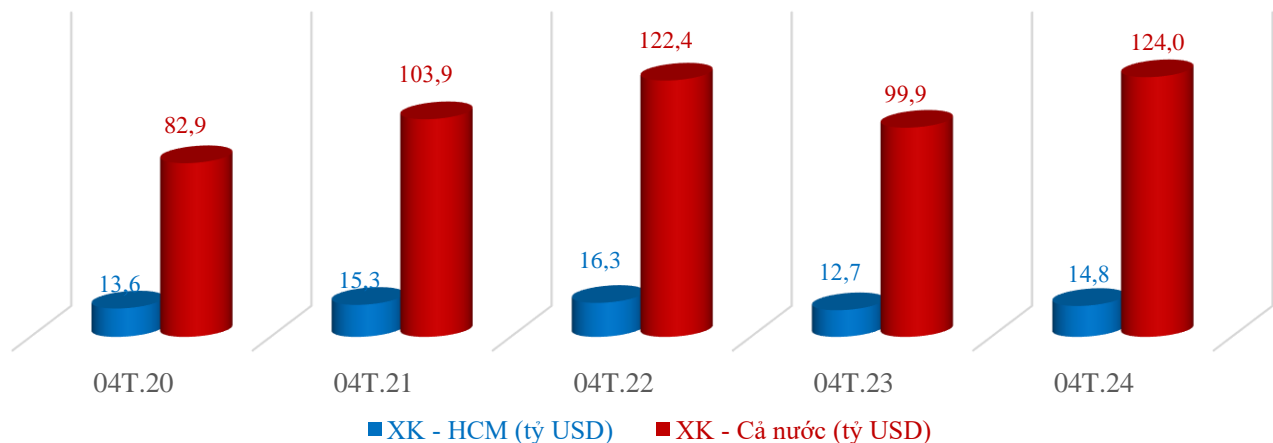
Giá trị xuất khẩu hàng hóa (theo tháng, tỷ USD)



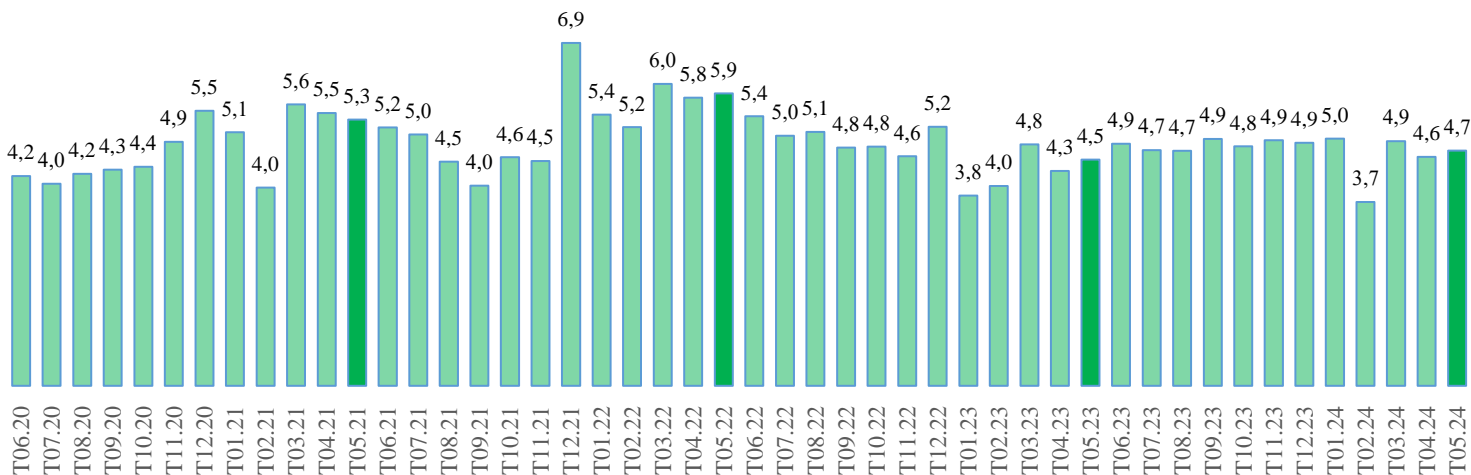
Giá trị xuất khẩu hàng hóa (lũy kế, tỷ USD)



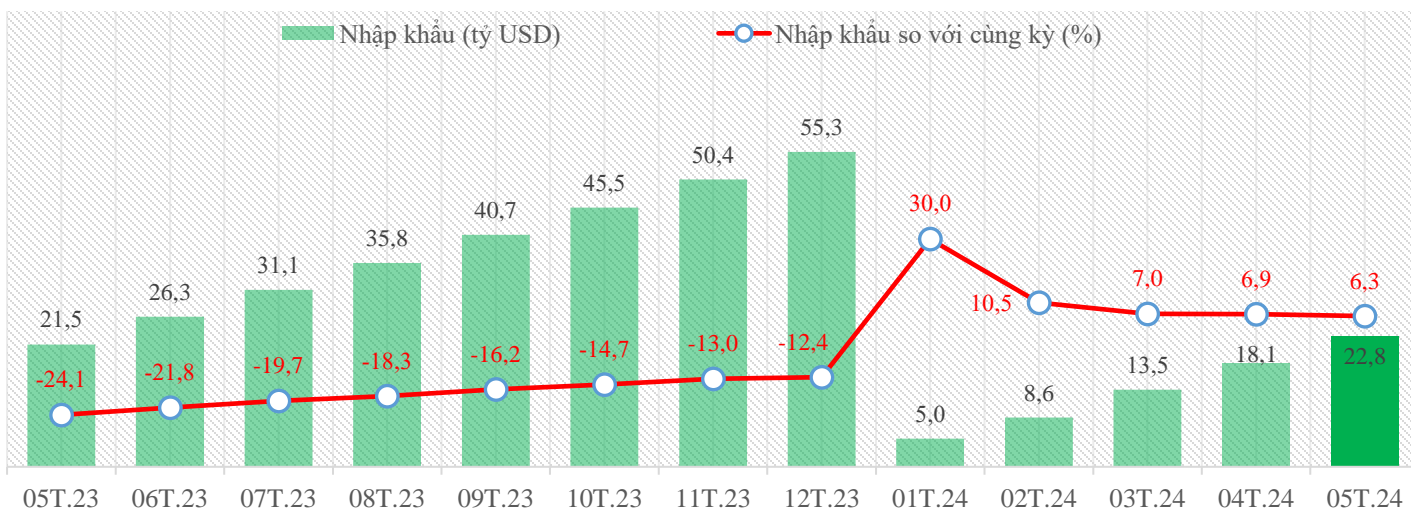
Giá trị xuất khẩu TP. HCM và Cả nước (lũy kế, tỷ USD)



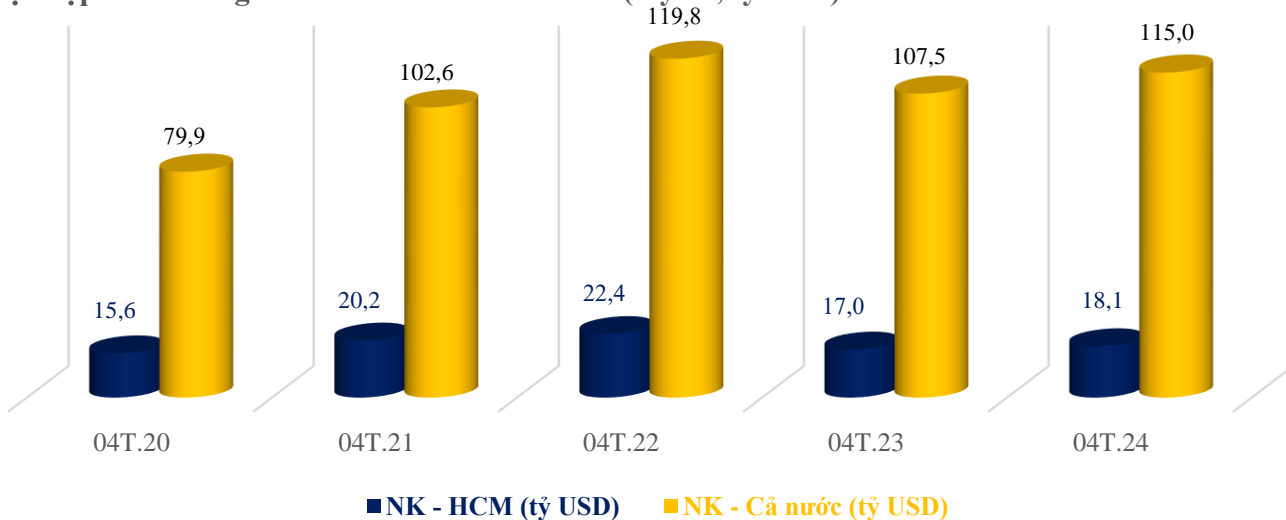
Giá trị nhập khẩu hàng hóa (theo tháng, tỷ USD)

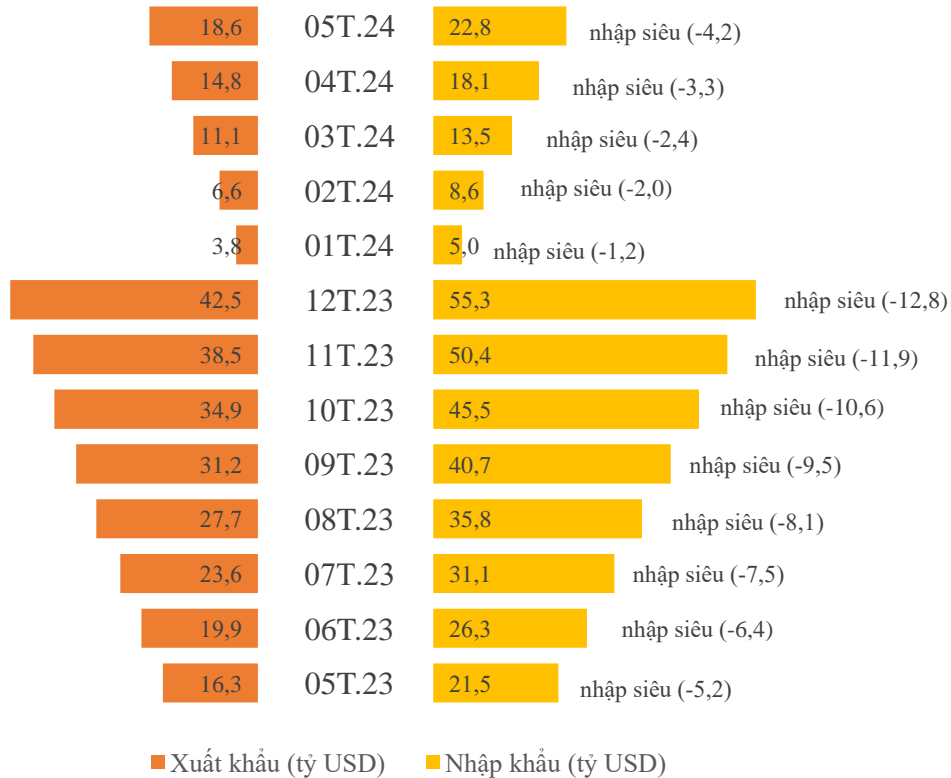
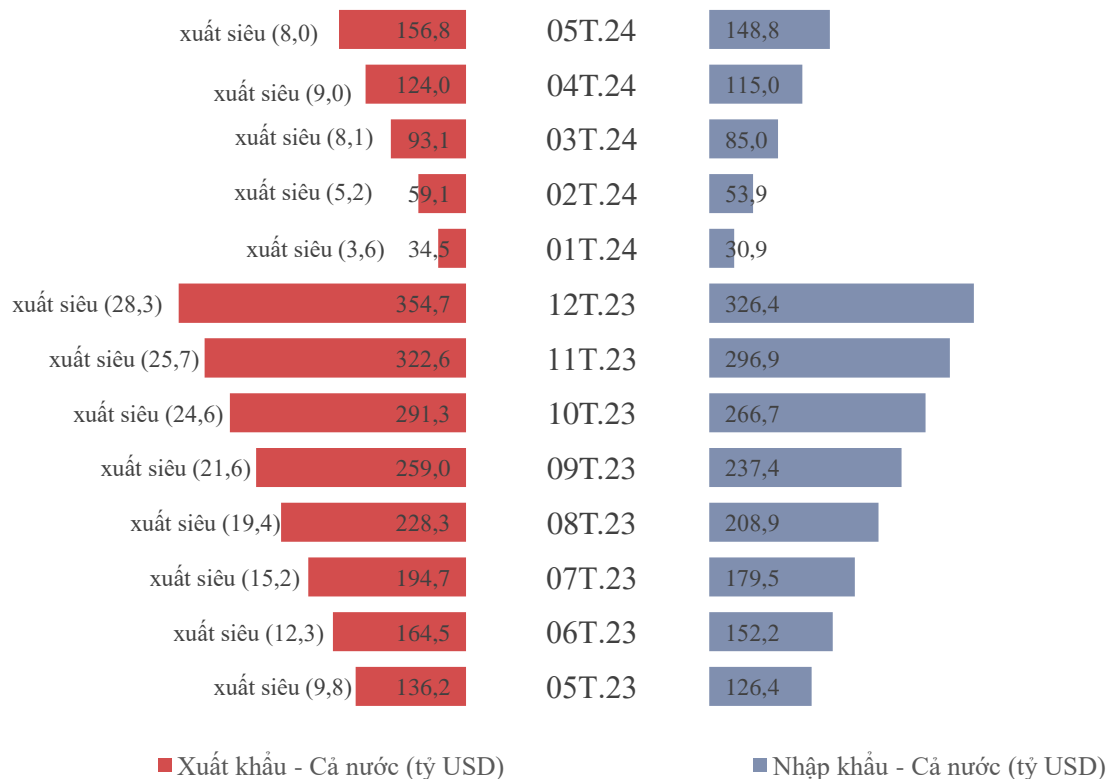


Giá trị nhập khẩu hàng hóa (lũy kế, tỷ USD)



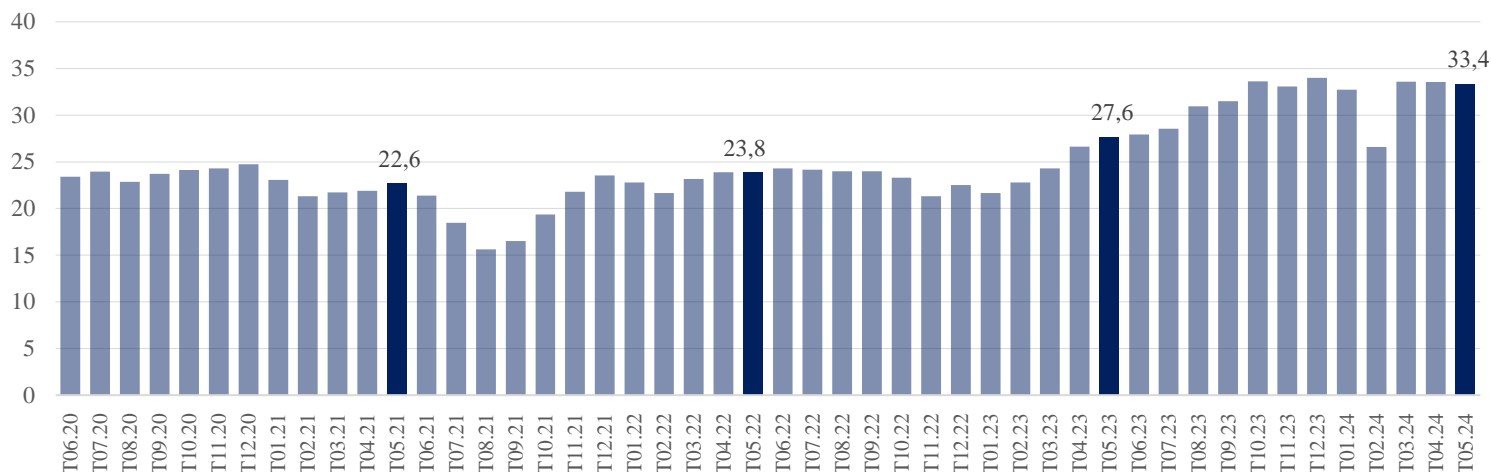
Giá trị nhập khẩu hàng hóa TP. HCM và Cả nước (lũy kế, tỷ USD)



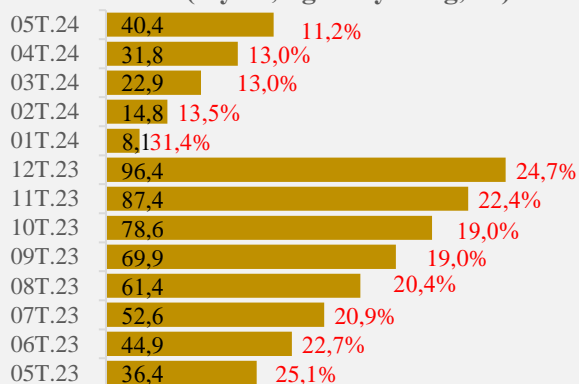
Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của **TP. HCM** (lũy kế, tỷ USD)Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của **Cả nước** (lũy kế, tỷ USD)

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 5 tháng đầu năm 2024 ước tăng 29,9% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu hành khách giảm 2,8%, doanh thu hàng hóa tăng 11,2% và doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát tăng 41,8% so với cùng kỳ.

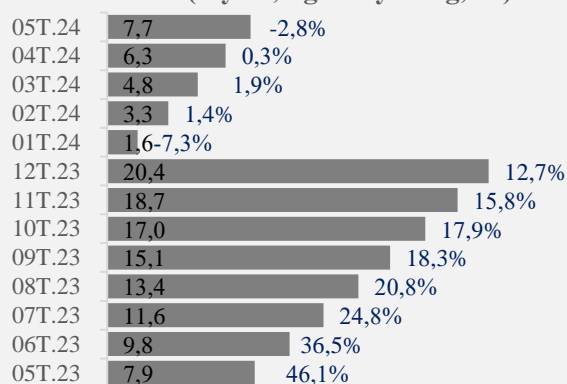
Doanh thu vận tải (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



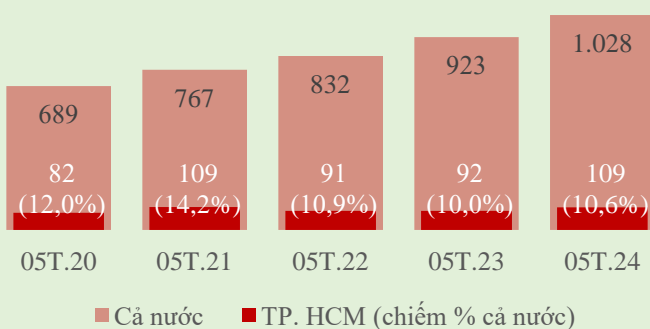
Doanh thu vận tải hàng hóa và tốc độ tăng
(lũy kế, nghìn tỷ đồng, %)



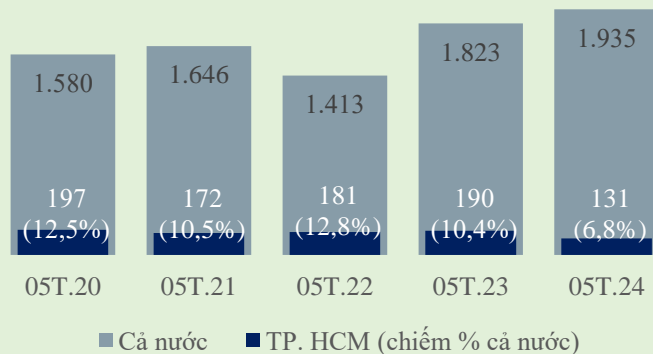
Doanh thu vận tải hành khách và tốc độ tăng
(lũy kế, nghìn tỷ đồng, %)

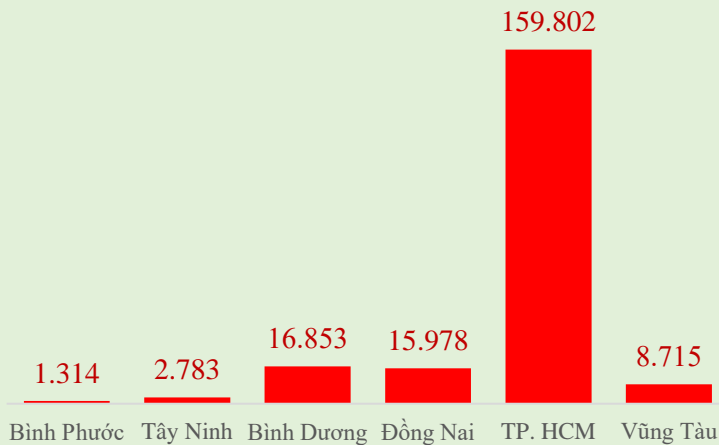
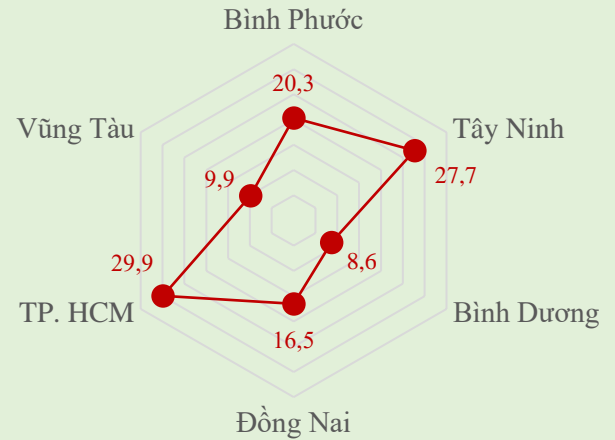


Khối lượng vận chuyển hàng hóa
TP. HCM và Cả nước (lũy kế, triệu tấn)

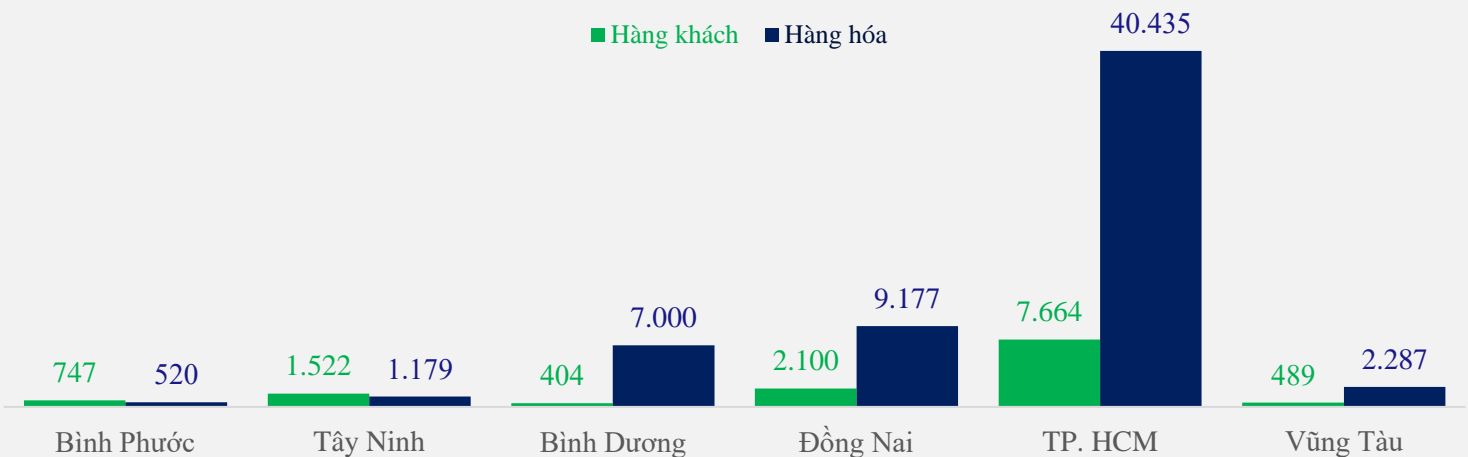


Khối lượng vận chuyển hành khách
TP. HCM và Cả nước (lũy kế, triệu khách)

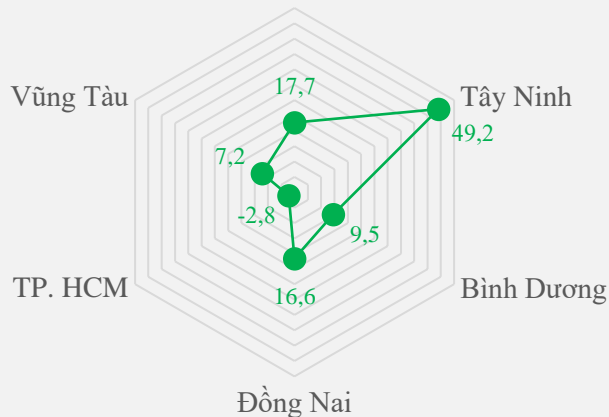


**Tổng doanh thu vận tải
5 tháng đầu năm 2024 (tỷ đồng)****Tốc độ tăng tổng doanh thu vận tải
5 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ (%)****Doanh thu vận tải hành khách, hàng hóa
5 tháng đầu năm 2024 (tỷ đồng)**

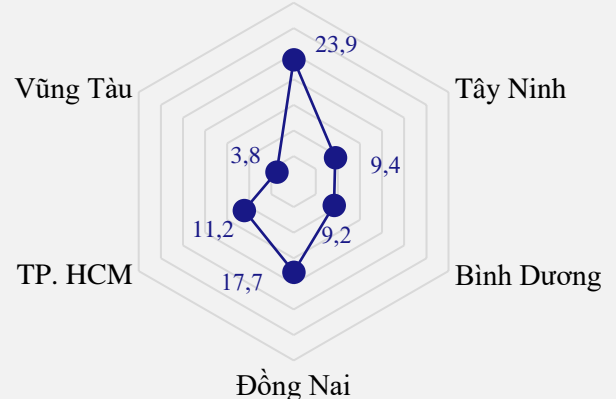
■ Hàng khách ■ Hàng hóa

**Tốc độ tăng doanh thu vận tải
hành khách so với cùng kỳ (%)**

Bình Phước

**Tốc độ tăng doanh thu vận tải
hàng hóa so với cùng kỳ (%)**

Bình Phước



Trật tự an toàn giao thông: Từ ngày 15/4/2024 đến ngày 14/5/2024, xảy ra 125 vụ tai nạn giao thông đường bộ (tăng 1% so với cùng kỳ), làm chết 29 người (giảm 41%); bị thương 92 người (tăng 28%).

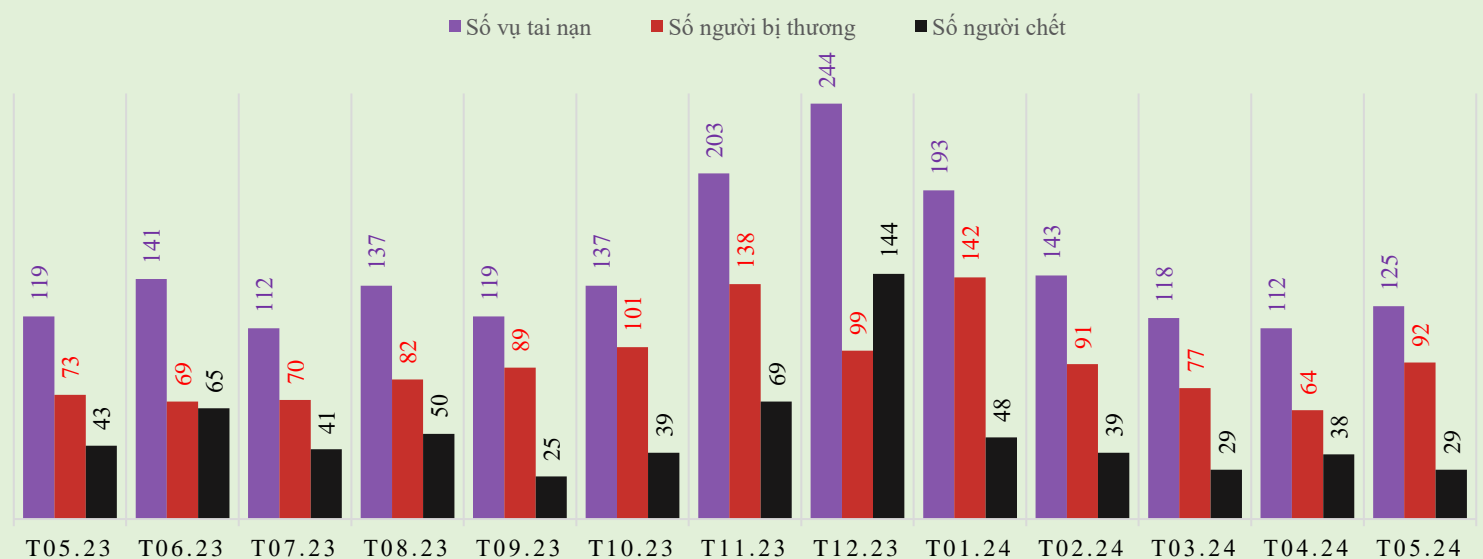
Tình hình cháy nổ: Trong tháng đã xảy ra 48 vụ cháy, tăng 29,8% so với cùng kỳ.

Vi phạm kinh tế: Trong tháng đã xử lý 124 vụ, 15 tổ chức, 122 cá nhân vi phạm về kinh tế, tham nhũng và buôn lậu.

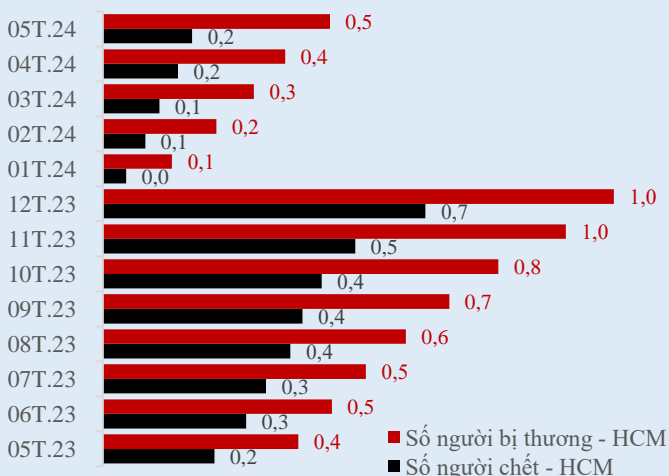
Giải quyết việc làm: Trong 5 tháng đầu năm 2024 đã giải quyết việc làm cho 138.135 lượt người, đạt 46,1% kế hoạch và có 62.004 chỗ việc làm mới được tạo ra, đạt 44,3% kế hoạch.

Giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp: Tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày 29/4/2024, Thành phố đã tiếp nhận 13.460 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 12.122 người lao động đủ điều kiện.

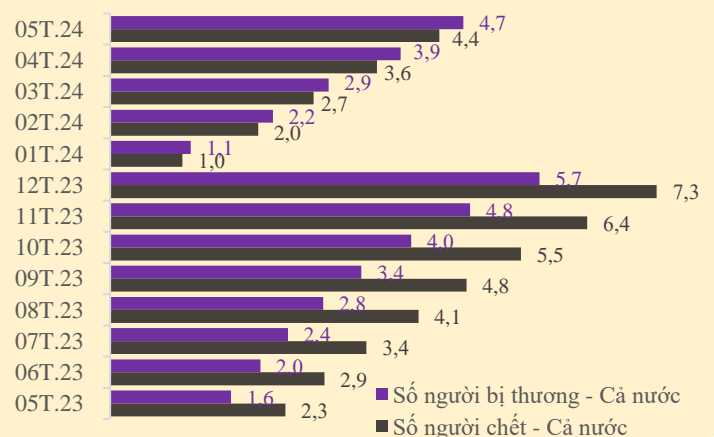
Tình hình tai nạn giao thông (theo tháng, số lượng)



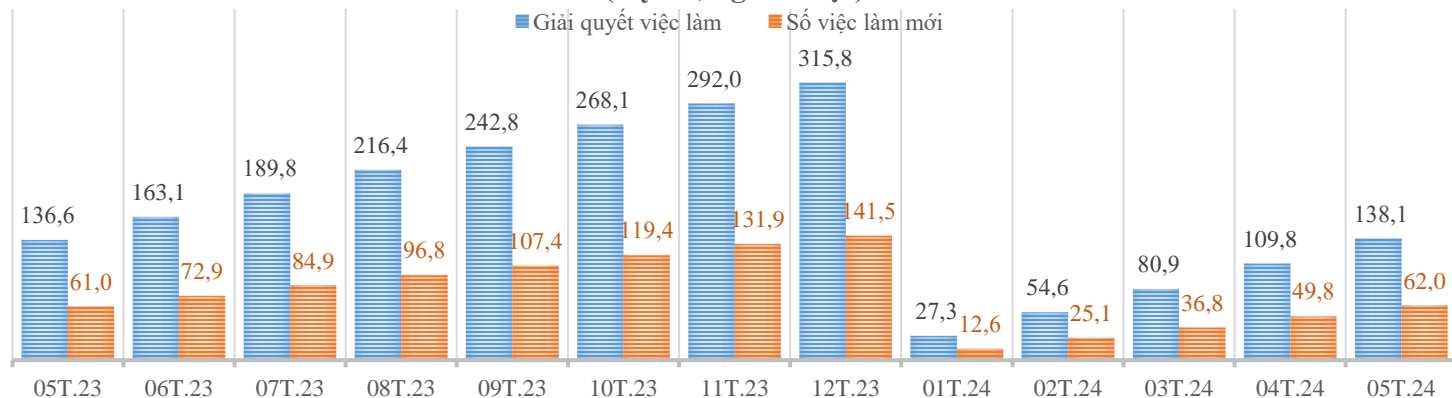
Số người chết và bị thương do tai nạn giao thông (lũy kế, nghìn người)



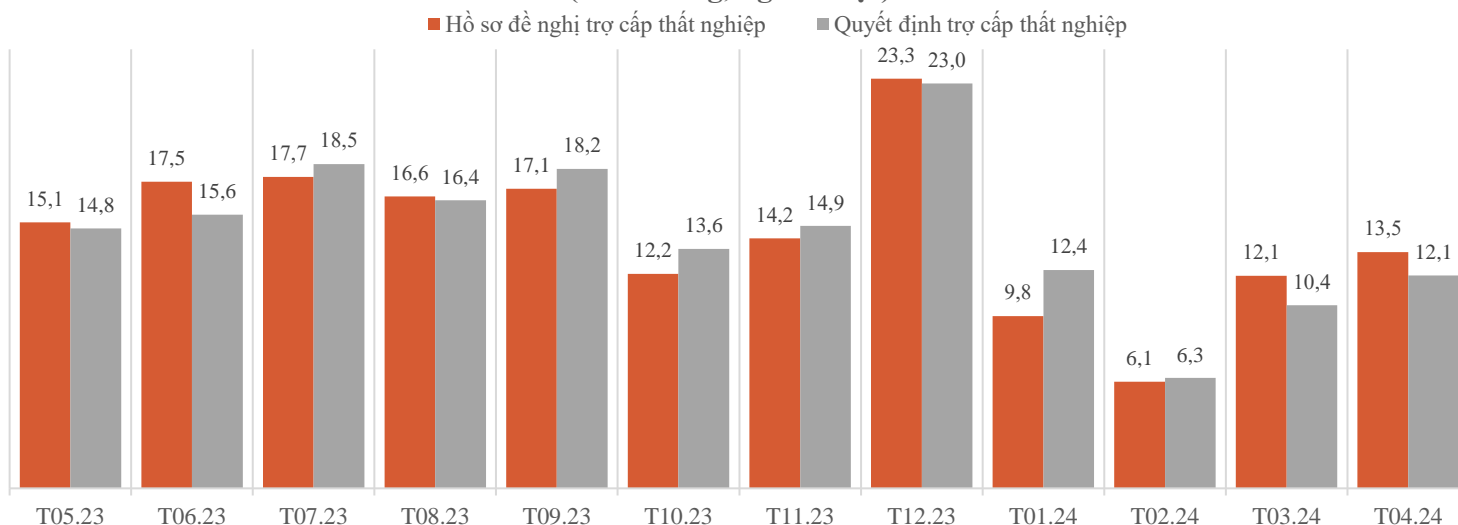
Số người chết và bị thương do tai nạn giao thông Cả nước (lũy kế, nghìn người)



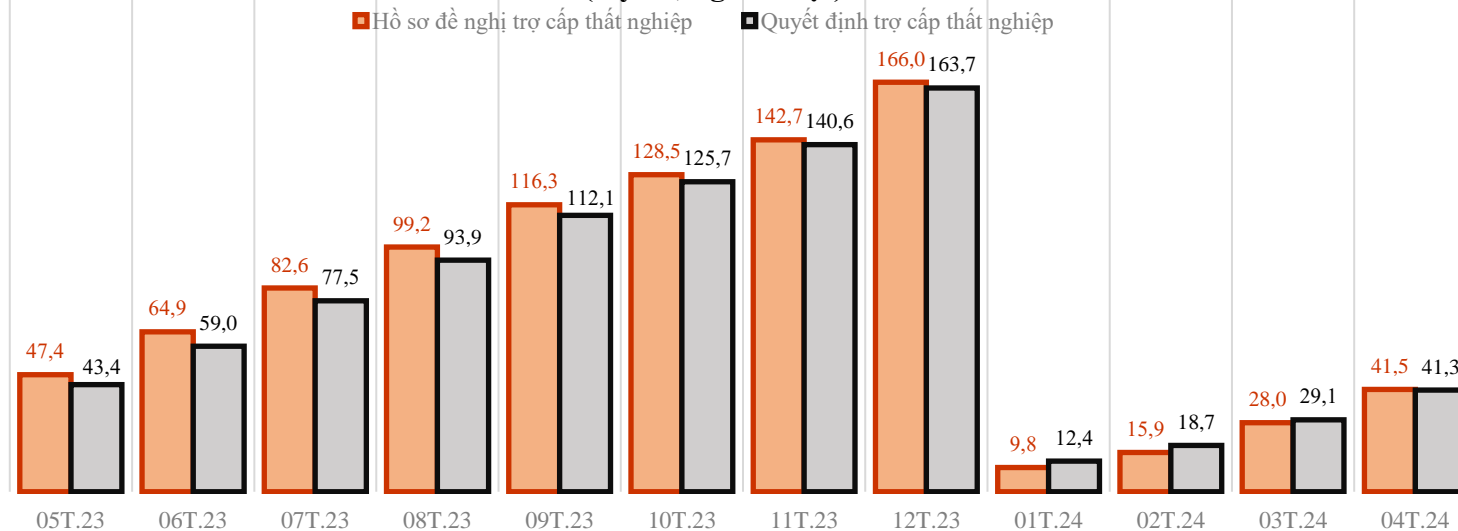
Số lượt giải quyết việc làm và số việc làm mới tạo ra
(lũy kế, nghìn lượt)



Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp
(theo tháng, nghìn lượt)



Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp
(lũy kế, nghìn lượt)



Nguồn: Sở LĐTBXH và Cục Thống kê tổng hợp

1. Kích cầu tiêu dùng nội địa

Tiêu dùng nội địa là động lực chính của tăng trưởng Thành phố và hiện tổng cầu nội địa khá thấp so với mức tiềm năng. Trong bối cảnh xuất khẩu chưa thể cải thiện rõ nét nhưng với việc Chính phủ triển khai đồng loạt chính sách tài khóa, tiền tệ linh hoạt thì Thành phố cần tiếp tục triển khai các chương trình khuyến mãi với quy mô lớn hơn để kích cầu tiêu dùng nội địa qua đó góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước. Đề xuất Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước thực hiện các gói vay tiêu dùng tín chấp với lãi suất đặc biệt nhằm kích cầu nội địa, bên cạnh đó Thành phố tiếp tục thực hiện tốt việc kìm chế lạm phát bằng Chương trình bình ổn giá đã thực hiện hiệu quả trong thời gian qua.

2. Giải ngân vốn đầu tư công

Giải ngân đầu tư công nổi lên như một điểm sáng là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đang gặp nhiều khó khăn, đầu tư công có ý nghĩa chiến lược, tạo sự lan tỏa sang các ngành khác và thúc đẩy kinh tế xã hội trong trung hạn và dài hạn. Thành phố tiếp tục các giải pháp nhằm phát huy vai trò, gắn trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu giải quyết vốn đầu tư công, đồng thời khẩn trương nâng cao năng lực chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây lắp. Tập trung xử lý vấn đề giải phóng mặt bằng và bố trí giải phóng mặt bằng thành một dự án độc lập, được thực hiện với các quy định đặc thù, phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm nâng cao tính sẵn sàng cho việc triển khai dự án. Các cơ chế và mức bồi thường phải thỏa đáng, bảo đảm quyền lợi cho người dân khi di dời, tái định cư để có sự đồng thuận khi triển khai. Bên cạnh đó, cần có cơ chế điều chỉnh kịp thời định mức thầu, giá thầu và giá các loại vật tư, vật liệu xây lắp khi có biến động giá trên thị trường; đảm bảo đầy đủ, kịp thời vật liệu xây lắp, đắp nền.

3. Đẩy mạnh xuất nhập khẩu

Xuất, nhập khẩu vẫn là động lực quan trọng đến tăng trưởng, vì vậy Thành phố cần khẩn trương, đi đầu thu hút các ngành, lĩnh vực sẽ trở thành xu hướng phát triển của kinh tế thế giới như xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao. Bên cạnh đó Thành phố đẩy nhanh việc đa dạng hóa sản phẩm và đa dạng hóa thị trường xuất, nhập khẩu.

4. Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao

Thực hiện hiệu quả Đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao.

Nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động góp phần đảm bảo nhu cầu lao động cần thiết cho nền kinh tế vừa đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực, từ đó góp phần cải thiện năng suất lao động.

5. Cải thiện chất lượng tăng trưởng

Tăng cường đầu tư cho khoa học - công nghệ, để khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực, là giải pháp đột phá chiến lược quan trọng thúc đẩy Thành phố phát triển nhanh và bền vững.

Thành phố tập trung các giải pháp nâng cao năng suất lao động từ chính tăng trưởng nội sinh từng ngành kinh tế mang lại, qua đó sẽ góp phần dịch chuyển cơ cấu theo chiều sâu.

6. Chính quyền Thành phố

Triển khai hiệu quả Nghị Quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh.

Đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân để phát triển sản xuất kinh doanh, rà soát và giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng của mà doanh nghiệp đã kiến nghị trong thời gian qua.

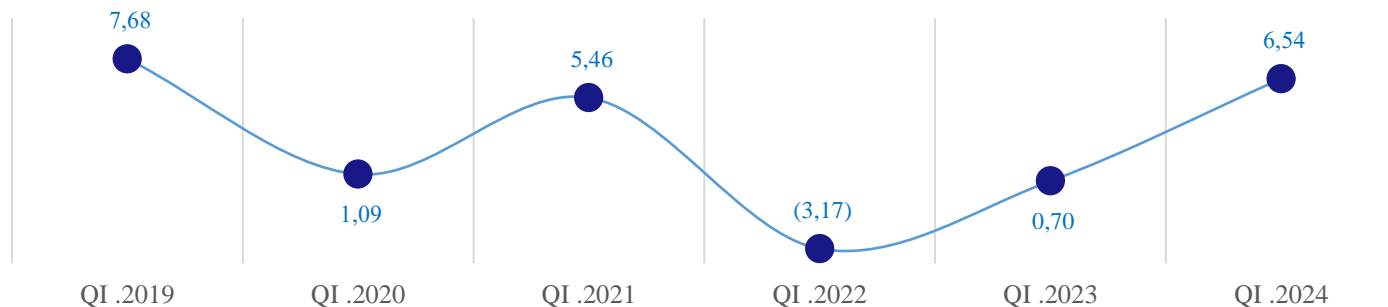
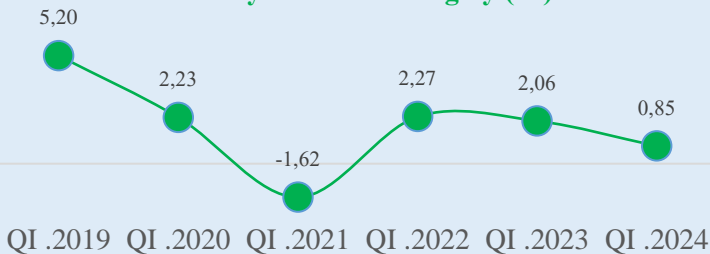
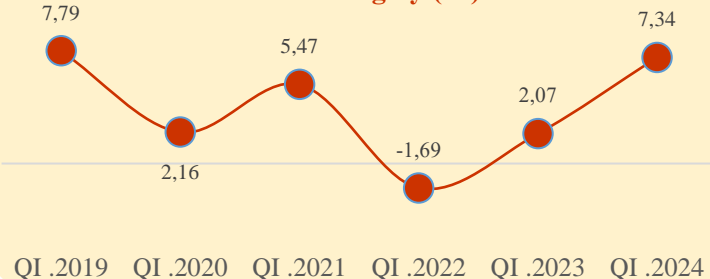
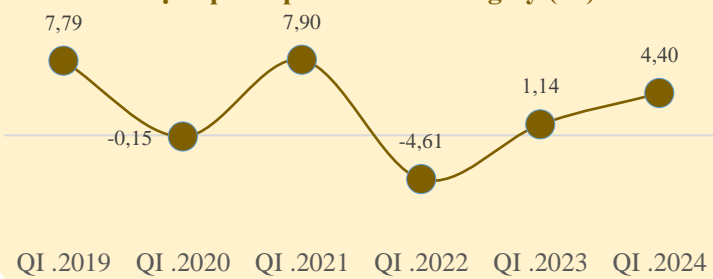
Chỉ đạo các Sở, Ban ngành khẩn trương xây dựng kịch bản, đánh giá những tồn tại đang cản trở tăng trưởng, đặc biệt đối với nhóm thể chế và môi trường pháp lý, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm khơi thông nguồn lực gắn tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị với tinh thần khẩn trương, sát sao, cụ thể trong điều hành và xử lý nghiêm đối với cán bộ thiếu trách nhiệm.

Thực hiện hiệu quả các Đề án về cải cách hành chính, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số quản trị và hành chính công. Xây dựng Thành phố là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với định hướng phát triển Thành phố thành trung tâm giáo dục, khoa học công nghệ, trung tâm tài chính; trung tâm khởi nghiệp, lập nghiệp.

Cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

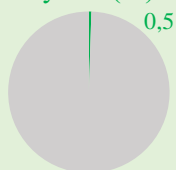
Tốc độ tăng GRDP Thành phố quý I năm 2024

Quý I năm 2024	Nông nghiệp	0,85%	Công nghiệp, xây dựng	5,66%	Dịch vụ	7,34%
GRDP	6,54%					

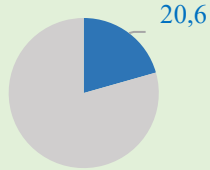
Tốc độ tăng GRDP TP. HCM
Quý I giai đoạn 2019-2024 (%)Giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp
và thủy sản so với cùng kỳ (%)Giá trị tăng thêm khu vực
Công nghiệp, xây dựng so với cùng kỳ (%)Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ
so với cùng kỳ (%)Giá trị tăng thêm khu vực thuế sản phẩm trừ
trợ cấp sản phẩm so với cùng kỳ (%)

Cơ cấu GRDP quý I năm 2024 (theo giá hiện hành)

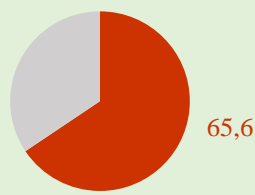
Khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản (%)



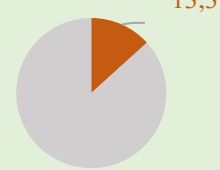
Công nghiệp, xây dựng (%)



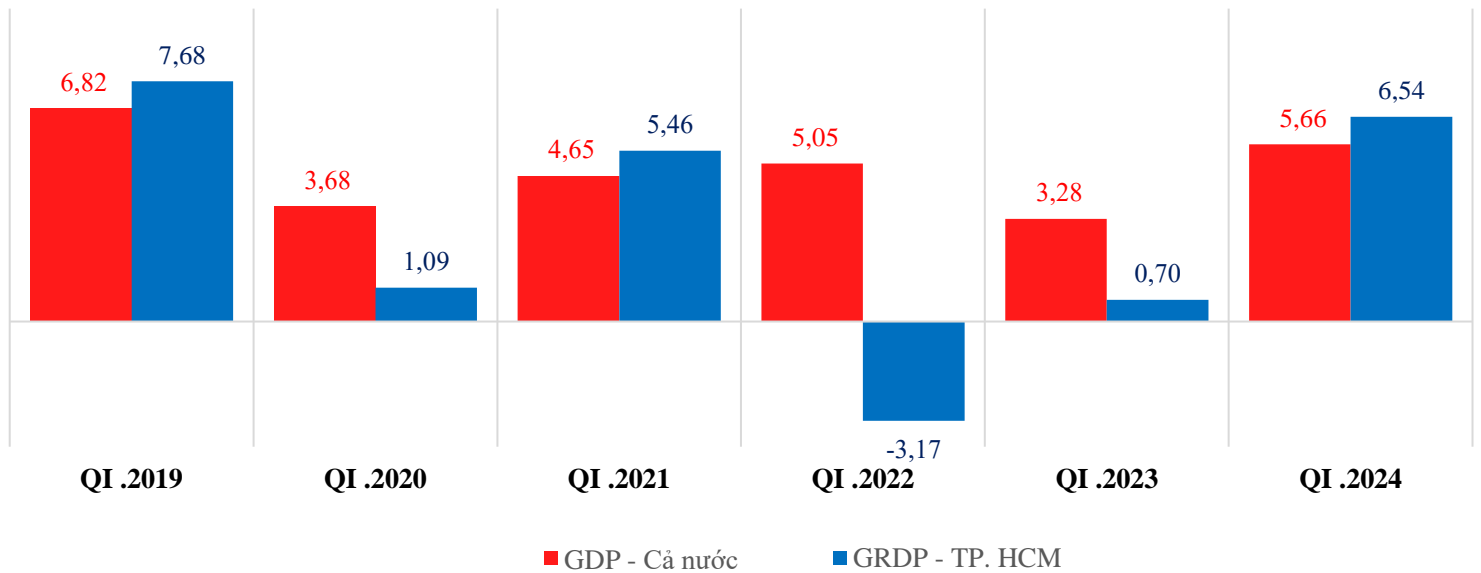
Dịch vụ (%)



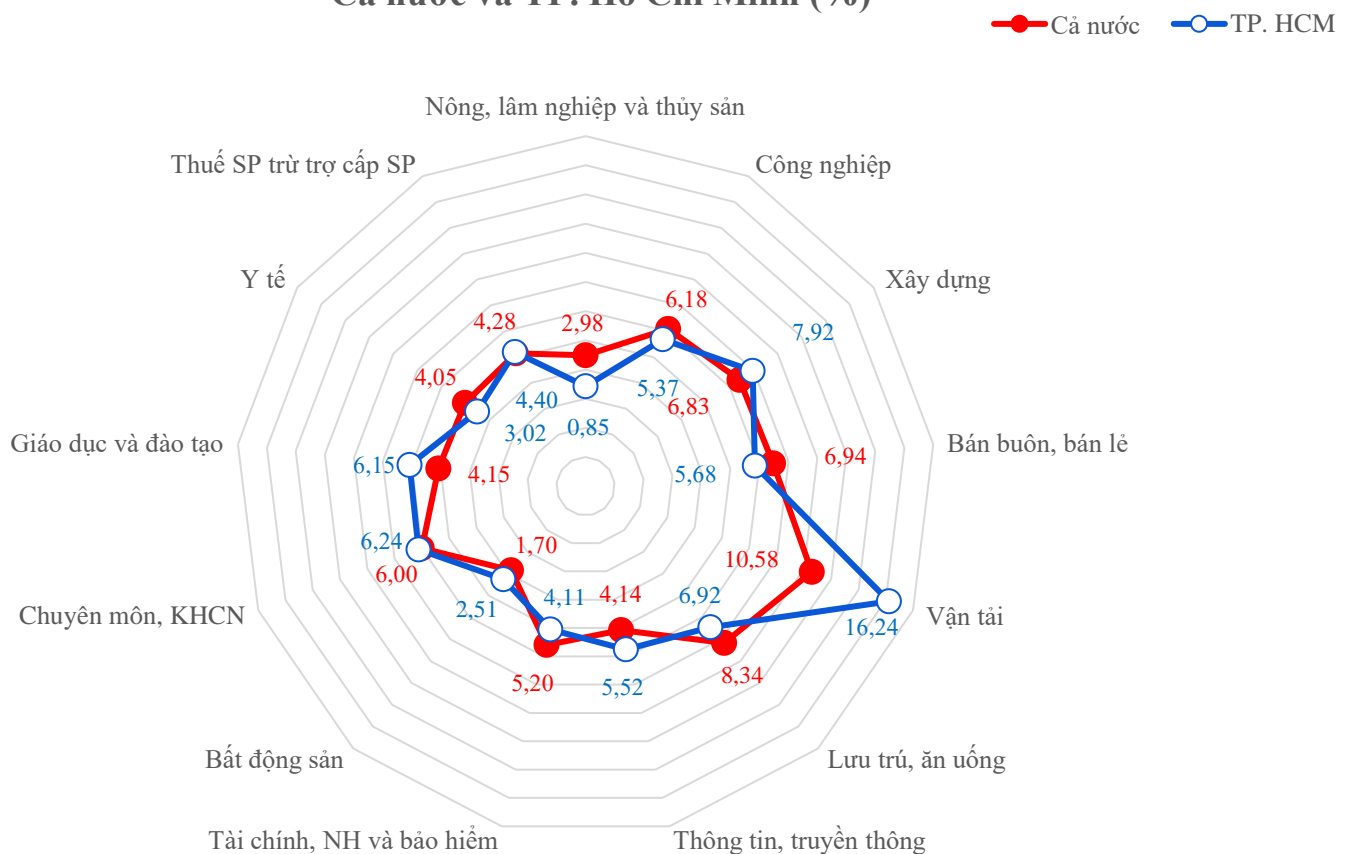
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)



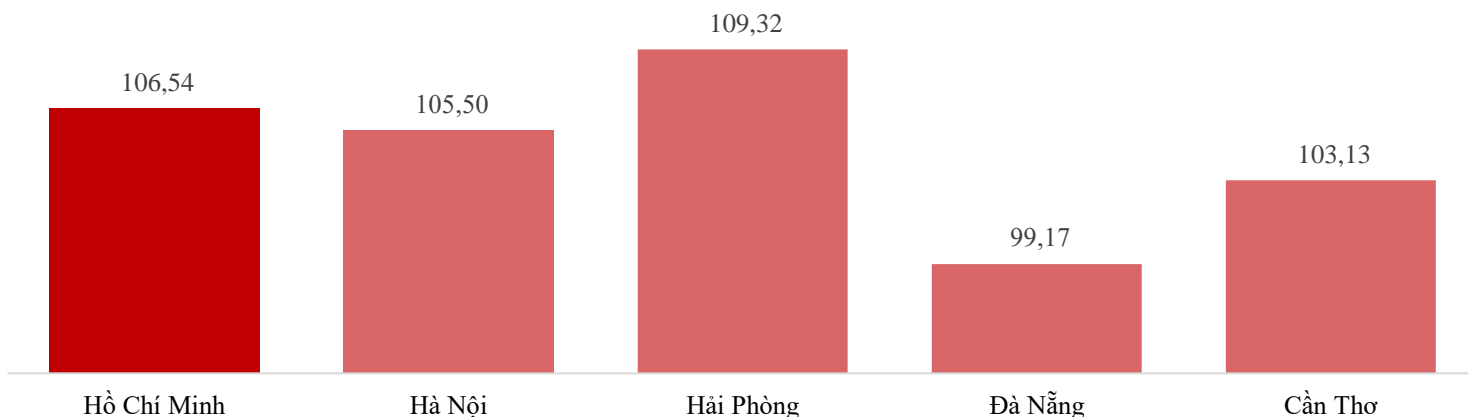
Tốc độ tăng GDP Cả nước và GRDP Thành phố Quý I các năm 2019-2024 (%)



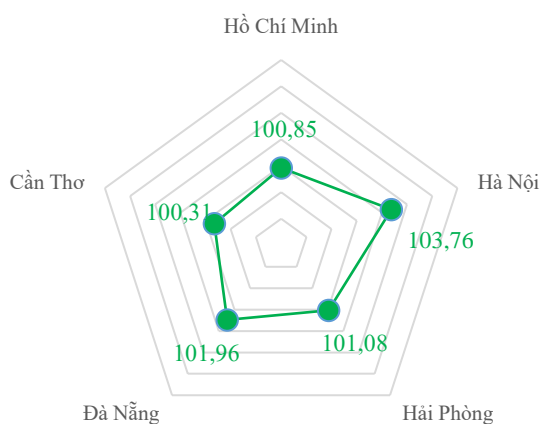
Tốc độ tăng giá trị tăng thêm một số ngành Cả nước và TP. Hồ Chí Minh (%)



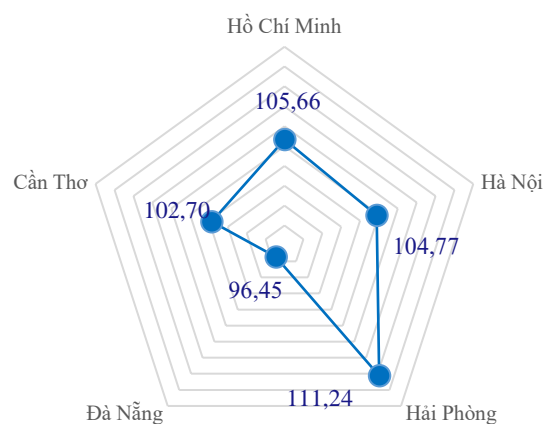
Chỉ số phát triển GRDP quý I năm 2024 so với cùng kỳ (%)



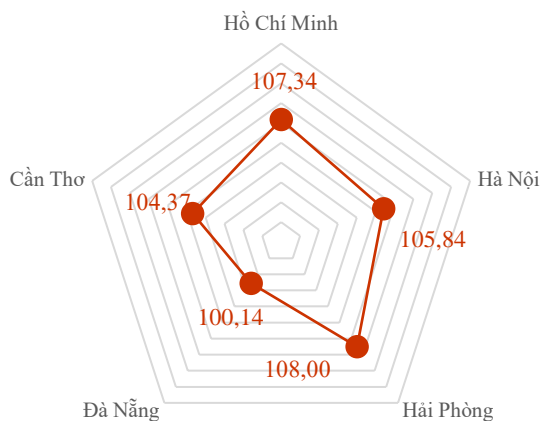
Giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản so với cùng kỳ (%)



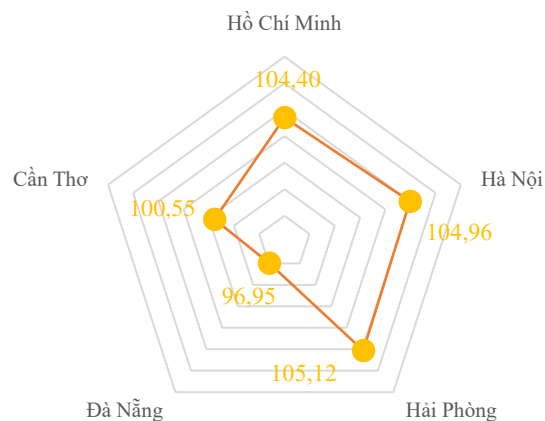
Giá trị tăng thêm khu vực Công nghiệp, xây dựng so với cùng kỳ (%)



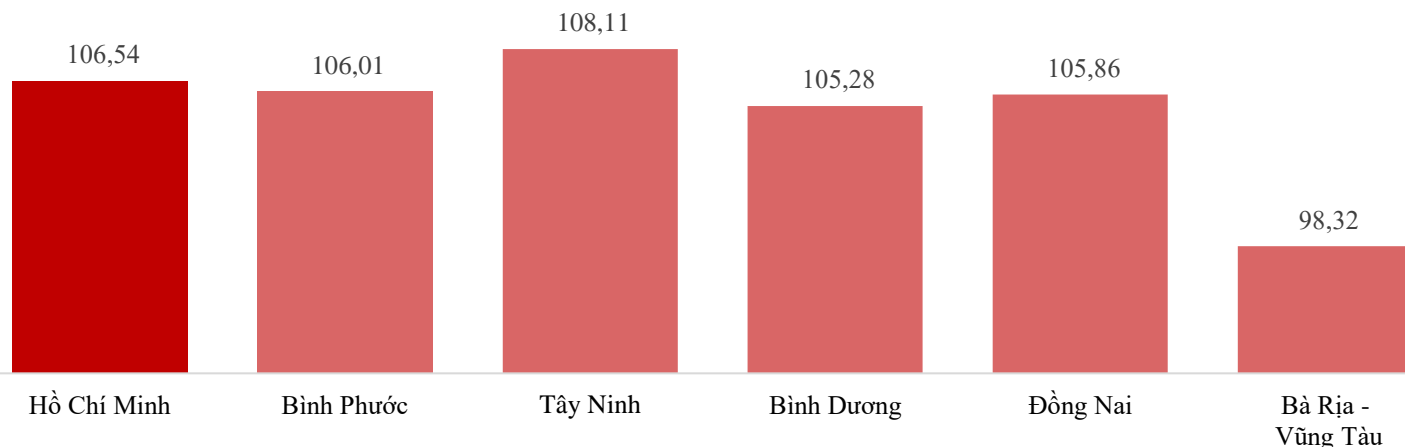
Giá trị tăng thêm khu vực Dịch vụ so với cùng kỳ (%)



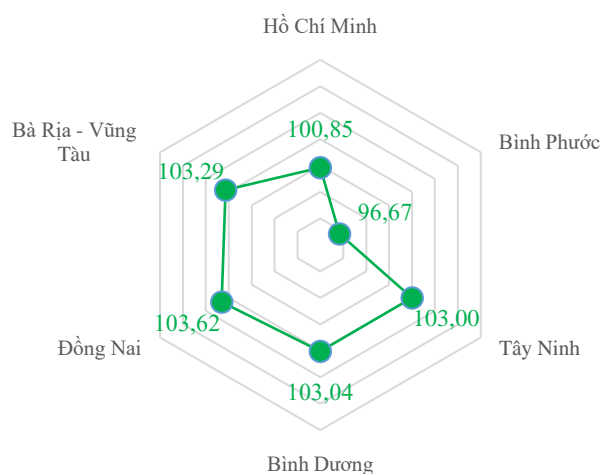
Giá trị tăng thêm Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm so với cùng kỳ (%)



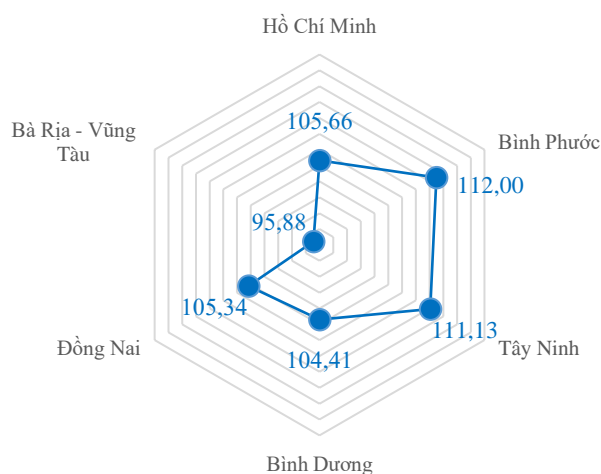
Chỉ số phát triển GRDP Quý I năm 2024 so với cùng kỳ (%)



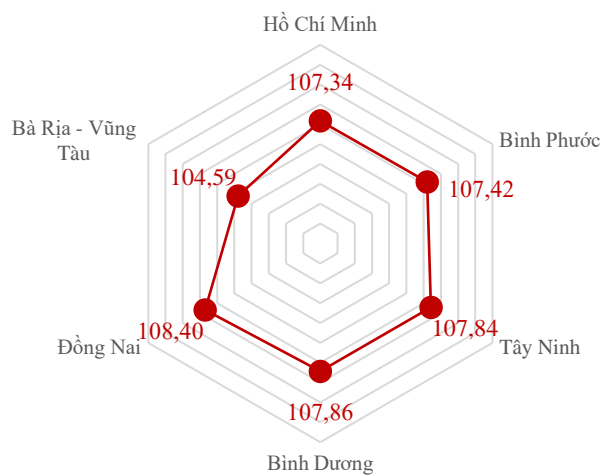
Giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản so với cùng kỳ (%)



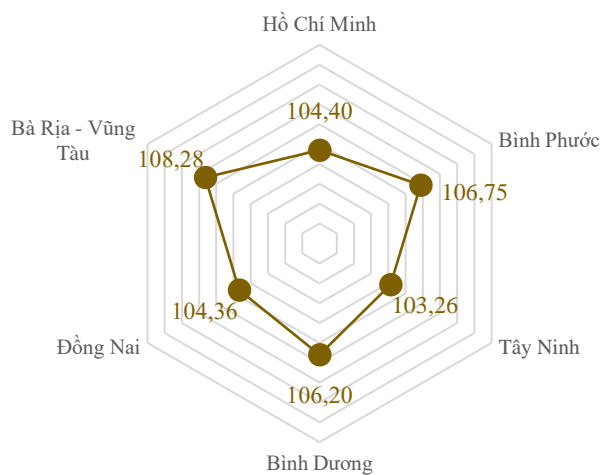
Giá trị tăng thêm khu vực Công nghiệp, xây dựng so với cùng kỳ (%)

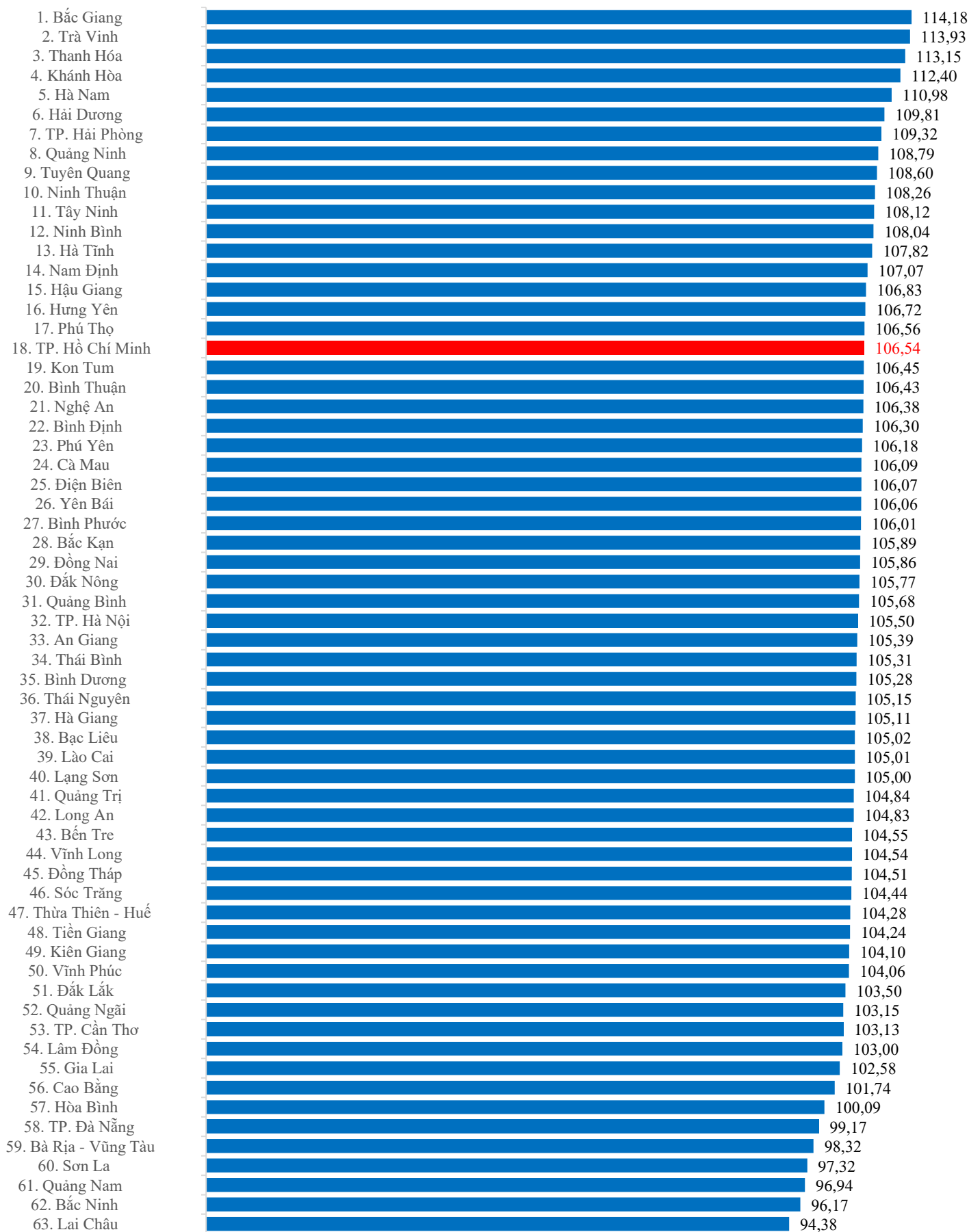


Giá trị tăng thêm khu vực Dịch vụ so với cùng kỳ (%)



Giá trị tăng thêm Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm so với cùng kỳ (%)





**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

<https://thongkehochiminh.gso.gov.vn>